

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của**  
**Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Bình Định, tháng 10 - 2019**





**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 2162/QĐ-ĐHQN ngày 10 tháng 11 năm 2017 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT  | Họ và tên              | Chức vụ  | Nhiệm vụ     | Chữ ký |
|-----|------------------------|--|--------------|--------|
| 1.  | Ông Đỗ Ngọc Mỹ         | PGS.TS, Hiệu trưởng  | Chủ tịch     |        |
| 2.  | Ông Đinh Thanh Đức     | PGS. TS, Phó Hiệu trưởng   | Phó Chủ tịch |        |
| 3.  | Ông Nguyễn Lê Tuấn     | TS, Trưởng khoa Hóa  | Phó Chủ tịch |        |
| 4.  | Ông Nguyễn Văn Thắng   | TS, GV khoa Hóa  | Thư ký       |        |
| 5.  | Ông Võ Viễn            | PGS.TS, Thành viên Hội đồng<br>trưởng, Viện trưởng Viện NCUD<br>KH&CN, GV khoa Hóa | Thành viên   |        |
| 6.  | Ông Nguyễn Hữu Tiến    | ThS, TP. KT&ĐBCL   | Thành viên   |        |
| 7.  | Ông Huỳnh Công Tú      | TS, PTP. Đào tạo đại học   | Thành viên   |        |
| 8.  | Bà Nguyễn Thị Việt Nga | TS, Phó Trưởng khoa Hóa  | Thành viên   |        |
| 9.  | Ông Nguyễn Phi Hùng    | PGS.TS, Viện trưởng Viện<br>NCSP&KHGD, GV khoa Hóa                                 | Thành viên   |        |
| 10. | Bà Hoàng Nữ Thùy Liên  | ThS, TBM. Hữu cơ và Phương<br>pháp dạy học, khoa Hóa                               | Thành viên   |        |
| 11. | Ông Cao Văn Hoàng      | TS, TBM. Phân tích, khoa Hóa   | Thành viên   |        |
| 12. | Ông Phạm Ngọc Thạch    | ThS, TBM. Vô cơ, khoa Hóa  | Thành viên   |        |
| 13. | Bà Trương Thanh Tâm    | TS, TBM. CNHH, khoa Hóa  | Thành viên   |        |
| 14. | Ông Võ Văn Duyên Em    | TS, GV khoa Hóa  | Thành viên   |        |
| 15. | Bà Vũ Thị Ngân         | PGS.TS, TBM HI.-HĐC, khoa<br>Hóa   | Thành viên   |        |
| 16. | Bà Trương Thị Cẩm Mai  | TS, GV khoa Hóa  | Thành viên   |        |
| 17. | Bà Phạm Thị Nhung      | SV SPK39, khoa Hóa   | Thành viên   |        |

(Danh sách gồm có 17 người)



## MỤC LỤC

|  |                                     |
|--|-------------------------------------|
| PHẦN I: KHÁI QUÁT.....   | 1                                   |
| 1. Đặt vấn đề .....  | 1                                   |
| 2. Tổng quan chung.....  | 5                                   |
| PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....  | 12                                  |
| Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....  | 12                                  |
| Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo.....  | 20                                  |
| Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....   | 28                                  |
| Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....   | 37                                  |
| Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học.....  | 44                                  |
| Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.....   | 56                                  |
| Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên.....   | 72                                  |
| Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....   | 81                                  |
| Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....  | 91                                  |
| Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.....  | 100                                 |
| Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....   | 115                                 |
| PHẦN III: KẾT LUẬN.....  | 1                                   |
| 1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học.....                                       | 1                                   |
| 2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học.....                                    | 9                                   |
| 3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.....  | 15                                  |
| 4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo.....  | 18                                  |
| PHẦN IV. PHỤ LỤC.....  | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....                                      | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| Phụ lục 2. QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC..... | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| Phụ lục 3. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC.....                              | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |
| Phụ lục 4. DANH MỤC CÁC MINH CHỨNG.....  | <b>Error! Bookmark not defined.</b> |

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

|         |   |                                |
|---------|---|--------------------------------|
| CDR     | : | Chuẩn đầu ra                   |
| CLĐT    | : | Chất lượng đào tạo             |
| CTDH    | : | Chương trình dạy học           |
| CTĐT    | : | Chương trình đào tạo           |
| CTGDĐH  | : | Chương trình giáo dục đại học  |
| CSVC    | : | Cơ sở vật chất                 |
| CVHT    | : | Cố vấn học tập                 |
| ĐCCTHP  | : | Đề cương chi tiết học phần     |
| ĐHQN    | : | Đại học Quy Nhơn               |
| GDDH    | : | Giáo dục đại học               |
| GD&ĐT   | : | Giáo dục và Đào tạo            |
| GS      | : | Giáo sư                        |
| GV      | : | Giảng viên                     |
| KH&CN   | : | Khoa học và công nghệ          |
| KT&ĐBCL | : | Khảo thí và đảm bảo chất lượng |
| KTX     | : | Ký túc xá                      |
| MC      | : | Minh chứng                     |
| MTĐT    | : | Mục tiêu đào tạo               |
| NCKH    | : | Nghiên cứu khoa học            |
| NCS     | : | Nghiên cứu sinh                |
| PCCC    | : | Phòng cháy chữa cháy           |
| PGS     | : | Phó giáo sư                    |
| SV      | : | Sinh viên                      |
| TC      | : | Tín chỉ                        |
| THPT    | : | Trung học phổ thông            |

TN-TH : Thí nghiệm thực hành  
ThS : Thạc sĩ  
TTTL : Thông tin tư liệu  
TS : Tiến sĩ  
YKPH : Ý kiến phản hồi  
KTX : Ký túc xá





## PHẦN I: KHÁI QUÁT

### 1. Đặt vấn đề

#### *1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá*

Hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHQN luôn quan tâm đến nâng cao CLĐT nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có trình độ cao cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước, phù hợp với sứ mạng của Nhà trường là “đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội”.

Khoa Hóa là một đơn vị đào tạo thuộc Trường ĐHQN; bởi vậy, sứ mạng của Khoa Hóa là sự cụ thể hóa sứ mạng của Nhà trường trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trình độ đại học, sau đại học; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực Hóa học.

CTĐT cử nhân Sư phạm Hóa học là một trong ba CTĐT bậc đại học mà Khoa Hóa đang đào tạo hiện nay được xây dựng trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN. Các mục tiêu và CDR của chương trình được xác định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Khoa và của Trường ĐHQN và được phổ biến đến GV và SV, được rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước nói chung, của GD&ĐT nói riêng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, để nâng cao CLĐT nguồn nhân lực trình độ cao cho xã hội, việc thẩm định, đánh giá CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết. Vì thế, Trường ĐHQN tự nguyện đăng ký tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Sư phạm Hóa học theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT, theo các công văn hướng dẫn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT. Trường ĐHQN coi đây một cơ hội tốt để kiểm định, đánh giá một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT đại học ngành Sư phạm Hóa học để từ đó xác định những việc cần làm, nhằm đảm bảo, duy trì và nâng cao chất lượng của CTĐT, tiến tới đào tạo theo hướng chuẩn khu vực và quốc tế.

## **Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa**

### **học bao gồm 4 phần:**

- Phần I. Khái quát

+ Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT (mô tả cấu trúc, nội dung, cách mã hóa minh chứng,...)

+ Tổng quan chung về Trường ĐHQN và Khoa Hóa (tóm tắt sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách và hoạt động đảm bảo chất lượng thực hiện CTĐT...)

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Tự đánh giá lần lượt từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT với cấu trúc như sau:

Tiêu chuẩn ...

Mở đầu

Tiêu chí ...

1. Mô tả (Mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT theo các nội hàm của tiêu chí...)

2. Điểm mạnh (Nêu những điểm mạnh nổi bật của CTĐT)

3. Điểm tồn tại (Nêu những điểm tồn tại của CTĐT)

4. Kế hoạch hành động (Kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại...)

5. Tự đánh giá (Tự đánh giá mức độ đạt yêu cầu của tiêu chí)

Kết luận về Tiêu chuẩn...

- Phần III. Kết luận (Tóm tắt những điểm mạnh, điểm cần phát huy của CTĐT; những điểm tồn tại, những vấn đề cần cải tiến chất lượng; kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT).

- Phần IV. Phụ lục (Gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT; cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các tài liệu liên quan khác; danh mục MC).

### **1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá**

#### **a. Mục đích tự đánh giá**

- Xác định mức độ đáp ứng của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học so với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT.

- Là cơ sở để cải tiến, nâng cao chất lượng của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học.
- Là cơ sở để giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình; cơ sở cho người học lựa chọn chương trình và nhà sử dụng lao động tuyển chọn nhân lực.
- Là cơ sở để đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT.

#### **b. Phạm vi tự đánh giá**

Đánh giá các hoạt động của Khoa Hóa và các đơn vị phối hợp của Trường ĐHQN trong việc thực hiện CTĐT ngành Sư phạm Hóa học theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành. Thời gian đánh giá: giai đoạn 2014 - 2018.

#### **c. Phương pháp và công cụ đánh giá**

Quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Văn bản hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH số 1074/KTKĐGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT;

Văn bản hướng dẫn tự đánh giá CTĐT số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT;

Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được tiến hành một cách khách quan, trung thực, công khai và minh bạch; các mô tả, phân tích, nhận định, kết luận được đưa ra đều dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đủ độ tin cậy. Trong quá trình thực hiện tự đánh giá CTĐT, bên cạnh các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách, Khoa đã huy động phần lớn các GV, viên chức của Khoa và một số cá nhân, đơn vị liên quan trong trường tham gia phối hợp, hỗ trợ các nhóm công tác của Hội đồng để triển khai tự đánh giá CTĐT.

#### **d. Hội đồng tự đánh giá**

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được thành lập theo Quyết định số 2162/QĐ-ĐHQN ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường

ĐHQN, Hội đồng gồm có 17 thành viên (danh sách kèm theo).

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm có: Ban thư ký gồm 7 thành viên và 4 nhóm công tác gồm 27 thành viên được thành lập theo Quyết định số 2162/QĐ-ĐHQN ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN.

#### **e. Quy trình tự đánh giá CTĐT**

Quy trình tự đánh giá CTĐT gồm các bước sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách;
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;
- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và MC;
- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và MC thu được;
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Trường để đọc và góp ý kiến; hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

#### **f. Phương pháp mã hóa minh chứng**

Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp MC” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp  $n \geq 10$  thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (thông tin và MC thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

## **2. Tổng quan chung**

### **2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Quy Nhơn**

Trường ĐHQN đã trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, từ một cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21 tháng 12 năm 1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục (nay là Bộ GD&ĐT), “có nhiệm vụ: Đào tạo bồi dưỡng giáo viên cấp 3 theo kế hoạch, chương trình, quy chế, chế độ của Nhà nước và Bộ Giáo dục quy định”. Sau đó, ngày 13 tháng 7 năm 1981 Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Quyết định số 02/HĐBT về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn, “có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các trường phổ thông trung học”. Đến ngày 30 tháng 10 năm 2003 Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn được đổi tên thành Trường ĐHQN theo Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, “có nhiệm vụ: 1. Đào tạo giáo viên trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành nghề đào tạo phù hợp với khả năng của trường và nhu cầu nhân lực xã hội. 2. NCKH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”.

Trường ĐHQN là một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, không ngừng phát triển cả về quy mô, lĩnh vực đào tạo lẫn trình độ và chất lượng đào tạo, cả về số lượng và chất lượng đội ngũ GV, viên chức. Tính đến tháng 12 năm 2018, Nhà trường có 16 khoa, 12 phòng, 02 viện, 06 trung tâm và 01 trạm y tế với 772 viên chức trong đó có 546 GV cơ hữu, 01 GS, 32 PGS, 142 TS, 359 ThS và hơn 140 GV đang làm NCS trong nước và nước ngoài. Đây là nguồn nhân lực dồi dào, nền móng vững chắc đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện Nhà trường theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Nhà trường hiện đang đào tạo 46 ngành trình độ đại học thuộc các khối sư phạm, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế và quản trị kinh doanh, kỹ thuật và công nghệ, với quy mô hơn 13.000 SV chính quy và khoảng 4.000 SV không chính quy; 17 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, 03 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ với quy mô gần 1.000 học viên, NCS.

Bước vào giai đoạn mới với những thách thức và cơ hội mới, Trường ĐHQN đã và đang phát huy những thành quả đạt được, quyết tâm phấn đấu xây dựng và phát triển thành trường đảm bảo chuẩn chất lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của khu vực và cả nước, nhằm tiếp tục khẳng định sứ mạng, mục tiêu, vai trò và chức năng nhiệm vụ của mình,

góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

### ***Cơ cấu tổ chức của nhà trường***

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHQN được thực hiện theo Điều 14 Luật Giáo dục đại học, bao gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Phòng chức năng, trung tâm, trạm;
- Khoa, bộ môn;
- Các trung tâm dịch vụ đào tạo, các viện NCKH và công nghệ; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng tư vấn.

### ***Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi***

Trường ĐHQN xác định sứ mệnh và tầm nhìn phù hợp với các chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của mình; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khu vực và cả nước. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường được công bố theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN và được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các văn bản, phương tiện truyền thông nội bộ và bên ngoài xã hội.

**Sứ mệnh:** “Trường ĐHQN là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.”

**Tầm nhìn:** “Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.”

**Giá trị cốt lõi:** “Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn”.

### ***Triết lý giáo dục***

Để hoàn thành sứ mạng của mình, Trường Đại học Quy Nhơn xác định Triết lý giáo dục của Trường là: "**Toàn diện – Khai phóng – Thực nghiệp**". Triết lý giáo dục

được Nhà trường công bố theo Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN. Toàn thể công chức, viên chức, người học trong Trường có trách nhiệm phổ biến, quán triệt đầy đủ, chính xác nội dung, ý nghĩa của triết lý giáo dục của Trường ĐHQN; đồng thời xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Nhà trường, đơn vị cho phù hợp.

Nhà trường đã xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, triết lý giáo dục và mục tiêu đề ra, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cả nước và có các biện pháp cụ thể nhằm thực hiện có hiệu quả kế hoạch, mục tiêu chiến lược đề ra.

### ***Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục***

Từ năm 2007, Trường ĐHQN đã thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục và các CTĐT giáo viên theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Năm 2016, Nhà trường tiếp tục triển khai tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2017, Trường được kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường ĐHQN (theo Quyết định số 120/QĐ-CEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng).

## ***2.2. Giới thiệu về Khoa Hóa***

### **Quá trình hình thành và phát triển**

Khoa Hóa có tiền thân là Ban Hóa - Địa thuộc Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn, được thành lập năm 1990. Nhiệm vụ ban đầu của Khoa Hóa là đào tạo cử nhân Sư phạm Hóa học, những năm về sau do nhu cầu nguồn nhân lực của các tỉnh thuộc duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, phát triển thêm nhiệm vụ đào tạo cử nhân Hóa học và kỹ sư Công nghệ kỹ thuật hóa học. Nhằm đáp ứng hơn nữa về nhu cầu nhân lực trình độ cao của khu vực và cả nước, năm 2012 Khoa Hóa đã mở đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Hóa lý thuyết và hóa lý. Đến năm 2016 bắt đầu đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Hóa lý thuyết và hóa lý và thạc sĩ Hóa vô cơ. Ngoài công tác đào tạo, Khoa Hóa còn có nhiệm vụ bồi dưỡng nhân tài, NCKH, chuyển giao công nghệ phục vụ các yêu cầu của địa phương và xã hội.

Qua hơn 28 năm xây dựng và phát triển, Khoa Hóa ngày càng trưởng thành cùng với sự lớn mạnh của Nhà trường. Sứ mạng của Khoa Hóa hiện nay là đào tạo và phát

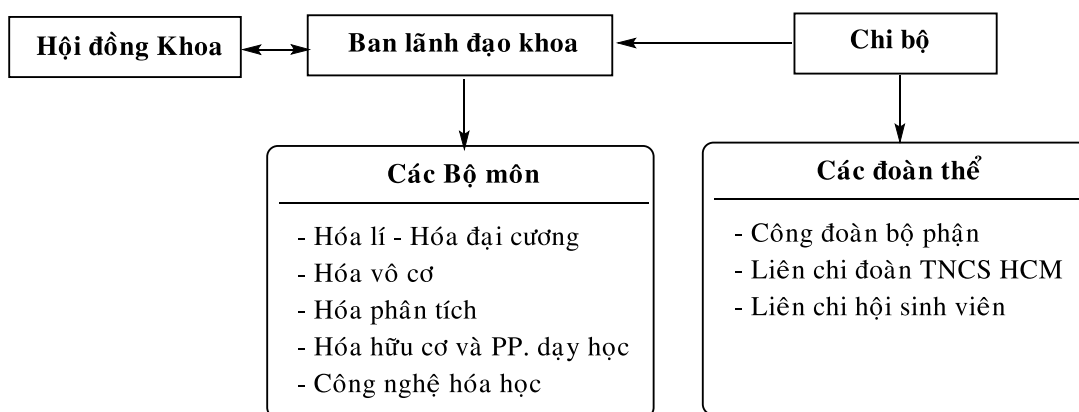
triển nguồn nhân lực trình độ đại học, sau đại học; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực Hóa học; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Từ tháng 7 năm 2019, Khoa Hóa được sáp nhập vào Khoa Khoa học Tự nhiên khi Nhà trường thực hiện Đề án đổi mới cơ cấu tổ chức Trường Đại học Quy Nhơn giai đoạn 2019-2022 tầm nhìn 2030 (*ban hành kèm theo Quyết định số 848/QĐ-ĐHQN ngày 16/5/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn*). Khoa Khoa học Tự nhiên được thành lập theo Quyết định số 888/QĐ-ĐHQN ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn trên cơ sở sáp nhập 04 Khoa: Vật lý, Hóa học, Sinh-Kỹ thuật nông nghiệp và Địa lí – Địa chính.

### ***Cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên, viên chức***

Trong những ngày đầu mới thành lập, Tổ Hóa trong Ban Hóa - Địa chỉ có 9 GV với 2 phòng TN-TH. Hiện nay, Khoa có 56 GV, 03 chuyên viên, trong đó có 08 PGS, 18 TS, số còn lại đều là ThS, trong đó có 18 ThS đang làm NCS ở các đại học, học viện uy tín trong nước và các nước tiên tiến. Khoa có 05 bộ môn gồm: Hóa lý - Hóa đại cương, Hóa vô cơ, Hóa phân tích, Công nghệ hóa học, Hóa hữu cơ và Phương pháp dạy học và một hệ thống gồm 21 phòng TN-TH đảm bảo chất lượng TN-TH và triển khai các hoạt động NCKH. Khoa Hóa đang từng bước trưởng thành, phát triển và đã trở thành một địa chỉ đào tạo có uy tín.

### **Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa Hóa**





### Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

| Các bộ phận  | Họ và tên           | Năm sinh   | Học hàm<br>Học vị |
|--|---------------------|------------|-------------------|
| <b>I. Ban lãnh đạo khoa</b>  |                     |            |                   |
| Trưởng khoa  | Nguyễn Lê Tuấn      | 14/11/1973 | TS                |
| Phó Trưởng khoa  | Nguyễn Thị Việt Nga | 25/11/1974 | PGS.TS            |
| <b>II. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên</b> |                     |            |                   |
| Bí thư Chi bộ  | Nguyễn Đình Dốc     | 15/07/1968 | ThS               |
| Chủ tịch Công đoàn bộ phận   | Diệp Thị Lan Phương | 08/12/1976 | TS                |
| Bí thư LCD   | Lê Cảnh Định        | 10/10/1985 | TS                |
| Liên chi hội trưởng Hội SV   | Đình Quốc Việt      | 01/10/1989 | TS                |
| <b>III. Các Bộ môn và các Trưởng bộ môn</b>                            |                     |            |                   |
| Hóa lý - Hóa đại cương   | Vũ Thị Ngân         | 14/01/1981 | PGS.TS            |
| Hóa vô cơ  | Phạm Ngọc Thạch     | 28/04/1973 | ThS               |
| Hóa hữu cơ và Phương pháp dạy học                                      | Hoàng Nữ Thủy Liên  | 01/01/1969 | ThS               |
| Hóa phân tích  | Cao Văn Hoàng       | 16/10/1973 | PGS.TS            |
| Công nghệ hóa học  | Trương Thanh Tâm    | 06/06/1976 | TS                |

Về tổ chức Đảng và đoàn thể, Khoa hiện có 01 chi bộ với 30 đảng viên, nhiều năm liền đạt danh hiệu “Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Ngoài ra, Khoa còn có các tổ chức đoàn thể như Công đoàn bộ phận, Liên chi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Liên chi Hội SV đều hoạt động tốt, hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cùng với chính quyền, dưới sự lãnh đạo của Đảng tạo thành một khối đoàn kết, thống nhất.

#### ***Về quy mô và ngành nghề đào tạo***

Khoa hiện đảm nhận đào tạo 3 ngành đại học: Cử nhân Sư phạm Hóa học, Cử nhân Hóa học, Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật hóa học. Về đào tạo sau đại học, Khoa đang đào tạo 2 chuyên ngành thạc sĩ Hóa vô cơ, Hóa lý thuyết và Hóa lý và 01 chuyên ngành tiến sĩ Hóa lý thuyết và Hóa lý. Hiện tại, Khoa Hóa có 800 SV hệ chính quy, gần 100 học viên cao học và 06 NCS. Hầu hết SV, học viên tốt nghiệp từ Khoa đều đáp ứng tốt yêu cầu công việc và đòi hỏi của xã hội. Nhiều cựu SV, học viên giữ trọng trách với tư cách là nhà giáo, nhà khoa học công nghệ, nhà quản lý, kỹ sư thành đạt và

có uy tín.

Về kết quả đào tạo, qua hơn 28 năm từ ngày thành lập, Khoa Hóa đã góp phần đào tạo hơn 1.800 cử nhân Sư phạm Hóa học, 1.200 kỹ sư Công nghệ hữu cơ - hóa dầu và Công nghệ kỹ thuật hóa học, 600 cử nhân Hóa học và gần 100 thạc sĩ.

### ***Về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế***

Về NCKH, chỉ tính trong 05 năm trở lại đây, Khoa Hóa đã có 01 đề tài cấp Nhà nước, 08 đề tài Nafosted, 09 đề tài cấp Bộ, 03 đề tài cấp tỉnh, 25 đề tài cấp trường đã nghiệm thu và đang được triển khai; đã công bố 103 bài báo trên tạp chí quốc tế, 214 bài báo trong tạp chí quốc gia và 29 bài báo đăng trên tạp chí trường đại học; có 08 giáo trình và sách chuyên khảo phục vụ giảng dạy đại học được xuất bản ở các nhà xuất bản có uy tín.

Hoạt động NCKH của SV cũng ngày càng được chú trọng và phát triển. Với sự hướng dẫn của các GV giàu kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao, phong trào SV NCKH của Khoa ngày càng đi vào chiều sâu, tăng về số lượng và chất lượng. Nhiều SV Khoa Hóa đã tham gia NCKH và đạt giải cao ở các cuộc thi SV NCKH cấp quốc gia được tổ chức hằng năm như giải thưởng VIFOTEC, cấp Bộ do Bộ GD&ĐT tổ chức và cấp trường.

SV của Khoa bắt đầu tham gia kỳ thi Olympic Hóa học SV toàn quốc từ năm 2006 ở bảng A và sau đó cứ 2 năm một lần tham gia cuộc thi, SV của Khoa đều đạt thành tích cao và luôn được xếp trong top 5 toàn đoàn trong số các trường đại học chuyên Hóa bảng A trên toàn quốc tham gia cuộc thi. Chỉ tính kết quả trong 6 năm trở lại đây: năm 2012: đạt 1 giải Nhất, 2 giải Nhì, 1 giải Ba, xếp thứ 05 toàn đoàn; năm 2014: đạt 3 giải Nhì và 2 giải Ba, xếp thứ 04 toàn đoàn; năm 2016: đạt 1 giải Nhất, 3 giải Nhì và 1 giải Ba, xếp thứ 05 toàn đoàn; năm 2018: đạt 1 giải Nhì, 03 giải Ba và 01 giải Khuyến khích.

Về hợp tác quốc tế, hiện Khoa đang có quan hệ hợp tác NCKH với phòng thí nghiệm Hóa học chất rắn của Trường Đại học Ewha Womans, Hàn Quốc và phòng thí nghiệm Hóa học tính toán thuộc Khoa Hóa, Đại học KU Leuven, Vương quốc Bỉ. Khoa cũng đang mở rộng liên kết đào tạo trình độ đại học và NCKH với Đại học Prince of Songkla, Thái Lan và trình độ thạc sĩ với Đại học quốc gia Chiao Tung, Đài Loan. Khoa đã cùng với Nhà trường xây dựng và thực hiện thành công dự án VLIR-UOS (2012-2014, code: ZEIN2012-Z129) giữa Trường ĐHQN và Trường Đại học KU

Leuven về xây dựng chương trình thạc sĩ tiên tiến chuyên ngành Hóa lý thuyết và Hóa lý theo chuẩn châu Âu và phòng thí nghiệm Hóa học tính toán và mô phỏng tại Trường ĐHQN và đang thực hiện Đề án TEAM được VLIR-UOS tài trợ (2016-2019, code: ZEIN2016-PR431). Đáng chú ý, ngoài việc trao đổi, giao lưu khoa học của GV, Đề án TEAM còn thực hiện nghiên cứu xử lý nước thải tôm nuôi và nước lũ và hỗ trợ đào tạo 04 tiến sĩ (02 thuộc diện sandwich) với nguồn học bổng trích từ Đề án.

Với những đóng góp to lớn đó, Khoa Hóa đã được vinh dự nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, nhiều Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

Trong thời gian tới, Khoa Hóa tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ GV, hoàn thiện và hiện đại hóa trang thiết bị phòng TN-TH để nâng cao CLDH, NCKH của GV, SV, học viên và NCS; xây dựng, cập nhật CTĐT ở các bậc học phù hợp với xu thế phát triển và đáp ứng nhu cầu của xã hội; phát huy hơn nữa NCKH, đặc biệt các đề tài hướng đến ứng dụng phục vụ đời sống và chuyển giao công nghệ.

## **PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ**

### **Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

#### ***Mở đầu***

CTĐT ngành Sư phạm Hóa học là một trong ba CTĐT trình độ đại học mà Khoa Hóa đang đào tạo hiện nay. CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được xây dựng trên cơ sở các thông tư, quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHQN. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHQN, định hướng phát triển của Khoa Hóa, đồng thời phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật giáo dục đại học. CDR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học đã được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu năng lực sư phạm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CDR đã phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông môn Hóa học, chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông của Bộ GD&ĐT và được công bố công khai.

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học***

#### ***1. Mô tả***

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được xác định rõ ràng và được xây dựng dựa trên các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT [H1.01.01.01], [H1.01.01.02] và của Trường ĐHQN [H1.01.01.03] bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu chung của CTĐT là "Đào tạo cử nhân Sư phạm Hóa học có đủ phẩm chất, năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học và giải quyết vấn đề, đáp ứng quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam và xu thế phát triển giáo dục thế giới". Mục tiêu cụ thể của CTĐT gồm Kiến thức và lập luận ngành; Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; Năng lực thực hành nghề nghiệp [H1.01.01.04], [H1.01.01.05].

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được xác định phù hợp với tuyên bố sứ mạng của Nhà trường "là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH,

truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội”, phù hợp với Tầm nhìn là “Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế” và kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030 [H1.01.01.06], [H1.01.01.07]. Sự phát triển của ngành Sư phạm Hóa học không nằm ngoài sự phát triển chung của khoa Hóa và của Trường ĐHQN, chính vì vậy, mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học cũng phải phù hợp với tuyên bố sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHQN, đó là, hướng đến việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, NCKH, truyền bá tri thức, chuyển giao công nghệ phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học là phù hợp với MTĐT trình độ đại học quy định tại Điều 5 của Luật giáo dục đại học năm 2012 [H1.01.01.08]. Mục tiêu của CTĐT được đánh giá thông qua CĐR của CTĐT về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Từ năm 2010, Nhà trường đã chuyển đổi CTĐT theo hệ thống tín chỉ [H1.01.01.04], cho đến nay Nhà trường đã 3 lần rà soát, điều chỉnh CTĐT, cụ thể: điều chỉnh, bổ sung các học phần trong CTĐT năm 2013 và rà soát, đánh giá, cập nhật, sửa đổi có bổ sung, xây dựng CĐR trong CTĐT vào năm 2015, năm 2018 [H1.01.01.03]. Từ đó, Nhà trường đã ban hành bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Hóa học [H1.01.01.05] và đề cương chi tiết học phần thuộc ngành Sư phạm Hóa học có bổ sung CĐR của các học phần [H1.01.01.09].

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Hoá học phản ánh được nhu cầu của các cơ sở giáo dục, các trường THPT là đào tạo giáo viên đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông [H1.01.01.02], yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam và xu thế phát triển giáo dục thế giới. Khi xây dựng, cập nhật CTĐT Khoa Hóa có tham khảo ý kiến của SV, cựu SV và nhà sử dụng lao động [H1.01.01.10], [H1.01.01.11], [H1.01.01.12]. Mục tiêu của CTĐT cũng được Khoa Hóa hợp, góp ý và thông qua [H1.01.01.13].

## *2. Điểm mạnh*

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHQN, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật giáo dục đại học hiện hành và phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động. Mục tiêu này được chi tiết hóa bằng các mục tiêu cụ thể về: Kiến thức và lập luận ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường nhà trường và xã hội.

## *3. Điểm tồn tại*

Mục tiêu của CTĐT còn chậm được đổi mới để phù hợp với các quy định, yêu cầu mới về nội dung và phương pháp dạy học do một số văn bản, quy định còn đang dự thảo hoặc chưa có hiệu lực.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Hóa sẽ tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ cựu SV, GV, nhà tuyển dụng lao động và phù hợp với Luật GDĐH sửa đổi, bổ sung năm 2018.

## *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 4/7.

***Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo***

### *1. Mô tả*

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được xác định rõ ràng, súc tích, bao quát, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT được xây dựng dựa trên các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], [H1.01.02.03] và của Trường ĐHQN [H1.01.02.04], [H1.01.02.05]. Cụ thể, CĐR của CTĐT xác định như sau: (1) Kiến thức và lập luận ngành: kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức nền tảng ngành cốt lõi, kiến thức nền tảng ngành nâng cao, kiến thức thực tập và tốt nghiệp; (2) kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp: Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề, có khả năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá kiến thức, kỹ năng tư duy hệ thống, thái độ, tư tưởng và học tập, thể hiện đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác; (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp và (4) năng lực thực hành nghề

nghiệp trong môi trường nhà trường và xã hội. CĐR được thiết kế rõ ràng, được thể hiện bằng văn bản chính thức phát biểu về CĐR của CTĐT và được đưa vào là một nội dung của CTĐT [H1.01.02.06]. Việc xác định rõ ràng CĐR của CTĐT sẽ giúp cho người học và người dạy xác định rõ mục tiêu và yêu cầu phải đạt được trong quá trình giảng dạy và học tập. CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và khi xây dựng CĐR, Khoa đã thành lập nhóm biên soạn [H1.01.02.07], lấy ý kiến góp ý của cựu SV, GV, nhà quản lý giáo dục về CĐR trong CTĐT [H1.01.02.08], [H1.01.02.09], [H1.01.02.10].

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu năng lực sư phạm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Cụ thể là: Về kiến thức, SV được trang bị những kiến thức chung liên quan đến các hiểu biết về chủ nghĩa Mac-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, các kiến thức về nhà nước và pháp luật Việt Nam nhằm vận dụng sáng tạo vào thực tiễn; những kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội liên quan đến ngành học; những kiến thức chuyên ngành cơ bản giúp cho SV có nền tảng kiến thức ngành vững vàng; những kiến thức chuyên ngành nâng cao giúp cho SV ra trường vận dụng sáng tạo trong thực tiễn công việc dạy học Hóa học. Kiến thức về Giáo dục quốc phòng an ninh, ngoại ngữ và tin học được xây dựng theo các quy định chung của Trường ĐHQN. Về kỹ năng, CĐR của CTĐT xác định rõ ràng những kỹ năng mà SV ra trường cần đạt được: kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết đã học vào thực tiễn, kỹ năng thực hành thí nghiệm, kỹ năng làm việc nhóm... và chú trọng các kỹ năng chuyên biệt về nghiệp vụ sư phạm, nhằm giúp cho SV đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của công việc giảng dạy sau khi tốt nghiệp. Về phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, SV tốt nghiệp cần phải có đạo đức nhà giáo, ý thức trách nhiệm với nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, hiểu biết và có ý thức phấn đấu nâng cao trình độ... Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có năng lực dẫn dắt chuyên môn về hóa học cũng như nghiệp vụ sư phạm hóa học; có thể đưa ra sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải

tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình [H1.01.02.06].

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học đã xây dựng, có thể đo lường và đánh giá thông qua thang đánh giá nhận thức Bloom gồm: mức 1: Biết, mức 2: Hiểu (tham gia), mức 3: Vận dụng (Hiểu và giải thích), mức 4: Phân tích và tổng hợp (thực hành thành thạo), mức 5: Đánh giá và sáng tạo (lãnh đạo và sáng tạo) [H1.01.02.06].

CĐR ngành Sư phạm Hóa học đã xác định những năng lực sư phạm mà SV học ngành Sư phạm Hóa học phải đạt tới và đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục [H1.01.02.02]. Với những kiến thức và kỹ năng được trang bị, SV sau khi tốt nghiệp có thể giảng dạy ở các trường THPT, trường cao đẳng, trường đại học, các viện khoa học – công nghệ, các cơ sở sản xuất, kinh doanh có liên quan đến hóa học... trên cả nước [H1.01.02.06].

Để góp phần nâng cao và không ngừng cải tiến chất lượng giáo dục và đào tạo, thêm kênh thông tin để giúp Khoa có thể điều chỉnh CĐR phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông môn Hóa học [H1.01.02.11], đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội, Nhà trường và Khoa đã tiến hành lấy các YKPH của SV [H1.01.02.08], nhà sử dụng lao động và cựu SV [H1.01.02.09] ngành Sư phạm Hóa học về CLĐT ngành Sư phạm Hóa học, ý kiến của GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành Sư phạm Hóa học về CĐR của CTĐT và về mối quan hệ giữa các học phần với CĐR của CTĐT [H1.01.02.10].

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học đã được xác định rõ ràng, súc tích, bao quát, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đồng thời bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu năng lực sư phạm mà người học cần đạt được để hoàn thành CTĐT.

## *2. Điểm mạnh*

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu riêng về năng lực sư phạm. Đồng thời, CĐR cũng thể hiện các mức năng lực theo thang đánh giá nhận thức Bloom mà người học phải đạt được để hoàn thành CTĐT. Từ đó, người học có thể hình dung sau khi tốt nghiệp sẽ làm được việc gì và nhà sử dụng lao động cũng biết được năng lực về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và khả năng nhận thức khoa học và công nghệ của người học.

## *3. Điểm tồn tại*

Khi xây dựng CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học, Khoa Hóa chưa lấy ý



kiến rộng rãi SV sau khi tốt nghiệp, các giáo viên ở trường phổ thông và nhà sử dụng lao động góp ý cho CĐR.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, khi thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT theo định kỳ, Khoa Hóa tổ chức khảo sát lấy ý kiến rộng rãi các cựu SV, giáo viên ở trường phổ thông và các nhà quản lý giáo dục.

#### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

***Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai***

##### *1. Mô tả*

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. Để xây dựng CĐR cho CTĐT ngành Sư phạm Hóa học, Nhà trường và Khoa khảo sát ý kiến của các bên liên quan bao gồm: SV năm cuối [H1.01.03.01], nhà sử dụng lao động và cựu SV Trường ĐHQN về CLĐT ngành Sư phạm Hóa học [H1.01.03.02], khảo sát ý kiến từ GV trực tiếp giảng dạy CTĐT ngành Sư phạm Hóa học về CĐR [H1.01.03.03]. Ngoài ra, Khoa Hóa cũng đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến của chuyên viên Hóa của Sở GD&ĐT Bình Định, các tổ trưởng chuyên môn của các trường THPT trong tỉnh về CTĐT ngành Sư phạm Hóa học [H1.01.03.04].

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được định kỳ rà soát, điều chỉnh. Từ thời điểm bắt đầu thực hiện CTĐT theo hệ thống TC, năm học 2010 - 2011, CĐR và mục tiêu của CTĐT được cập nhật điều chỉnh vào năm 2015 và 2018 theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H1.01.03.05], [H1.01.03.06], [H1.01.03.07] và của Trường ĐHQN [H1.01.03.08], [H1.01.03.09]. CĐR năm 2015 được xây dựng với các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ trách nhiệm nghề nghiệp. Cụ thể, khối lượng kiến thức phải đảm bảo tỉ lệ: 15% khối lượng kiến thức chung; 60% khối lượng kiến thức chuyên ngành và 25% khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm. Ngoài kỹ năng thực nghiệm, SV phải đảm bảo trình độ kỹ năng Tiếng Anh đạt bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ A2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR: TOEFL iBT 35 điểm; TOEFL Paper 400 điểm; IELTS 3.5 điểm; TOEIC 400; KET); Năm 2018, Nhà trường đã tiếp tục tổ chức đánh giá, sửa đổi cập nhật CTĐT

nhằm mục đích phát triển, hoàn thiện CTĐT trình độ đại học theo hướng tiếp cận năng lực, phù hợp MTĐT định hướng ứng dụng của Nhà trường, nâng cao CLĐT đáp ứng nhu cầu xã hội và chương trình giáo dục phổ thông môn Hóa học [H1.01.03.10]. CDR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học đã xây dựng với sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy, có thể đo lường và đánh giá thông qua thang đánh giá nhận thức Bloom. Trong quá trình điều chỉnh, cập nhật CDR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học luôn có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước [H1.01.03.11], điều này được thể hiện trong CTĐT ngành Sư phạm Hóa học [H1.01.03.12]. Tất cả các sửa đổi, xây dựng lại CDR của CTĐT đã nâng cao chất lượng đào tạo, được thể hiện thông qua kết quả tốt nghiệp của SV ngành Sư phạm Hóa học [H1.01.03.13].

CDR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau. CDR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học sau khi được điều chỉnh, bổ sung, được Hội đồng Khoa thông qua và được Nhà trường ban hành Quyết định công bố công khai CDR [H1.01.03.14]. CDR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được công bố rộng rãi dưới nhiều hình thức như tuần sinh hoạt chính trị đầu năm, đầu khóa của SV; qua trang web của Khoa, của Trường; qua sổ tay, tờ rơi quảng bá tuyển sinh các năm 2017 và 2018 [H1.01.03.15], [H1.01.03.16].

### *2. Điểm mạnh*

CDR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được định kì bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Nhà trường và tham khảo các CTĐT ngành Sư phạm Hóa học của các trường uy tín trong nước và ý kiến từ các bên liên quan. CDR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được công bố công khai dưới nhiều hình thức như tuần sinh hoạt chính trị đầu năm, đầu khóa của SV; qua website của Khoa và Trường.

### *3. Điểm tồn tại*

CDR chưa công bố trực tiếp đến nhà sử dụng lao động thông qua các Sở GD&ĐT và trường THPT. Bên cạnh đó, hoạt động lấy YKPH của các bên liên quan về CDR của CTĐT chưa được làm thường xuyên nên tính cập nhật còn chưa cao.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Hóa tổ chức hội thảo để tìm các giải pháp công bố CDR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học đến trực tiếp các nhà sử dụng lao động ở Sở GD&ĐT và trường THPT.

## 5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1**

CĐR của CTĐT là một tiêu chí quan trọng giúp người học xác định mục tiêu học tập. CĐR còn là một trong các hệ thống thông số thể hiện sự gắn kết trường đại học với nhu cầu đào tạo của xã hội, từ đó nhà sử dụng lao động xác định mức độ đáp ứng của chương trình giảng dạy với yêu cầu nguồn nhân lực.

CĐR của CTĐT Sư phạm Hóa học đã xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và với mục tiêu của GDDH. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra. CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học còn được xem là một trong những yếu tố quan trọng để nâng cao CLĐT của ngành, đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Vì vậy, trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR, Nhà trường và Khoa Hóa đã chú trọng xây dựng một cách nghiêm túc, công phu với sự đầu tư trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa học. Bên cạnh đó còn có tham khảo CĐR của các trường có uy tín trong nước, tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan, được định kỳ rà soát điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong thời kỳ hội nhập và phù hợp theo Đề án Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Tuy nhiên, việc công bố CĐR và tiếp nhận phản hồi, sự góp ý từ các nhà sử dụng lao động với hình thức chưa được đa dạng, việc này sẽ được khắc phục ở lần cập nhật chương trình tiếp theo.

**Tiêu chuẩn 1 có 1 tiêu chí đạt mức 4/7 và 2 tiêu chí đạt mức 5/7.**

## **Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

### ***Mở đầu***

Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Hóa học theo hệ thống TC được xây dựng từ năm 2010 có đầy đủ thông tin và được bổ sung, cập nhật theo định kì với MTĐT cử nhân Sư phạm Hóa học có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực NCKH Hóa học đáp ứng quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông và yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện của nền giáo dục Việt Nam. Bản mô tả CTĐT đảm bảo các CĐR của chương trình và được thiết kế rõ ràng giúp người học có thể đạt được mục tiêu học tập. Bản mô tả CTĐT là cơ sở cho hoạt động rà soát nội bộ và giám sát các hoạt động của CTĐT.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP cung cấp đầy đủ các thông tin, được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật vào năm 2015 và năm 2018 nhằm đáp ứng nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, giúp người học và học sinh có nguyện vọng học tại trường hiểu về CTĐT; giúp nhà sử dụng lao động nắm bắt được các thông tin về kiến thức và các kỹ năng mềm mà người học đã được trang bị; giúp các chuyên gia thẩm định/rà soát chương trình và đánh giá viên hiểu được mục tiêu của CTĐT và các kết quả học tập dự kiến.

### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật***

#### ***1. Mô tả***

Trên cơ sở quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định ban hành CTĐT đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.01]; và dựa vào các văn bản hướng dẫn của Trường ĐHQN để sửa đổi, cập nhật và ban hành CTĐT hệ đại học chính quy theo hệ thống TC [H2.02.01.02], [H2.02.01.03]; Khoa Hóa đã thiết kế bản mô tả CTĐT với đầy đủ các nội dung, bao gồm: tóm tắt MTĐT và kết quả học tập dự kiến; cấu trúc khóa học; ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT; các bản mô tả học phần.

Bản mô tả CTĐT với đầy đủ các thông tin: tên trường; trình độ đào tạo; ngành đào tạo; mã ngành; tên tiếng Anh; loại hình đào tạo; hình thức đào tạo; mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; CĐR của CTĐT; thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức toàn khóa; đối tượng tuyển sinh; quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp; cách thức đánh

giá và thang điểm; nội dung CTĐT; kế hoạch giảng dạy; ma trận quan hệ giữa các học phần và CDR của chương trình; hướng dẫn thực hiện chương trình [H2.02.01.04], [H2.02.01.05]. Bản mô tả CTĐT sửa đổi, bổ sung mới nhất (năm 2018) đã được xây dựng, điều chỉnh theo phương pháp tiếp cận CDIO (Conceive - Design - Implement - Operate). Chương trình có tổng số 140 TC, không tính nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh bao gồm: khối kiến thức chung (22 TC, 12,7%), khối kiến thức ngành (77 TC, 55%), khối kiến thức đào tạo và nghiệp vụ sư phạm (34 TC, 24,3%), khối kiến thức tốt nghiệp (7 TC, 5%) [H2.02.01.05]. Số lượng tín chỉ toàn khóa phù hợp với văn bản pháp quy hiện hành của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H2.02.01.06] và điều kiện của cơ sở giáo dục. Các học phần được bố trí hợp lý về nội dung và thời gian, về lý thuyết và thực hành, về thực hành trong trường và ngoài trường.

Kết quả sau quá trình điều chỉnh, CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được áp dụng từ năm 2015 đã có những thay đổi trong việc phân bổ các học phần theo kỳ học hợp lý hơn, tăng cường số TC cho các học phần khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm từ 26 TC (CTĐT trước năm 2015) tăng lên 34 TC (CTĐT từ 2015), giảm số TC khối kiến thức ngành từ 84 xuống còn 77 TC (Bảng 2.1.1). Một số học phần tự chọn được thay bằng những học phần mới theo xu hướng đáp ứng yêu cầu của chương trình hóa học phổ thông mới và phát triển của công nghệ phân tích (Bảng 2.1.2).

**Bảng 2.1.1. So sánh số tín chỉ của các học phần trong chương trình đào tạo trước và sau khi điều chỉnh**

| <b>Khối kiến thức</b>  | <b>Chương trình áp dụng trước năm 2015</b> | <b>Chương trình áp dụng từ năm 2015 - 2018</b> | <b>Chương trình sau 2018</b> |
|--|--|--|------------------------------|
| Kiến thức chung  | 23   | 22   | 22                           |
| Kiến thức chuyên ngành   | 84   | 77   | 77                           |
| Kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm                | 26   | 34   | 34                           |
| Khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp | 7  | 7  | 7                            |

**Bảng 2.1.2. Các học phần được điều chỉnh trong chương trình đào tạo**

| TT | CTĐT năm 2015                    | Số TC | CTĐT năm 2018                              | Số TC | Điều chỉnh    |
|----|----------------------------------|-------|--|-------|---------------|
| 1  | Hóa học các hợp chất thiên nhiên | 2     | Các phương pháp phổ ứng dụng trong hóa học | 2     | Thay học phần |
| 2  | Xử lý mẫu trong hóa phân tích    | 2     | Một số phương pháp phân tích hiện đại      | 2     | Thay học phần |
| 3  | Hóa học các nguyên tố hiếm       | 2     | Các phương pháp tổng hợp vô cơ             | 2     | Thay học phần |

Bản mô tả CTĐT được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật theo định kì. Cụ thể, CTĐT ngành Sư phạm Hóa học theo hệ thống TC đã xây dựng năm 2010 [H2.02.01.07] được điều chỉnh, cập nhật vào năm 2013 [H2.02.01.08], năm 2015 [H2.02.01.04] và năm 2018 [H2.02.01.05]. Theo kế hoạch của Nhà trường [H2.02.01.02], [H2.02.01.03], Khoa Hóa đã triển khai biên soạn kỹ lưỡng CTĐT ngành Sư phạm Hóa học, thực hiện từng bước đánh giá, xây dựng và được thông qua sau các cuộc họp, góp ý và thống nhất của Hội đồng Khoa, của toàn thể GV và Hội đồng thẩm định trường [H2.02.01.09], [H2.02.01.10], [H2.02.01.11], [H2.02.01.12]. Trong quá trình triển khai CTĐT ngành Sư phạm Hóa học, Khoa Hóa ngoài việc tham khảo CTĐT của các trường đại học hàng đầu trong nước [H2.02.01.13], [H2.02.01.14] còn dựa trên ý kiến góp ý của SV năm cuối về chất lượng của ngành đào tạo, chương trình đào tạo [H2.02.01.15], GV [H2.02.01.16], cựu SV và nhà sử dụng lao động [H2.02.01.17].

### 2. Điểm mạnh

CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được xây dựng, thẩm định, ban hành theo đúng các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT; có tham khảo CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước; có sự tham gia góp ý của GV trực tiếp giảng dạy, SV, CB quản lý giáo dục, cựu SV và nhà sử dụng lao động.

Các nội dung và thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Hóa học đáp ứng cả chiều rộng và chiều sâu một cách hài hòa và hợp lý, trong đó chiều rộng của

chương trình được đảm bảo bởi mối quan hệ ngang (mối quan hệ bổ sung) giữa các học phần kiến thức chung và chuyên ngành cụ thể và chiều sâu của chương trình được đảm bảo bởi mối quan hệ dọc (mối quan hệ ràng buộc) trong suốt khóa học.

Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật dựa trên phản hồi của các GV, SV, cựu SV, nhà sử dụng lao động nhằm cải tiến phương pháp giảng dạy và cập nhật nội dung chương trình đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình của Bộ GD&ĐT.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc lấy YKPH của nhà sử dụng lao động, SV năm cuối và cựu SV khi xây dựng CTĐT chưa được thực hiện định kỳ. Chưa mở rộng quy mô tham khảo các CTĐT của các trường đại học trong khu vực và trên thế giới.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường và Khoa tiếp tục định kỳ rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT theo các quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT, mở rộng tham khảo CTĐT của các trường đại học trong khu vực.

Định kỳ ít nhất 2 năm một lần, Nhà trường mở rộng quy mô khảo sát YKPH của cựu SV, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động để điều chỉnh, cập nhật CTĐT nhằm nâng cao CLĐT.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

## ***Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật***

### *1. Mô tả*

ĐCCTHP vừa đóng vai trò là bản mô tả quá trình dạy học, vừa đóng vai trò là bản cam kết giúp GV và SV thực hiện đúng trách nhiệm của người dạy và học. Việc xây dựng ĐCCTHP tuân thủ theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H2.02.02.01], [H2.02.02.02] và của Trường ĐHQN [H2.02.02.03].

Tất cả các ĐCCTHP trong CTĐT ngành Sư phạm Hóa học có đầy đủ các thông tin, bao gồm: thông tin chung về học phần (tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh), mã học phần, loại học phần (bắt buộc/tự chọn), các học phần học trước, phân bố giờ TC đối với các hoạt động (nghe giảng lý thuyết, làm bài tập trên lớp, thảo luận, thực hành, thực tập, hoạt động theo nhóm, tự học) khoa/bộ môn phụ trách học phần, số TC); mô

tả học phần; mục tiêu của học phần (kiến thức, kỹ năng và thái độ); CDR của học phần; tài liệu phục vụ môn học (tài liệu chính, tài liệu tham khảo và các loại học liệu khác); kế hoạch giảng dạy chi tiết (buổi học, nội dung và cách thức thực hiện); phương thức đánh giá (hình thức, số lượng, nội dung, trọng số, thời điểm); thông tin về GV (họ và tên, chức danh, học hàm, học vị, email, điện thoại liên hệ); các quy định chung (cam kết của GV, yêu cầu đối với SV, quy định về tham dự lớp học, quy định về hành vi trong lớp học, quy định về học vụ, và các quy định khác). ĐCCTHP cung cấp đầy đủ thông tin, thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố chính: nội dung chi tiết học phần nhằm đạt CDR của môn học, phương pháp giảng dạy/học tập để đạt được các CDR và phương thức đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy. Bản mô tả môn học có trong CTĐT và ma trận quan hệ giữa các học phần với CDR được mô tả trong CTĐT [H2.02.02.04].

Dựa vào các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H2.02.02.01], của Trường ĐHQN [H2.02.02.03], nội dung chương trình giáo dục phổ thông môn Hóa học [H2.02.02.05], kết quả khảo sát YKPH của SV năm cuối về CTĐT [H2.02.02.06], kết quả khảo sát hoạt động giảng dạy các học phần của GV hàng năm [H2.02.02.07], Khoa Hóa tiến hành rà soát, bổ sung, xây dựng CTĐT và ĐCCTHP vào năm 2015 và năm 2018 [H2.02.02.08]. Điểm mới trong ĐCCTHP năm 2018 là quy định cụ thể về CDR của học phần: CDR của CTĐT được truyền tải vào các học phần thông qua ma trận tích hợp CDR (ma trận quan hệ giữa các học phần và CDR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học) nhằm góp phần đạt CDR của chương trình [H2.02.02.09], về tài liệu phục vụ học phần: có sự phân định rõ ràng giữa giáo trình chính, tài liệu tham khảo và các loại học liệu khác; về phần kế hoạch giảng dạy, kiểm tra, đánh giá của từng học phần được lập chi tiết hơn. Các học phần do GV phụ trách xây dựng dưới sự phân công của Khoa theo đề xuất của Bộ môn [H2.02.02.10]. Theo sự phân công đó, GV đã xây dựng ĐCCTHP mới trên cơ sở kế thừa ĐCCTHP trong CTĐT trước đó và có sự góp ý của các GV liên quan [H2.02.02.09], [H2.02.02.11].

## *2. Điểm mạnh*

Tất cả ĐCCTHP của ngành Sư phạm Hóa học thể hiện đầy đủ các thông tin, được rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CTĐT và CDR của chương trình.



### *3. Điểm tồn tại*

Trong ĐCCTHP, số tiết phân bố chủ yếu cho hoạt động nghe giảng lý thuyết và làm bài tập trên lớp mà ít dành cho các hoạt động phát triển năng lực người học như thực hành, thực tập, hoạt động theo nhóm, seminar... Hơn nữa, cũng như CTĐT, việc lấy ý kiến từ các bên liên quan về nội dung và chất lượng của các học phần chưa được thực hiện định kỳ đối với cựu SV và nhà sử dụng lao động.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Hóa tiếp tục kế hoạch rà soát, điều chỉnh lại một số ĐCCTHP, chú ý phân bố thời gian cho hoạt động phát triển năng lực người học được phù hợp hơn. Bên cạnh đó, Khoa cũng tiếp tục lấy YKPH từ SV, cựu SV và nhà sử dụng lao động thường xuyên hơn để có được nhiều thông tin cho việc hoàn chỉnh ĐCCTHP.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

## ***Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận***

### *1. Mô tả*

Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Hóa học và ĐCCTHP sau khi được phê duyệt [H2.02.03.01], [H2.02.03.02] đã được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận thông qua website của Khoa tại địa chỉ <http://chem.qnu.edu.vn/> [H2.02.03.03]. Ngoài ra, các bên liên quan có thể tiếp nhận được Bản mô tả CTĐT từ các hình thức khác như: các buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh các trường THPT, giúp các em hiểu biết về nội dung các môn học thông qua các mô hình cụ thể được trưng bày hay qua Cẩm nang tuyển sinh [H2.02.03.04]; các buổi gặp mặt tân sinh viên đầu khóa; GV giảng dạy học phần ngay khi bắt đầu học phần; thông qua CVHT trong các buổi sinh hoạt lớp;... Ngoài ra, Khoa cũng tổ chức những buổi tọa đàm thảo luận về CTĐT với cựu SV hiện đang tham gia giảng dạy ở các trường phổ thông hay thông qua các buổi hội thảo, gặp gỡ, đối thoại với nhà sử dụng lao động [H2.02.03.05] để nắm bắt kịp thời những yêu cầu đổi mới CTĐT đáp ứng nhu cầu của xã hội nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Từ đó, Khoa định hướng xây dựng, điều chỉnh hợp lý bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP cho phù hợp.

Việc công bố Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP được công khai giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Cụ thể, giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xây dựng lộ trình học tập trong cả năm học, cả khóa học phù hợp với nhu cầu và năng lực của bản thân; giúp sinh viên có nguyện vọng học tại trường hiểu về CTĐT; giúp nhà sử dụng lao động nắm vững các thông tin về kiến thức và các kỹ năng mềm mà người học đã được trang bị; giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và đánh giá viên bên ngoài hiểu mục tiêu của CTĐT và các kết quả học tập dự kiến.

## *2. Điểm mạnh*

Việc công bố công khai Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP dưới nhiều hình thức khác nhau giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận như giúp SV, học sinh có nguyện vọng học tại Trường dễ dàng nắm bắt chương trình định hướng học tập, giúp các nhà sử dụng lao động nắm bắt thông tin về kiến thức mà người học được trang bị để dễ dàng góp ý, xây dựng chương trình phù hợp với thực tế, từ đó giúp Khoa có nhiều thông tin để rà soát, sửa đổi CTĐT cho phù hợp.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc công bố công khai trực tiếp Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện quy mô rộng rãi.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa tiếp tục mở rộng quy mô công khai trực tiếp Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP tới giáo viên phổ thông, nhà sử dụng lao động. Đồng thời Khoa cũng tăng cường tổ chức Hội thảo về xây dựng CTĐT một mặt giới thiệu CTĐT hiện hành, mặt khác để tiếp nhận nhiều hơn và kịp thời các thông tin phản hồi của các bên liên quan nhằm sửa đổi, điều chỉnh CTĐT và ĐCCTHP cho lần cập nhật sau được tốt hơn.

## *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

## ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2***

Việc cải tiến chất lượng CTĐT ngành Sư phạm Hóa học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Khoa. Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP ngành Sư phạm Hóa học được Khoa xây dựng đúng quy trình, quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, có mục

tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lí, được thiết kế một cách có hệ thống, đảm bảo yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng, có tham khảo CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước; có sự tham gia góp ý của GV trực tiếp giảng dạy, SV, CB quản lý giáo dục, Nhà sử dụng lao động và cựu SV. Trên cơ sở tiếp thu YKPH từ các bên liên quan, Khoa đã triển khai điều chỉnh cập nhật CTĐT và ĐCCTHP đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình của Bộ GD&ĐT và nhu cầu xã hội. Việc công bố công khai Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, việc công bố công khai trực tiếp Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện quy mô rộng rãi.

**Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí đạt mức 5/7.**

### Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

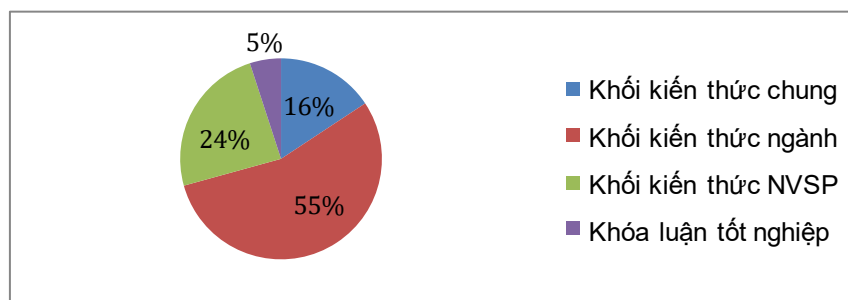
#### Mở đầu

Cấu trúc và nội dung CTDH là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng của một ngành đào tạo. CTDH ngành Sư phạm Hóa học, Trường ĐHQN được xây dựng dựa trên các quy định, thông tư của Bộ GD&ĐT, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường. CTDH được thiết kế có hệ thống dựa trên CĐR về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực NCKH hóa học đáp ứng quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông và yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện của nền giáo dục Việt Nam. Mỗi học phần trong CTDH đều có CĐR rõ ràng hướng đến đạt được CĐR của CTĐT. CTDH ngành Sư phạm Hóa học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. CTDH đã được triển khai đánh giá, thực hiện cải tiến, định kỳ bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo ý kiến của GV, SV và nhà tuyển dụng lao động.

#### Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

##### 1. Mô tả

CTDH ngành Sư phạm Hóa học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, nội dung Chương trình giáo dục phổ thông môn Hóa học [H3.03.01.01] và CĐR về kiến thức và lập luận ngành, kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường nhà trường và xã hội [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. CTDH có sự chú trọng đến tỉ lệ phần trăm giữa các khối kiến thức chung, kiến thức ngành, kiến thức NVSP và khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp) để đạt MTĐT và CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. Bên cạnh đó, để hiện thực hóa CTDH được thiết kế dựa trên CĐR đến với người học, Nhà trường đã có những kế hoạch cụ thể về nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH của từng năm học, mỗi GV đều có hồ sơ giảng dạy [H3.03.01.04], [H3.03.01.05].



Trong CTDH, mỗi học phần được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT, điều này được thể hiện qua ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR trong CTĐT [H3.03.01.02]. CTDH ngành Sư phạm Hóa học được thiết kế với tổng cộng 140 TC không bao gồm nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (các học phần điều kiện 12 TC), trong đó khối kiến thức chung (22 TC), khối kiến thức chuyên ngành (77 TC), khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm (34 TC) và khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (7 TC). Khối kiến thức chung của ngành Sư phạm Hóa học cung cấp các kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, tin học, ngoại ngữ. Khối kiến thức chuyên ngành bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn, cung cấp các kiến thức về toán học, vật lý học, hóa học, tiếng Anh chuyên ngành. Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm cung cấp các kiến thức về tâm lý học, giáo dục học, kiến thức rèn luyện năng lực dạy học môn hóa học và thực tập sư phạm [H3.03.01.02], [H3.03.01.03].

CTDH ngành Sư phạm Hóa học thể hiện mục tiêu của CTĐT trong nội dung từng học phần và từng khối kiến thức. Các học phần được thiết kế có tính kế thừa, bổ sung và liên quan chặt chẽ với nhau, gắn quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng cần thiết đối với ngành Sư phạm Hóa học. Các khối kiến thức và các học phần được thiết kế một cách tối ưu để đạt được CĐR của CTDH [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. Mỗi học phần đào tạo mô tả kiến thức, kỹ năng và thái độ thông qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều học phần trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo [H3.03.01.06]. Với kết cấu như trên, nội dung CTDH đảm bảo trang bị cho người học về kiến thức và lập luận ngành; kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; và năng lực thực hành nghề nghiệp theo yêu cầu của CĐR [H3.03.01.02], [H3.03.01.06].

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp trong tất cả các học phần của CTĐT, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTĐT được dạy theo phương pháp dạy học tích cực bao gồm: phương pháp động não, phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ, phương pháp dạy học dựa trên vấn đề, phương pháp hoạt động nhóm,... Trong tất cả các phương pháp dạy học tích cực này, GV luôn chú trọng lấy người học làm trung tâm, rèn luyện phương pháp tự học, phối hợp giữa học tập cá nhân với học tập hợp tác, vai trò của giảng viên là người hướng dẫn, tổ chức

hoạt động. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được Khoa Hóa chú trọng, đánh giá bằng nhiều phương pháp để đạt được CĐR [H3.03.01.06]. Cụ thể: đối với kiểm tra, đánh giá thường xuyên có trọng số 10%, yêu cầu SV phải dự lớp đầy đủ; tích cực đọc tài liệu, chuẩn bị nội dung bài học; tích cực tham gia thảo luận nhóm; làm đầy đủ bài tập theo lịch trình giảng dạy và theo yêu cầu của giảng viên. Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên bao gồm điểm chuyên cần – đánh giá số giờ dự học trên lớp của SV tối đa là 7 điểm, và điểm đánh giá nhận thức, thái độ tích cực trong học tập, tham gia thảo luận, thực hành (nếu có) tối đa là 3 điểm. Đối với kiểm tra, đánh giá định kì là 01 bài kiểm tra tự luận (vào buổi học khi thời lượng giảng dạy được 50%) với thời gian 1 tiết (50 phút) chiếm trọng số 20%. Đối với kiểm kết thúc học phần dưới hình thức thi tự luận có trọng số 70%.

Bên cạnh đó, trên cơ sở các YKPH của SV về hoạt động giảng dạy của GV [H3.03.01.07], các ý kiến của SV [H3.03.01.08], cựu SV và nhà sử dụng lao động [H3.03.01.09] về CLĐT ngành Sư phạm Hóa học, ý kiến của GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành Sư phạm Hóa học về CĐR của CTĐT và về mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT [H3.03.01.10], Khoa đã có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện CTDH để đạt được các CĐR một cách tối ưu nhất [H3.03.01.02].

## *2. Điểm mạnh*

CTDH được thiết kế có tính khoa học, hợp lý về tỉ lệ giữa các khối kiến thức và dựa trên CĐR. Mỗi học phần trong CTDH được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT được thể hiện qua ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT. Nhà trường cũng đã lấy YKPH của SV về hoạt động giảng dạy của GV, ý kiến của SV và cựu SV ngành Sư phạm Hóa học về CLĐT, ý kiến của GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành Sư phạm Hóa học về CĐR của CTĐT và về mối quan hệ giữa các học phần với CĐR của CTĐT để hoàn thiện CTDH.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động khi xây dựng CTDH chưa được thực hiện thường xuyên. Bên cạnh đó, việc kiểm tra, đánh giá định kì và kết thúc học phần chủ yếu bằng hình thức viết tự luận là chưa có tính đa dạng và hiện đại trong phương pháp kiểm tra, đánh giá. Một số câu hỏi chưa có tính sáng tạo, trùng lặp không thể hiện được quan điểm, thái độ riêng hay tính sáng tạo của từng SV. Hơn nữa, mỗi

SV sẽ có những sở trường, điểm mạnh điểm yếu riêng nên với hình thức kiểm tra, đánh giá này SV ít có cơ hội thể hiện những kỹ năng khác, chưa đánh giá đúng năng lực thực của mình; chưa giúp SV hình thành và phát triển năng lực cần thiết phù hợp với công việc sẽ đảm nhận sau ra trường nên kết quả sẽ không công bằng, khách quan.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần, Khoa Hóa sẽ tiếp tục điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTDH ngành Sư phạm Hóa học dựa trên CĐR, đảm bảo mỗi học phần đều được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT theo hướng tăng cường thời lượng thực hành qua đó rèn luyện cho SV tác phong làm việc chuyên nghiệp, phát huy tích sáng tạo, tích cực chủ động, đảm bảo tạo mọi điều kiện thuận lợi cho SV tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường và Khoa Hóa sẽ định kỳ hằng năm lấy ý kiến đóng góp của SV năm cuối, nhà sử dụng lao động và cựu SV đối với CTDH, từ đó phân tích nguyên nhân – kết quả để cải tiến, chỉnh sửa CTDH cho phù hợp với thực tiễn nhằm nâng cao CLĐT SV ngành Sư phạm Hóa học. Đồng thời, rà soát, bổ sung hình thức kiểm tra, đánh giá định kỳ và kết thúc học phần đa dạng hơn, đẩy mạnh phương pháp kiểm tra, đánh giá bằng hình thức vấn đáp nhằm đánh giá đúng năng lực người học, góp phần định hướng cải tiến CTDH ngày càng chất lượng, phù hợp với xu hướng hội nhập và thực tiễn.

#### *5. Tự đánh giá:*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

### ***Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng***

#### *1. Mô tả*

CTDH ngành Sư phạm Hóa học của Khoa Hóa, Trường ĐHQN thể hiện rõ sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTĐT cử nhân Sư phạm Hóa học đều có ĐCCTHP, được biên soạn bởi các GV trực tiếp giảng dạy ở các Bộ môn của Khoa Hóa và các khoa phối hợp trong Nhà trường như Khoa Toán, Khoa Vật Lý, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Giáo dục Chính trị và Quản lý nhà nước, Khoa Tâm lý - Giáo dục và Công tác xã hội theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với phương thức đào tạo theo

TC và CDR của CTĐT [H3.03.02.01]. 100% các học phần trong CTDH đều xác định cụ thể CDR về mức năng lực và kỹ năng cần đạt được phù hợp với CDR của CTĐT [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

Mỗi học phần đều đóng vai trò nhất định trong khối kiến thức toàn khóa và thể hiện rõ mục đích hướng đến là đào tạo SV trở thành giáo viên THPT môn Hóa học có kiến thức chuyên môn vững vàng, có kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm, có khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa hiện nay. ĐCCTHP của các học phần đều xác định được mục tiêu và CDR rõ ràng. Đồng thời, CDR của mỗi học phần cũng thể hiện sự gắn kết chặt chẽ với CDR của CTĐT thông qua ma trận quan hệ giữa các học phần và CDR [H3.03.02.02].

Nội dung các học phần trong CTĐT được xây dựng dựa trên ma trận CDR của học phần. Các học phần được dạy và học theo phương pháp dạy học tích cực, phát triển năng lực cho SV [H3.03.02.03]. Mỗi học phần đều có phương pháp đánh giá người học thông qua điểm chuyên cần, các bài kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần tương ứng với các trọng số đóng góp lần lượt là 10, 20 và 70% [H3.03.02.03]. Kết quả đánh giá được công bố thông qua tài khoản cá nhân của từng SV do Phòng Đào tạo đại học, Trường ĐHQN cấp và quản lý [H3.03.02.04].

Khoa Hóa đã triển khai thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật nội dung các học phần nhằm đáp ứng CDR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học [H3.03.02.05] theo kế hoạch rà soát, đánh giá, sửa đổi, hoàn chỉnh, cập nhật CTĐT đại học của Trường ĐHQN [H3.03.02.06] và dựa trên các kết quả về điều tra, khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng, cựu SV khối ngành sư phạm [H3.03.02.07]; triển khai lấy YKPH của SV năm cuối về CLĐT ngành Sư phạm Hóa học [H3.03.02.08]; YKPH từ người học về hoạt động giảng dạy của GV [H3.03.02.09]; khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp sau một năm ra trường [H3.03.02.10]. Ngoài ra, Khoa Hóa cũng đã tham khảo kết quả đề tài nghiên cứu KH&CN về “Khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp khối ngành sư phạm và nhu cầu bồi dưỡng đội ngũ Nhà giáo thuộc các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên” [H3.03.02.11] và Chương trình giáo dục phổ thông môn Hóa học [H3.03.02.12] để tăng cường sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR sát với thực tiễn.

## *2. Điểm mạnh*

Các học phần trong CTĐT được thiết kế linh hoạt, bổ trợ nhau, tạo điều kiện



thuận lợi cho SV tiếp cận, lĩnh hội kiến thức và các kỹ năng mềm. ĐCCTHP đều có yêu cầu kiến thức về điều kiện học phần học trước, về mục tiêu cần đạt được theo CĐR của học phần và CĐR của CTĐT là rõ ràng; thể hiện rõ phương pháp, hình thức dạy học theo hướng tích cực; việc kiểm tra đánh giá người học đảm bảo tính khách quan, công bằng và chính xác.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc tổ chức các hội thảo nhằm mục đích lấy YKPH của nhà sử dụng lao động về nội dung của các học phần trong việc đạt được CĐR chưa được tiến hành kịp thời.

### *4. Kế hoạch hành động*

Theo chu kỳ 2 năm 1 lần, Khoa Hóa tiếp tục tiến hành cập nhật và điều chỉnh ĐCCTHP theo kế hoạch của Nhà trường.

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Hóa sẽ thường xuyên tổ chức hội thảo lấy YKPH từ các bên liên quan về nội dung của các học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT rõ ràng hơn.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

## ***Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp***

### *1. Mô tả*

CTDH ngành Sư phạm Hóa học của Khoa Hóa, Trường ĐHQN có cấu trúc, trình tự logic. Các học phần trong CTDH được thiết kế có hệ thống, khối lượng kiến thức toàn khóa là 140 TC (không bao gồm nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh). Nội dung CTDH được sắp xếp logic, gồm khối kiến thức chung về các nguyên lý Chủ nghĩa Mac-Lenin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức chuyên ngành, khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm, khóa luận tốt nghiệp và các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]. Khối kiến thức toàn khóa trong CTDH ngành Sư phạm Hóa học thể hiện rõ cấu trúc, trình tự logic từ năm thứ nhất đến năm thứ tư [H3.03.03.03], [H3.03.03.04] theo phương châm: các học phần về khối kiến thức chung trang bị và hoàn thiện các kỹ năng mềm, đạo đức và ý thức cho SV; Các học phần đại cương về khoa học tự nhiên cung cấp kiến thức nền tảng cho các học phần

thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; Các học phần cơ sở ngành lại là nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức ngành nâng cao và khối kiến thức chuyên ngành **[H3.03.03.02]**, **[H3.03.03.04]**.

Các học phần trong CTDH được thiết kế hợp lý từ học phần học trước; thời lượng cho mỗi học phần; học kỳ thực hiện cho đến các nội dung cụ thể thực hiện theo buổi học cũng như phương pháp kiểm tra, đánh giá người học. Bên cạnh đó, nội dung kiến thức các học phần được truyền đạt đến SV theo phương pháp dạy học tích cực; Các học phần TN-TH, thực tập sư phạm, thực tế sản xuất hóa học được xây dựng song hành với các học phần lý thuyết **[H3.03.03.02]**, **[H3.03.03.05]** nên tạo điều kiện thuận lợi cho SV tích lũy đầy đủ các năng lực phân tích, đánh giá về kiến thức chuyên ngành, thành thạo về kỹ năng thực hành và vận dụng tốt vào chuyên môn giảng dạy môn Hóa học trong chương trình THPT.

CTDH ngành Sư phạm Hóa học có nội dung cập nhật. CTDH được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần **[H3.03.03.06]**, **[H3.03.03.07]** nhằm điều chỉnh, bổ sung các kiến thức mới phù hợp với sự thay đổi của chương trình giáo dục phổ thông môn Hóa học **[H3.03.03.08]**. Các học phần được sửa đổi về nội dung cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, cập nhật được kiến thức chuyên ngành theo xu thế chung của đào tạo bậc đại học và phù hợp với nội dung của chương trình giáo dục phổ thông môn Hóa học **[H3.03.03.05]**, **[H3.03.03.08]**. Để đạt được các yêu cầu trên, Nhà trường và Khoa Hóa đã tổ chức lấy ý kiến của SV năm cuối **[H3.03.03.09]**, cựu SV ngành Sư phạm Hóa học **[H3.03.03.10]** về CLĐT ngành Sư phạm Hóa học và ý kiến của GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành Sư phạm Hóa học về CTĐT **[H3.03.03.11]**. Cụ thể, từ năm 2014 đến nay, Khoa đã tiến hành cập nhật CTĐT và ĐCCTHP vào năm 2015 và năm 2018 **[H3.03.03.02]**, **[H3.03.03.05]**. Trong quá trình điều chỉnh CTDH ngành Sư phạm Hóa học luôn có sự tham khảo CTDH của các trường đại học uy tín trong nước **[H3.03.03.12]**.

CTDH ngành Sư phạm Hóa học của Khoa Hóa có tính tích hợp. Các học phần trong CTĐT bao gồm các học phần lý thuyết, các học phần thực hành và các học phần rèn luyện kỹ năng được bố trí hợp lý. Ví dụ, học phần Thực hành Hóa hữu cơ (học phần TN-TH) sẽ học sau học phần Hóa hữu cơ 1 (học phần lý thuyết) **[H3.03.03.02]**, **[H3.03.03.05]**. Đối với các học phần thực hành, SV không chỉ thực hành trong phòng thí nghiệm mà còn được học tập thực tế tại các nhà máy **[H3.03.03.13]**. Thêm vào đó,

các học phần rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp sư phạm cũng được thực hiện tại lớp học ở Trường với học sinh giả định và thực tập giảng dạy thực tế tại các trường THPT [H3.03.03.05], [H3.03.03.14].

## *2. Điểm mạnh*

CTDH ngành Sư phạm Hóa học được cấu trúc theo hệ thống khối kiến thức gắn kết logic theo hướng từ kiến thức cơ bản chung đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn của ngành. Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và đặc biệt, có tích hợp giữa lý thuyết với thực hành. Trong các học phần thực hành, có học phần TN-TH trong phòng TN-TH và thực tập ở môi trường thực tế. Ngoài ra, CTDH được thiết kế hợp lý từ học phần học trước; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm thực hiện cho đến kế hoạch dạy học chi tiết và phương pháp kiểm tra, đánh giá người học một cách khoa học, khách quan, chính xác. Đồng thời, mỗi cán bộ giảng viên tham gia giảng dạy luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được CĐR của học phần và của CTĐT.

## *3. Điểm tồn tại*

CTDH có cấu trúc, trình tự logic, có tính tích hợp giữa lý thuyết và thực hành. Tuy nhiên, thời lượng dành cho các học phần thực hành so với các học phần lý thuyết chưa nhiều. Đồng thời, sự phân bổ giữa các nội dung lý thuyết, bài tập và thảo luận trong từng học phần của CTDH chưa hoàn toàn hợp lý.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Hóa tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTDH theo hướng tăng thời lượng giảng dạy các học phần thực hành, phân bổ thời lượng hợp lý hơn giữa các nội dung lý thuyết, bài tập, thảo luận dựa trên cơ sở cập nhật CĐR của CTĐT và tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước để nâng cao CLĐT SV ngành Sư phạm Hóa học trong thời kỳ hội nhập.

## *5. Tự đánh giá:*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3***

CTDH ngành Sư phạm Hóa học được thiết kế dựa trên CĐR, được cấu trúc theo hệ thống logic từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn của

ngành. Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và có sự tích hợp giữa kiến thức lý thuyết với thí nghiệm, thực hành, thực tập, thực tế. Các học phần thường xuyên cập nhật, bổ sung nhằm đạt được kết quả theo CĐR. Các học phần trong CTDH được thiết kế linh hoạt, bổ trợ nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho SV tiếp cận, lĩnh hội kiến thức chuyên ngành và các kỹ năng mềm. Nội dung chi tiết của mỗi học phần đều có yêu cầu kiến thức về điều kiện tiên quyết và mục tiêu cần đạt được theo CĐR rõ ràng. ĐCCT các học phần thể hiện rõ phương pháp, hình thức dạy học theo hướng tích cực và việc kiểm tra, đánh giá người học đảm bảo tính khách quan, chính xác. Tuy nhiên, thời lượng dành cho các học phần thực hành so với các học phần lý thuyết chưa nhiều.

**Tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí đạt mức 5/7.**

## **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

### ***Mở đầu***

Mục tiêu chung của CTĐT ngành cử nhân Sư phạm Hóa học là "đào tạo cử nhân Sư phạm Hóa học có đủ phẩm chất, năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học và giải quyết vấn đề, đáp ứng quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam và xu thế phát triển giáo dục thế giới" được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Nhận định phương pháp tiếp cận trong dạy và học đóng một vai trò quan trọng trong việc cải tiến CLĐT, Khoa Hóa, Trường ĐHQN đã xây dựng phương pháp giảng dạy đa dạng, hiện đại, kết hợp với thực hành, thực tập, thực tế nhằm đạt được CDR đã tuyên bố trong CTĐT. Đồng thời, thông qua hoạt động dạy và học, tập thể GV Khoa Hóa đã hướng dẫn, hỗ trợ, giúp người học hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu, chủ động, sáng tạo trong học tập, từ đó góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời.

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan***

#### ***1. Mô tả***

Triết lý giáo dục của Trường ĐHQN được công bố trong Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn, với nội dung “*Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp*” [H4.04.01.01]. Triết lý giáo dục của Nhà trường có ý nghĩa: “Toàn diện” là hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội. “Khai phóng” là hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội. “Thực nghiệp” là hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể hành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được tuyên bố rõ ràng trong chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn đến năm 2030 [H4.04.01.02]. Ngoài ra, Báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường ĐHQN năm 2016 cũng đã trình bày rõ mục tiêu giáo dục của Nhà trường và qua đó khẳng định vị thế của Nhà trường trong cộng đồng và xã hội [H4.04.01.03].

MTĐT ngành Sư phạm Hóa học cụ thể hóa Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường đó là “đào tạo cử nhân Sư phạm Hóa học có đủ phẩm chất, năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học và giải quyết vấn đề, đáp ứng quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam và xu thế phát triển giáo dục thế giới” và được thể hiện trong các mục tiêu của CTĐT và đề cương chi tiết học phần [H4.04.01.04], [H4.04.01.05]. Quá trình tổ chức dạy học và triển khai hệ thống các phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học học phần đều nhằm thực hiện mục tiêu học phần, mục tiêu của CTĐT, mục tiêu giáo dục cũng như triết lý giáo dục của Nhà trường.

Việc xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT được tiến hành xây dựng trên cơ sở kết quả của việc xử lý thông tin lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy mục tiêu giáo dục của ngành, của Trường được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội [H4.04.01.06].

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường được tất cả viên chức, giảng viên, người học hiểu rõ và vận dụng vào trong việc thiết kế CTDH và được phổ biến cho các bên liên quan thông qua các đơn vị, toàn thể công chức, viên chức, người học trong toàn trường [H4.04.01.01], trong các buổi sinh hoạt lớp cuối tháng [H4.04.01.07], trong đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa dành cho tân SV của Trường ĐHQN [H4.04.01.08], trong bảng biểu treo trong khuôn viên Nhà trường và trên các trang thông tin điện tử của Trường ĐHQN, của Khoa Hóa [H4.04.01.09].

MTĐT và CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ của ngành Sư phạm Hóa học được phổ biến cho các bên liên quan. Đối với SV, ngay từ năm thứ nhất nhập trường, mục tiêu giáo dục được phổ biến tới SV thông qua gặp mặt tân SV Khoa Hóa [H4.04.01.10]. Đoàn thanh niên và Hội SV của Khoa còn tổ chức các buổi tọa đàm và đối thoại giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động, tích cực của chính họ trong quá trình học tập và hoạt động phong trào [H4.04.01.11], [H4.04.01.12]. Khi bắt đầu giảng dạy môn học, mỗi GV đều dành thời gian để giới thiệu vị trí của học phần trong

CTĐT, giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập, CĐR của học phần và tiêu chí đánh giá kết quả học tập [H4.04.01.05].

### *2. Điểm mạnh*

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường ĐHQN cũng như MTĐT của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến công khai đến cán bộ, giảng viên và người học trong toàn Trường.

### *3. Điểm tồn tại*

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường chưa được phổ biến rộng rãi, đa dạng trên nhiều kênh thông tin để nhà sử dụng lao động và cộng đồng, xã hội hiểu rõ.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà Trường và Khoa Hóa tiếp tục sử dụng hiệu quả các kênh thông tin truyền thống và triển khai thêm nhiều kênh thông tin khác thông qua: buổi khai giảng năm học, khóa học; các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; các trang mạng xã hội;... để nhà sử dụng lao động và cộng đồng xã hội hiểu rõ hơn về Triết lý giáo dục cũng như mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học. Mặt khác, định kỳ Khoa sẽ tiến hành khảo sát các bên liên quan về mức độ hiểu biết Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường MTĐT của ngành Sư phạm Hóa học để có cơ sở đánh giá mức độ hiệu quả của hoạt động phổ biến này.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

## ***Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra***

### *1. Mô tả*

Các hoạt động dạy và học của ngành Sư phạm Hóa học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR của CTĐT đã tuyên bố được cụ thể hóa qua các ĐCCTHP. Để đáp ứng với các yêu cầu của CĐR, tập thể GV Khoa Hóa đã xây dựng các phương pháp giảng dạy đa dạng kết hợp giữa thuyết trình, trình chiếu, hoạt động nhóm, seminar,... Nhờ vậy, người học có thể chủ động tiếp thu, lĩnh hội có hiệu quả những kiến thức chuyên ngành và tích lũy được những kỹ năng cần thiết [H4.04.02.01], [H4.04.02.02].

Bên cạnh các hình thức học tập đa dạng, các hoạt động thực tập sư phạm, thực tế sản xuất, hoạt động chia sẻ kinh nghiệm học tập, thường xuyên được triển khai nhằm giúp SV ngành Sư phạm Hóa học đạt được CĐR về kỹ năng và thái độ. Hoạt động thực tế sản xuất và thực tập sư phạm là 2 hoạt động bắt buộc trong CTĐT, gồm 2 nội dung: Thực tế sản xuất hóa học (1 TC) và Thực tập sư phạm (gồm 2 phần là thực tập sư phạm 1 (1 TC) và thực tập sư phạm 2 (5 TC)). Các cơ sở thực tập đa dạng, đáp ứng yêu cầu của chuyên ngành đào tạo, ví dụ như: nhà máy, xí nghiệp, trường THPT, ... Việc thực tập thực tế của SV tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp và kỹ năng) được nêu rõ trong các ĐCCTHP [H4.04.02.02], và được các GV lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. SV được GV phụ trách thực tập, thực tế làm trưởng đoàn và phối hợp với cán bộ ở cơ sở thực tập cùng hướng dẫn [H4.04.02.03], [H4.04.02.04], [H4.04.02.05], [H4.04.02.06], [H4.04.02.07]. Để hoạt động thực tập sư phạm đạt hiệu quả cao, hằng năm Khoa mời các giáo viên giỏi có nhiều kinh nghiệm trong công tác chuyên môn và công tác chủ nhiệm từ các trường THPT tham dự seminar để chia sẻ kinh nghiệm cho SV về công tác thực tập sư phạm [H4.04.02.08].

Ngoài hoạt động giảng dạy, tập thể GV Khoa Hóa còn tích cực tham gia và hướng dẫn SV NCKH. SV được khuyến khích tham gia NCKH từ năm thứ nhất dưới sự hướng dẫn của các GV giàu kinh nghiệm NCKH. Việc chọn lựa đề tài được tiến hành thông qua Hội đồng khoa dựa trên ý nghĩa khoa học và tính khả thi của đề xuất. Hằng năm các đề tài NCKH của SV đều được hỗ trợ kinh phí thực hiện. Nhiều đề tài của SV Khoa Hóa đã đạt giải cấp Trường và cấp Bộ [H4.04.02.09], [H4.04.02.10], [H4.04.02.11].

Bên cạnh đó, GV trong Khoa được tham gia học tập, được hướng dẫn về kỹ năng kiểm tra, đánh giá người học [H4.04.02.12]. Để đánh giá việc thiết kế hoạt động dạy và học có phù hợp với CĐR hay không, sau mỗi học kì Nhà trường tổ chức khảo sát hoạt động giảng dạy của GV từ người học [H4.04.02.13], [H4.04.02.14], [H4.04.02.15]. Đồng thời dựa trên kết quả khảo sát này, Khoa Hóa tiến hành những điều chỉnh thích hợp cho các hoạt động dạy và học.

## *2. Điểm mạnh*

Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp và thường xuyên được cải tiến, điều chỉnh để đạt được CĐR cũng như yêu cầu thực tế. Phương pháp giảng dạy đa dạng, hiệu quả. CTĐT có nhiều hoạt động thực tế sản xuất, thực tập sư phạm, kết hợp



với hoạt động NCKH giúp hình thành ở người học những kỹ năng mềm cần thiết.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc tổ chức các hội thảo liên quan đến thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong dạy học và học tập chưa được tổ chức thường xuyên.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Hóa tổ chức hội thảo, tập huấn về phương pháp dạy học mới ở đại học để tiến hành cải tiến hoạt động dạy và học.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 4/7.

## ***Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học***

### *1. Mô tả*

Với phương pháp tiếp cận theo định hướng phát triển năng lực hướng đến CDR, các phương pháp dạy và học được GV triển khai đa dạng nhằm hướng đến rèn luyện kỹ năng nâng cao hoạt động tự nghiên cứu, tự học, khả năng học tập suốt đời của SV. SV ngành Sư phạm Hóa học được rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm, khả năng tự học thông qua giờ tự học bắt buộc ngoài giờ lên lớp, sự tương tác giữa GV và SV, các buổi thảo luận nhóm [H4.04.03.01]. Hoạt động NCKH SV được coi trọng, dưới sự hướng dẫn của các GV có năng lực và giàu kinh nghiệm NCKH, người học được rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể độc lập giải quyết các vấn đề khó khăn trong quá trình học tập và nghiên cứu góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học [H4.04.03.02]. Vào hai năm cuối của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học, SV được trải nghiệm, học tập và tích lũy kiến thức cũng như hình thành các kỹ năng cần thiết thông qua việc tham quan thực tế, dự giờ và thực hiện tiết đánh giá về thực tập giảng dạy dưới sự hướng dẫn của các giáo viên phổ thông giàu kinh nghiệm [H4.04.03.03], [H4.04.03.04], [H4.04.03.05]. Đặc biệt, 20% SV học CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được tham gia làm khóa luận tốt nghiệp [H4.04.03.06], [H4.04.03.07], [H4.04.03.08]. Điều này giúp ích rất nhiều cho các SV này trong quá trình tự học tập và nâng cao trình độ sau khi ra trường.

GV Khoa Hóa sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Bên

cạnh đó, Khoa Hóa thường xuyên mời các chuyên gia trong nước và nước ngoài, có trình độ cao, tâm huyết về giảng dạy hoặc trao đổi, seminar khoa học, tạo tinh thần cởi mở, phản biện và học hỏi lẫn nhau trong khoa học [H4.04.03.09]. Nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong Khoa tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần ham học hỏi và hình thành kỹ năng mềm cần thiết cho người học [H4.04.03.10].

Trong những năm qua, SV ngành Sư phạm Hóa học của Trường ĐHQN luôn được các trường THPT đánh giá cao về kiến thức chuyên môn, kỹ năng cũng như thái độ trong các đợt thực tập sư phạm [H4.04.03.11]. Đặc biệt, SV tốt nghiệp ngành Sư phạm Hóa học tại Trường ĐHQN đã nhận được nhiều phản hồi tích cực từ nhà sử dụng lao động [H4.04.03.12].

### *2. Điểm mạnh*

CTDH ngành Sư phạm Hóa học đã lựa chọn, thiết kế các phương pháp, hoạt động dạy và học đa dạng, hiệu quả, thúc đẩy và tạo điều kiện để SV rèn luyện các khả năng tự khám phá, kiến tạo và vận dụng kiến thức, các kỹ năng tư duy phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm..., qua đó nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

### *3. Điểm tồn tại*

Kinh phí dành cho hoạt động NCKH SV còn hạn chế do đó chưa thu hút được nhiều SV cùng tham gia vào hoạt động này.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, toàn thể GV Khoa Hóa sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh trong hoạt động dạy và học. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa Hóa sẽ đẩy mạnh việc tìm kiếm nguồn lực tài trợ kinh phí hỗ trợ cho hoạt động NCKH SV.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 4/7.

## ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4***

Trong những năm qua, phương pháp dạy và học luôn được tập thể Khoa Hóa xác định là một khâu quan trọng, thường xuyên được điều chỉnh, cải tiến để có thể đạt hiệu quả cao nhất và tốt nhất cho người học. Tập thể GV Khoa Hóa đã xây dựng phương pháp giảng dạy đa dạng kết hợp giữa thuyết trình, trình chiếu, hoạt động nhóm, seminar, thực hành trong và ngoài Nhà trường,... Nhờ vậy, người học có thể chủ động tiếp thu, lĩnh hội có hiệu quả những kiến thức chuyên ngành và tích lũy được những kỹ

năng cần thiết.

Ngoài những giờ học tập chính thức, SV ngành Sư phạm Hóa học trong thời gian học tập tại trường được trải nghiệm thực tế, học tập, tích lũy thêm kiến thức và rèn luyện thêm một số kỹ năng cần thiết thông qua việc tham quan thực tế, dự giờ và trợ giảng dưới sự hướng dẫn của các giáo viên phổ thông giàu kinh nghiệm.

Hoạt động NCKH SV là một trong những điểm mạnh của SV ngành Sư phạm Hóa học. Dưới sự hướng dẫn của các GV có năng lực và giàu kinh nghiệm, người học đã bước đầu hình thành khả năng tự nghiên cứu, có thể độc lập giải quyết một số vấn đề khó khăn trong quá trình học tập và nghiên cứu, từ đó nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Tuy nhiên, để đáp ứng với nhu cầu thực tiễn luôn thay đổi, trong thời gian tới Trường ĐHQN và Khoa Hóa cần tích cực hơn nữa trong việc phát huy những thế mạnh sẵn có trong hoạt động dạy và học. Tăng cường học tập, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm, không ngừng cải tiến, hoàn thiện phương pháp dạy và học, nỗ lực tìm kiếm nguồn kinh phí hỗ trợ từ các cơ sở ngoài trường tăng cường hoạt động NCKH của GV cũng như của SV góp phần xây dựng Khoa Hóa ngày càng vững mạnh.

**Tiêu chuẩn 4 có 2 tiêu chí đạt mức 4/7 và 1 tiêu chí đạt mức 5/7.**

## **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

### ***Mở đầu***

Trong xu thế đổi mới GDĐH Việt Nam hiện nay, vấn đề nổi lên hàng đầu là đổi mới để từng bước củng cố và nâng cao CLĐT. Để thực hiện điều này trước hết cần quan tâm thực hiện hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học để có được những chỉ số đánh giá hiện trạng CLĐT. Thực chất CLĐT được phản ánh thông qua kết quả học tập đạt được của người học trong quá trình học tập so với mức độ đáp ứng yêu cầu của CĐR và mục tiêu của CTĐT.

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học là một khâu rất quan trọng trong quá trình đào tạo. Nhà trường và Khoa luôn tuân thủ và chấp hành nghiêm quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học; tổ chức cho toàn thể GV, SV học tập, nghiên cứu quy chế ngay từ khi SV nhập học. Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện thường xuyên, chuyên nghiệp trong suốt quá trình SV học tại Khoa Hóa, nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực của người học đạt được so với mục tiêu học phần và khóa học. Ngoài ra, việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của CĐR, các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới SV thông qua GV bộ môn vào đầu mỗi học phần.

Kết quả học tập được phản hồi kịp thời cho SV thông qua tài khoản cá nhân của SV để SV cải thiện việc học tập và SV có thể tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập khi cần.

***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra***

### ***1. Mô tả***

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế dựa trên mục tiêu về CĐR. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học có khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR CTĐT được thể hiện thông qua Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC ở Trường ĐHQN [H5.05.01.01], Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo

học chế TC [H5.05.01.02]. Việc kiểm tra đánh giá bao gồm: xét điểm dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia được phê duyệt theo Đề án tuyển sinh của Trường ĐHQN (đầu vào) [H5.05.01.03]; kiểm tra đánh giá liên tục trong quá trình học tập (đầu ra). Các quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập được công bố công khai, rộng rãi đến SV trong “Tuần sinh hoạt công dân SV” đầu khóa năm học [H5.05.01.04], sổ tay SV [H5.05.01.05] và trong quá trình học.

Quy trình kiểm tra, thi kết thúc học phần được thực hiện nghiêm túc theo quy định chung của Trường từ khâu thiết kế, ra đề, coi thi, chấm thi [H5.05.01.02]. Đề thi kết thúc học phần được các GV dạy cùng học phần ra 02 đề và 02 đáp án nộp cho Phòng KT&ĐBCL trước kỳ thi 01 tháng và Phòng KT&ĐBCL lựa chọn ngẫu nhiên 01 đề để tổ chức thi.

ĐCCTHP trong CTĐT đều thiết kế rõ mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ; CDR của CTĐT và mức độ đạt được của CDR [H5.05.01.06]. Từ mục tiêu của học phần, GV xác định được các nội dung cần kiểm tra, đánh giá, các cách thức kiểm tra đánh giá và những yêu cầu cụ thể việc kiểm tra đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CDR.

Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng: bài tập cá nhân, bài tập nhóm đối với đánh giá giữa kỳ; tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, ... đối với đánh giá cuối kỳ [H5.05.01.07]. Việc giao đề tài làm khóa luận tốt nghiệp cũng được chương trình thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, công bằng, khách quan từ việc chọn SV đủ điều kiện được làm khóa luận cho đến khâu tổ chức hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp [H5.05.01.08]. Việc tổ chức thi kết thúc các học phần được thực hiện nghiêm túc, tất cả các đề thi thuộc khối kiến thức chuyên ngành do chương trình quản lý đều được Trường bộ môn phê duyệt. Một số cán bộ, GV trong Khoa đã được tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm đại học do Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng tổ chức [H5.05.01.09]. Trong khóa đào tạo, GV được bồi dưỡng về kỹ năng kiểm tra, đánh giá. Riêng với học phần thực hành thí nghiệm, GV phụ trách học phần đánh giá SV theo từng bài thực hành, điểm trung bình của tất cả các bài thực hành chính là số điểm cuối kỳ, điều này đảm bảo cả ba chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ đều được đánh giá [H5.05.01.10]. Để có đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, các SV phải đảm bảo điều kiện cần và đủ theo quy định của Trường ĐHQN [H5.05.01.08].

## *2. Điểm mạnh*

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mục đích đánh giá, đáng tin cậy đảm bảo nguyên tắc của Nhà trường, đánh giá đo được CĐR và các mục tiêu khác của chương trình. GV được đào tạo về kỹ năng kiểm tra, đánh giá.

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học đều bám sát các yêu cầu của CĐR. Tất cả các đề thi của các học phần đều được Trưởng bộ môn phê duyệt.

Đối với các học phần thực hành thí nghiệm còn có thêm sự đánh giá người học về các tiêu chí như thái độ nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, sự tuân thủ quy tắc an toàn khi tiến hành thí nghiệm, kỹ năng nghiên cứu,...

## *3. Điểm tồn tại*

Mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá kết quả học tập theo các mức độ của CĐR đối với các học phần chuyên ngành, nhưng với các học phần chung toàn trường như các học phần thuộc khối kiến thức chung, việc đánh giá phần nhiều dừng ở mức độ thấp.

Phần lớn các học phần sử dụng hình thức thi tự luận, số lượng học phần sử dụng hình thức thi trắc nghiệm khách quan chưa nhiều.

CĐR về thái độ hầu như chỉ được đánh giá thông qua 10% điểm thường xuyên, hoặc ở một số học phần trực tiếp đề cập đến thái độ thực hành nghề.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Hóa tổ chức xây dựng ngân hàng câu hỏi dữ liệu đề thi, mỗi câu hỏi được thiết kế đều chỉ rõ đánh giá yếu tố nào, ở mức độ nào ứng với CĐR của học phần, CĐR của CTĐT.

Năm học 2020 - 2021, Khoa tăng thêm số lượng học phần sử dụng hình thức thi vấn đáp, trắc nghiệm khách quan trong đánh giá cuối kỳ.

Năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ cập nhật CTĐT và điều chỉnh cách đánh giá thái độ của người học đặc biệt đối với các học phần trực tiếp đề cập đến thái độ thực hành nghề, các học phần thi vấn đáp theo hướng đánh giá dựa trên toàn bộ quá trình học tập.

## *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

***Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học***

***1. Mô tả***

Các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC của Bộ GD&ĐT [H5.05.02.01], Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC của Trường ĐHQN [H5.05.02.02], Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế TC [H5.05.02.03] và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ phù hợp với phương thức đào tạo theo TC của Trường ĐHQN.

Nhà trường đã quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được công bố công khai tới người học [H5.05.02.03], [H5.05.02.04]. Về thời gian, bài kiểm tra giữa kì được thực hiện vào tuần thứ 9, bài kiểm tra cuối kì được thực hiện sau 15 tuần và đã kết thúc học phần. Trọng số điểm là: chuyên cần (10%), giữa kì (20%), cuối kì (70%) [H5.05.02.02], [H5.05.02.05]. Điểm chuyên cần và giữa kì được công bố công khai với SV trước khi kết thúc học phần. Điểm cuối kì được cập nhật trên tài khoản cá nhân của SV [H5.05.02.06]. Đối với khóa luận tốt nghiệp thực hiện theo quy định chung của Bộ GD&ĐT, quy định chung của Trường. Khoa Hóa công khai thông tin về quy định về bảo vệ khóa luận tốt nghiệp, hội đồng chấm, danh sách GV hướng dẫn, GV phản biện, mẫu trình bày khóa luận đến SV, điểm khóa luận được công khai ngay sau khi Hội đồng thống nhất ý kiến, trong ngày SV bảo vệ khóa luận tốt nghiệp [H5.05.02.07].

Thời gian tổ chức kiểm tra, thi kết thúc học phần, bảo vệ khóa luận tốt nghiệp được Nhà trường quy định cụ thể trong kế hoạch đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy hằng năm và được thực hiện đúng tiến độ. Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập đều được phổ biến đến SV thông qua đợt sinh hoạt công dân đầu khóa [H5.05.02.08], in trong sổ tay SV [H5.05.02.09], đăng tải trên website của Trường và từ sự hỗ trợ của CVHT. Các thông tin về kiểm tra đánh giá được thông báo tới người học từ đầu năm trong đề cương môn học. Nội dung học và lịch thi cụ thể cũng đã được

án định từ đầu năm học trong lịch trình giảng dạy môn học, được chuyển tới SV qua kênh của CVHT. Khi họp bộ môn, Trưởng bộ môn cũng thường xuyên nhấn mạnh với GV trong tuần đầu năm học cần giới thiệu tới SV những tài liệu này **[H5.05.02.10]**.

Cuối mỗi học kỳ, Phòng KT&ĐBCL Trường ĐHQN lập kế hoạch tổ chức thi, phân công phòng thi và thông báo đến SV thông qua tài khoản cá nhân ít nhất là 2 tuần trước khi diễn ra kỳ thi kết thúc học phần **[H5.05.02.11]**, **[H5.05.02.12]**. Mỗi học kỳ Nhà trường tổ chức thi tập trung 1 lần, SV có lý do chính đáng như: ốm đau, bệnh tật, tai nạn được làm đơn đề nghị Nhà trường bố trí thi lại ở học kỳ phụ hoặc ở kỳ thi gần nhất nhằm đảm bảo tiến độ học tập **[H5.05.02.02]**, **[H5.05.02.13]**.

Trợ lý khoa nhập điểm chuyên cần và giữa kỳ (chậm nhất 10 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy của học phần) và điểm thi kết thúc học phần (7 ngày sau khi thi kết thúc học phần) và công bố công khai cho người học **[H5.05.02.14]**. Người học được quyền phản hồi nếu thấy điểm chưa phù hợp bằng việc viết đơn đề nghị điều chỉnh điểm theo đúng quy trình **[H5.05.02.15]**.

Với mục tiêu đảm bảo chất lượng, Nhà trường đã ban hành Quy định CDR ngoại ngữ, tin học đối với SV đại học hệ chính quy và thông báo đến toàn bộ SV được biết **[H5.05.02.16]**, **[H5.05.02.17]**. SV của Nhà trường khi được công nhận tốt nghiệp bậc đại học hệ chính quy phải đạt chuẩn bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, CDR tin học theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Thông qua kết quả khảo sát YKPH của người học về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của Nhà trường, Khoa cho thấy hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần đã được GV thông báo và giải thích rõ ràng trước khi học; đa số người học đánh giá số lượng bài kiểm tra, hình thức, nội dung, thời gian, thời lượng kiểm tra và các tiêu chí đánh giá của Nhà trường, Khoa đều đáp ứng yêu cầu **[H5.05.02.18]**.

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường đã ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quy định về việc đánh giá kết quả học tập của SV và được phổ biến rộng rãi, công khai đến tất cả SV trong Nhà trường bằng nhiều hình thức.

Kế hoạch và những quy định về kiểm tra đánh giá được thông báo công khai với người học ngay từ đầu năm học và khi bắt đầu học các học phần, sổ tay SV và quy chế đào tạo đại học. Toàn bộ GV của Khoa Hóa đều thực hiện việc thông báo quy định về



đánh giá đến SV ngay từ đầu tuần 1 của quá trình giảng dạy. Những yêu cầu cụ thể về kì thi cuối kì được nhấn mạnh lại ít nhất một lần nữa ngay trước khi kết thúc quá trình giảng dạy.

Bộ phận trợ lý đào tạo của Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo đại học của Trường, các CVHT trong việc thông báo công khai, rõ ràng các thông tin liên quan đến quy định đánh giá kết quả học tập nên kết quả học tập được chuyển đến SV trong thời gian nhanh nhất có thể.

Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường, Khoa đều thực hiện khảo sát ý kiến của người học về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập và được người học đánh giá tốt.

### *3. Điểm tồn tại*

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV theo hướng tiếp cận năng lực còn hạn chế. Còn có SV chưa thực sự quan tâm đến ĐCCTHP, đề cương môn học và hình thức kiểm tra đánh giá.

Văn bản về quy chế, quy định đánh giá kết quả học tập của SV còn chậm cập nhật, đổi mới, ban hành.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Hóa xây dựng phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV theo hướng tiếp cận năng lực.

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa chú trọng làm tốt hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền đối với SV, đặc biệt là SV năm thứ nhất về ĐCCTHP và tầm quan trọng của việc nắm chắc các thông tin trong ĐCCTHP, nhất là phần liên quan tới nội dung và các hình thức kiểm tra đánh giá.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

## ***Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng***

### *1. Mô tả*

GV Khoa Hóa thực hiện việc đánh giá kết quả học tập bằng nhiều phương pháp khác nhau. Hình thức kiểm tra rất đa dạng: bài kiểm tra viết tại lớp, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, ... [H5.05.03.01]. Đề thi có thể ở dạng câu hỏi tự luận không sử dụng tài liệu, câu hỏi tự luận được sử dụng tài liệu, ... Đề thi được thiết kế khoa học,

đúng quy định của học phần và được Trưởng bộ môn phê duyệt **[H5.05.03.02]**.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Về độ giá trị, mỗi học phần đều có bộ câu hỏi ôn tập được bộ môn thông qua sau khi họp điều chỉnh, bộ câu hỏi được thiết kế đảm bảo đo lường đúng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ được phản ánh trong ĐCCTHP **[H5.05.03.03]** và trong tập bài giảng **[H5.05.03.04]**. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần. Phòng KT&ĐBCL xây dựng kế hoạch thi, Khoa quản lý học phần phân công GV coi thi và chấm thi. Trợ lý Khoa làm phách và nhập điểm thi vào phần mềm quản lý đào tạo **[H5.05.03.05]**.

Về tính tin cậy, mỗi đề thi đều có đáp án tương ứng với số điểm chi tiết, hướng dẫn chấm thi cụ thể. Đề thi và đáp án thi cuối kì được Trưởng bộ môn phê duyệt để đảm bảo hiệu lực đánh giá trước khi nộp về Phòng KT&ĐBCL. Bài thi, bài kiểm tra của SV được chấm chi tiết theo đáp án và quy trình chấm được chuẩn hóa (rọc phách, hai GV cùng chấm, vào điểm, ...) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học. Sự tin cậy và công bằng còn được đảm bảo trong khâu chấm điểm cuối kì. Mỗi bài thi được chấm độc lập bởi hai GV để hạn chế tính chủ quan khi đánh giá, thực hiện như quy chế chấm thi tuyển sinh, bảng điểm mỗi học phần, ngoài hai GV chấm thi, đều có ký xác nhận của Trưởng bộ môn, Trưởng khoa để đảm bảo sự khách quan, công bằng trong công tác chấm bài. Nếu thấy điểm thi không đúng theo ý kiến cá nhân, SV được quyền phản hồi bằng việc viết đơn đề nghị phúc khảo theo đúng quy trình **[H5.05.03.06]**. Nhà trường tổ chức thanh tra tất cả các khâu từ in sao, quản lý đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm, kiểm tra tính chính xác của việc lên điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần **[H5.05.03.07]**.

Với khóa luận tốt nghiệp cho SV cuối khóa, Khoa có yêu cầu cụ thể về thời gian, quy cách làm khóa luận cũng như mức độ đạt được **[H5.05.03.08]**. Việc chấm khóa luận có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, công cụ sử dụng, kết quả thực tiễn,... Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá khóa luận tốt nghiệp **[H5.05.03.09]**. Điểm của khóa luận được cấu thành từ GV phản biện, hội đồng đánh giá (gồm tối thiểu ba thành viên hội đồng) nhằm đảm bảo sự tin cậy của phương pháp đánh giá và tính công bằng đối với SV.

Tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế

khoa học dựa trên CDR của học phần, được kiểm chứng nhằm hướng tới tính khách quan, công bằng thông qua lấy YKPH của SV về hoạt động kiểm tra – đánh giá của GV [H5.05.03.10].

## *2. Điểm mạnh*

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng về hình thức và phương pháp: kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập nhóm, cá nhân, kiểm tra giữa kì, cuối kì, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình các chủ đề của các học phần, ...

Đề thi đảm bảo độ tin cậy được Trưởng bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Thang điểm chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi. Đa số YKPH của người học hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV.

## *3. Điểm tồn tại*

Vẫn còn một số học phần chỉ dừng lại ở việc đánh giá kiểm tra về lý thuyết, chỉ thiên về đánh giá dưới hình thức tái hiện kiến thức. Điều này một phần có thể ảnh hưởng đến tính khách quan của quá trình đánh giá.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV hiện nay vẫn chưa thật sự làm thay đổi và thúc đẩy theo chiều hướng tích cực việc học tập của SV, việc giảng dạy của GV và việc tổ chức quản lý, đảm bảo CLĐT của CTĐT.

Nhà trường, Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi học phần.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, GV ra đề các học phần có sự kiểm soát của Trưởng bộ môn theo CDR của học phần. Khoa thống nhất với các GV trong việc ra đề thi, đảm bảo hạn chế việc SV chỉ tái hiện kiến thức, đánh giá cao tiêu chí tăng tính vận dụng, đòi hỏi SV phải tư duy, vận dụng hiểu biết của SV vào làm bài.

Năm học 2020 - 2021, Khoa quan tâm đặc biệt đến vấn đề đổi mới căn bản hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học, đưa hoạt động đánh giá kết quả học tập trở thành công cụ hữu ích thúc đẩy sự hình thành và phát triển năng lực của người học và đảm bảo được thực chất kết quả đào tạo theo CDR của CTĐT.

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi, đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi.

## *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

#### ***Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để sinh viên cải thiện việc học tập***

##### ***1. Mô tả***

Việc phản hồi kịp thời kết quả học tập cho SV rất được chú trọng. Với bài kiểm tra giữa kì, kết quả được công bố vào tuần 10 của tiến trình đào tạo 15 tuần/học kỳ. Trước khi kết thúc học phần, GV phải thông báo điểm chuyên cần và giữa kỳ đến SV [H5.05.04.01]. Mỗi SV được cấp một tài khoản riêng và SV sử dụng tài khoản đó truy cập vào website của Trường ĐHQN để xem kết quả điểm kiểm tra, điểm thi. Điểm thi các học phần được trợ lý Khoa cập nhật lên phần mềm chậm nhất 02 tuần sau khi kỳ thi kết thúc. Hồ sơ, kết quả học tập của SV được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập, có thể tiếp cận và tra cứu dễ dàng [H5.05.04.02].

Sau 10 ngày kể từ khi công bố kết quả, SV được gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả thi nếu cần. Thời gian chấm phúc khảo theo như quy định trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống TC [H5.05.04.03].

Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời, công khai đến GV và người học theo kênh thông tin trên website của Trường qua tài khoản của người học để người học có thể phản hồi và cải thiện việc học tập. Đồng thời, sau khi có kết quả học tập mỗi học kỳ của người học, các CVHT đều tiến hành tổ chức họp lớp để khuyến khích, động viên SV có kết quả học tập tốt; nhắc nhở những SV có ý thức học tập chưa tốt; giải đáp những thắc mắc của người học trong học tập; tư vấn cho người học phương pháp học có hiệu quả [H5.05.04.04]. Thực hiện văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC, Nhà trường đã thực hiện việc cảnh báo kết quả học tập theo từng kỳ nhằm giúp SV có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình và có được công việc đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp [H5.05.04.05]. Kết quả học tập của người học được lưu giữ đầy đủ theo đúng quy định [H5.05.04.02], [H5.05.04.06].

Hệ thống văn bằng chứng chỉ của người học được Nhà trường quản lý và cấp phát đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Kết thúc mỗi khóa học, người học được nhận bằng tốt nghiệp và ký nhận tại Sở cấp bằng [H5.05.04.07].

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo giúp trường quản lý

kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. Kết quả học tập của người học được Nhà trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo, được sao lưu định kì vào hệ thống và hệ thống máy chủ [H5.05.04.08]. Sau mỗi học kỳ, Phòng Thanh tra – Pháp chế đều kiểm tra khâu lên điểm, ráp phách, nhập điểm vào phần mềm và làm biên bản có xác nhận của Khoa và Phòng Thanh tra – Pháp chế [H5.05.04.09].

## *2. Điểm mạnh*

Kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được công bố đúng quy định. Mỗi SV được cấp 1 tài khoản riêng nên rất thuận lợi trong việc tra cứu kết quả học tập. Cuối mỗi học kỳ, SV được cấp bảng điểm để kiểm tra, đối chiếu kết quả học tập và kiến nghị điều chỉnh nếu phát hiện có sai sót.

Nhà trường, Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp kết quả học tập, văn bằng tốt nghiệp.

Hệ thống văn bằng được cấp đúng quy định, sổ cấp văn bằng rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

## *3. Điểm tồn tại*

Điểm giữa kì thường được phản hồi nhanh chóng cho SV để SV kịp thời điều chỉnh kế hoạch, phương pháp học, cải thiện kết quả học tập. Tuy nhiên, việc công bố điểm thi học phần cho SV đôi khi còn chậm do sự chậm trễ trong công tác chấm thi kết thúc học phần của một số ít GV. Điều này ít nhiều ảnh hưởng đến việc đăng ký học phần nói riêng và kế hoạch học tập học kỳ tiếp theo của SV, đặc biệt đối với SV chuẩn bị tốt nghiệp.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Hóa thúc đẩy và cam kết việc chấm thi kết thúc học phần và công bố điểm cuối kỳ đúng thời hạn.

## *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

## ***Tiêu chí 5.5. Sinh viên tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập***

### ***1. Mô tả***

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập được Trường ĐHQN hướng dẫn cụ thể. SV có quyền khiếu nại kết quả học tập nếu chưa thỏa mãn. Quy trình, thủ tục, mẫu đơn phúc khảo được đăng tải trên website của Trường, SV có thể tiếp cận dễ dàng. SV có khiếu nại về điểm thì làm đơn đề nghị phúc khảo gửi đến Khoa, thời gian chấm phúc khảo theo đúng như quy định trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống TC **[H5.05.05.01]**. Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học nếu thấy điểm trên phần mềm không phù hợp theo ý kiến cá nhân mình thì làm đơn gửi Văn phòng khoa đề nghị xem xét lại. Văn phòng Khoa phối hợp với GV phụ trách học phần để giải quyết cho SV theo quy định. Bài thi sau khi chấm phúc khảo được ghi vào biên bản, có chữ ký của 2 cán bộ chấm thi và ý kiến của Trưởng khoa **[H5.05.05.02]**. Kết quả phúc khảo bài thi được thông báo ngay cho SV và cập nhật, chỉnh sửa vào bảng tổng hợp theo từng kỳ để lưu nếu có sai sót. Điểm sau phúc khảo là kết quả cuối cùng của học phần.

Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến GV và người học theo kênh thông tin trên website của Trường qua tài khoản của người học để người học có phản hồi và khiếu nại về kết quả học tập **[H5.05.05.03]**. Đối với điểm trung bình chung học tập năm học, sau mỗi học kỳ, người học đều nhận được bảng điểm để đối chiếu và có quyền khiếu nại khi có sai sót **[H5.05.05.04]**. Ngoài ra, để tiếp nhận những khiếu nại về kết quả học tập của người học thì Nhà trường đã có hòm thư để người học có thể gửi trực tiếp những ý kiến của người học vào đó **[H5.05.05.05]**.

SV được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập vào đợt sinh hoạt công dân đầu khóa **[H5.05.05.06]**, sổ tay SV **[H5.05.05.07]** và tư vấn hỗ trợ của CVHT. Tất cả các trường hợp khiếu nại về kết quả học tập của SV đều được giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng quy trình, quy định.

Quy trình chấm thi được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, GV được phân công chấm thi có trách nhiệm, công tâm nên việc khiếu nại về kết quả học tập hàng kỳ ít xảy ra **[H5.05.05.08]**.

Hàng năm có khoảng tối đa 5 trường hợp SV gửi đơn phúc khảo về kết quả học

tập. Tất cả các trường hợp khiếu nại về kết quả học tập của SV đều được giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng quy trình, quy định [H5.05.05.09].

### *2. Điểm mạnh*

SV được dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình qua nhiều kênh và được giải quyết kịp thời, thỏa đáng. Cuối mỗi học kỳ, SV được cấp bảng điểm để kiểm tra, đối chiếu kết quả học tập và kiến nghị điều chỉnh nếu phát hiện có sai sót.

Khoa Hóa đã giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại trường.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm. Điều này ảnh hưởng đến việc phúc khảo điểm và tiến độ học tập của SV.

Quy trình thủ tục khiếu nại chưa phân định rõ ràng giữa đơn vị Phòng ban và Khoa trong việc tiếp nhận đơn của SV.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường sẽ công bố cụ thể quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trong sổ tay SV nhằm giúp người học tiếp cận dễ dàng hơn quy trình này. Đồng thời, Khoa cũng tiến hành tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và công bố công khai quy trình này trên website của Khoa để người học nắm bắt rõ.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 4/7.

## ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5***

Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR, bám sát các hướng dẫn của Trường ĐHQN để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, chú trọng vào đánh giá kiến thức, kỹ năng và năng lực của SV thông qua các kì thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CĐR. Đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến SV để SV xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập phù hợp. SV tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

**Tiêu chuẩn 5 có 1 tiêu chí đạt mức 4/7 và 4 tiêu chí đạt mức 5/7.**

## **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

### ***Mở đầu***

Xây dựng và phát triển đội ngũ GV và cán bộ quản lý đạt chuẩn tương đương với GV, cán bộ quản lý ở các đại học tiên tiến trong nước và quốc tế vừa là mục tiêu, vừa là động lực và được coi là một trong các yếu tố quan trọng nhất để xây dựng và phát triển các Khoa, phát triển Trường ĐHQN ngang tầm với các đại học uy tín trong nước và quốc tế.

Trường ĐHQN có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Điều này cũng có nghĩa là Nhà trường cần có một lực lượng GV có trình độ và đủ năng lực để tham gia công tác giảng dạy và NCKH. Nhà trường luôn xác định công tác chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ cho cán bộ GV là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Đội ngũ GV của Khoa khá mạnh, họ vừa có phẩm chất đạo đức tốt, chuyên môn sâu, phương pháp giảng dạy tốt, nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, có năng lực quản lý và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đặc biệt đội ngũ để thực hiện CTĐT ngành Sư phạm Hóa học có trình độ và năng lực phù hợp với yêu cầu công việc được giao, đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo, có trình độ ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm đáp ứng tốt yêu cầu của CTĐT và nhiệm vụ NCKH. Đội ngũ GV của Khoa Hóa được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật. Việc phân công trách nhiệm đào tạo và mối quan hệ công tác được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của GV. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận thành tích của GV tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

***Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

### ***1. Mô tả***

Theo nhu cầu đào tạo của Trường ĐHQN được thể hiện trong Kế hoạch chiến



lược phát triển Nhà trường giai đoạn từ 2016 đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H6.06.01.01] và trong sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi mà Nhà trường đã công bố [H6.06.01.02] thì việc đào tạo giáo viên ngành Sư phạm nói chung và Sư phạm Hóa học nói riêng là nhiệm vụ đặt ra hàng đầu hướng tới đáp ứng tối đa nguyện vọng của người học và nhu cầu xã hội. Hoạt động phục vụ cộng đồng được thể hiện trong chủ trương của Nhà trường và của Khoa là về công tác giảng dạy đào tạo và hoạt động NCKH [H6.06.01.01].

Để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, Khoa Hóa đã chủ động trong công việc quy hoạch đội ngũ GV. Công tác quy hoạch đội ngũ GV của Khoa Hóa được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, khoa học, phù hợp với quy định chung của Nhà trường [H6.06.01.03].

Hiện nay, đội ngũ viên chức của Khoa gồm 59 người (nam: 25; nữ: 34) trong đó 56 GV cơ hữu và 03 chuyên viên [H6.06.01.04], [H6.06.01.05]. Hiện độ tuổi bình quân của cán bộ cơ hữu Khoa là 41 tuổi [H6.06.01.06]. Số cán bộ có học hàm Phó giáo sư: 08 (13,6%), số cán bộ đạt trình độ tiến sĩ: 26 (chiếm 44,1%), số cán bộ đang làm NCS trong và ngoài nước là 18 (chiếm 30,5%), còn lại là thạc sĩ. Phân hạng GV, bao gồm GVCC: 08, GVC: 17, GV: 31, chuyên viên: 3 [H6.06.01.05].

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, Lãnh đạo Khoa đã xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong 5 năm. Đây là căn cứ để Lãnh đạo Khoa xây dựng lộ trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, sử dụng, tuyển dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên các quy chế, quy hoạch của Nhà trường; đề án việc làm của Khoa; khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ của Khoa [H6.06.01.07], [H6.06.01.08], [H6.06.01.09], [H6.06.01.10].

Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, đội ngũ GV của Khoa còn tích cực trong công tác tham quan học tập, bồi dưỡng, hợp tác nghiên cứu, cập nhật kiến thức chuyên môn qua các hội nghị, hội thảo, seminar trong và ngoài nước [H6.01.01.11], [H6.06.01.12]. Một số GV của Khoa có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và khả năng giảng dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh. Khoa Hóa rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV và có hình thức hỗ trợ phù hợp [H6.06.01.11], [H6.06.01.13], [H6.06.01.14], [H6.06.01.15], [H6.06.01.16].

Việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn cho các GV được giao cho bộ môn đảm nhận, các GV trẻ trước khi đứng lớp đều được 1 GV có kinh nghiệm kèm cặp bồi

đưỡng về chuyên môn [H6.06.01.17].

Ngoài ra, Khoa còn có sự hợp tác đồng đảo với nhiều GV kiêm nhiệm, thỉnh giảng là các nhà khoa học, GV có uy tín từ các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước và nước ngoài. GV trong Khoa còn liên kết nghiên cứu với các GV, nhà khoa học của các trường đại học có uy tín từ các nước như: Bỉ, Hà Lan, Thái Lan, Hàn Quốc; ... [H6.06.01.12], [H6.06.01.18], [H6.06.01.19].

Về công tác tổ chức, những GV hết thời gian tập sự, Nhà trường ra quyết định bổ nhiệm vào ngạch theo quy định [H6.06.01.20]. Với những GV đủ điều kiện nâng ngạch theo quy định của Nhà nước (Hạng 1, Hạng 2) thì sẽ được Nhà trường cử đi thi nâng ngạch.

Khi GV có chứng chỉ bồi dưỡng GVC, Nhà trường cử đi thi nâng ngạch nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước, các chức danh được bổ nhiệm đúng quy trình, quy định của Nhà nước [H6.06.01.21]. Việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí công việc của GV được Lãnh đạo Khoa thực hiện nghiêm túc và có kế hoạch cụ thể hằng năm. Định kỳ, trên cơ sở số liệu của Nhà trường về kết quả khảo sát lấy YKPH của người học về hoạt động giảng dạy của GV, Khoa Hóa tiến hành rà soát, họp đánh giá chất lượng giảng dạy của GV trong Khoa nhằm rút kinh nghiệm, cải tiến phương pháp giảng dạy. Kết quả khảo sát cho thấy đội ngũ GV của Khoa đáp ứng tốt với nhu cầu đào tạo [H6.06.01.22].

## *2. Điểm mạnh*

Việc quan tâm phát triển đội ngũ GV của Nhà trường và Khoa trong thời gian qua là xây dựng đội ngũ cán bộ có tính kế thừa, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy và quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn khác. Kế hoạch tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng đúng quy định nên Khoa Hóa đã xây dựng được một đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, mạnh về năng lực và sẵn sàng thực hiện các hoạt động giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Ngoài tham gia giảng dạy tại Trường, một số GV còn tham gia hợp tác nghiên cứu tại các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

## *3. Điểm tồn tại*

Công tác quy hoạch đội ngũ chưa được thực hiện thường xuyên, Cán bộ GV trẻ của Khoa Hóa chiếm 50%, kinh nghiệm giảng dạy còn hạn chế, nhiều GV còn đang thời gian học sau đại học nên chưa tập trung nhiều vào công tác giảng dạy, NCKH và

các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Chưa có những chính sách ưu đãi, thu hút, giữ chân những người tài, những cán bộ GV được đào tạo chính quy tại các trường đại học lớn, uy tín trên thế giới.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, định kỳ hằng năm, Khoa thực hiện việc rà soát, quy hoạch đội ngũ GV, quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ GV trẻ kế cận của Khoa Hóa được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đủ năng lực và trình độ, đảm bảo chất lượng trong công tác giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Ngoài ra, Nhà trường, Khoa có các chính sách ưu đãi để giữ chân, thu hút những cán bộ GV có trình độ chuyên môn cao tốt nghiệp từ các trường đại học uy tín trên thế giới.

#### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

***Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng***

##### *1. Mô tả*

Thực hiện công tác 3 công khai đối với toàn xã hội theo quy định của Bộ GD&ĐT, hằng năm, Nhà trường công bố tổng số GV cơ hữu và tổng số SV để các đơn vị chức năng và toàn xã hội giám sát **[H6.06.02.01]**.

Tổng số GV cơ hữu của Khoa hiện nay là 56 trong đó có 08 PGS, 18 TS, 10 ThS, 18 NCS trong và ngoài nước. Khoa Hóa là một trong những khoa có lực lượng GV, nghiên cứu hùng hậu của Nhà trường **[H6.06.02.01]**. Số lượng GV quy đổi của ngành Sư phạm Hóa học hiện nay là 96,6 người. Số lượng người học chính quy ngành Sư phạm Hóa học năm học 2017 - 2018 là 247 SV. Như vậy, tỉ lệ SV/GV của ngành Sư phạm Hóa học là 2,6/1, tỉ lệ này rất thấp so với chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT về tiêu chí tỉ lệ số SV chính quy tính trên một GV quy đổi (tỉ lệ sau quy đổi của khối ngành I là 20/1) **[H6.06.02.02]**.

Vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới thông qua Bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và

có sự đánh giá của Trưởng bộ môn, Lãnh đạo Khoa. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, bộ môn đánh giá, Lãnh đạo Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua **[H6.06.02.03]**. Bên cạnh đó, công tác lấy YKPH từ người học về hoạt động giảng dạy của GV hằng năm cũng là một kênh thông tin để GV tham khảo nhằm phát huy và điều chỉnh công tác giảng dạy **[H6.06.02.04]**. Việc làm thường niên này không chỉ giúp từng GV đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ mà còn giúp các cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong Khoa, từ đó có định hướng chiến lược thích hợp.

Thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV được thực hiện theo Thông tư Quy định chế độ làm việc đối với GV của Bộ GD&ĐT, Quyết định về việc ban hành Quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN **[H6.06.02.05]**. Việc thực hiện công tác giảng dạy và NCKH của GV có sự giám sát chặt chẽ của Bộ môn, Khoa và các phòng chức năng của Trường **[H6.06.02.06]**, GV thực hiện không đủ khối lượng giờ dạy bị trừ phụ cấp ưu đãi, không thực hiện NCKH bị trừ giờ chuẩn theo quy định của Trường **[H6.06.02.05]**. GV Khoa Hóa tích cực tham gia hoạt động NCKH và hằng năm công bố nhiều công trình trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín trên thế giới, đóng góp đáng kể trong công tác đào tạo và nhu cầu xã hội **[H6.06.02.07]**, **[H6.06.02.08]**, **[H6.06.02.09]**, **[H6.06.02.10]**. Đây cũng là một thước đo quan trọng trong việc đánh giá năng lực NCKH của GV trong Khoa.

## *2. Điểm mạnh*

Tỉ lệ người học/GV và khối lượng công việc của từng GV trong Khoa được xác định rõ ràng và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường, góp phần để đảm bảo và nâng cao CLĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV ngành Sư phạm Hóa học, các học viên cao học chuyên ngành Hóa lí và Hóa lí thuyết, Hóa vô cơ; và NCS chuyên ngành Hóa lí và Hóa lí thuyết. Hơn nữa, đội ngũ GV của Khoa còn đảm nhận việc giảng dạy cho SV thuộc các ngành khác của Trường ĐHQN (Khoa Sinh-Kỹ thuật nông nghiệp, Khoa Vật lý, Khoa Kỹ thuật & Công nghệ, ...) và các lớp vừa làm vừa học ở các tỉnh Quảng Ngãi,

Kon Tum. Đội ngũ GV của Khoa đạt trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm nhiều năm trong nghề.

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH. Trên cơ sở đó, hằng năm các cán bộ GV đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy tối thiểu và hoàn thành số giờ định mức về NCKH theo quy định.

### *3. Điểm tồn tại*

GV thực hiện nhiều đề tài NCKH nhưng đa số là đề tài nghiên cứu cơ bản, tính ứng dụng vào thực tiễn, vào cộng đồng chưa cao.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, GV ngoài việc giảng dạy đào tạo sẽ tích cực tham gia NCKH với các đề tài mang tính ứng dụng cao, hướng đến mục tiêu phục vụ cộng đồng và phục vụ xã hội, đặc biệt ưu tiên cho các tỉnh khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

***Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai***

#### *1. Mô tả*

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ. Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2 - Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3 - Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4 - Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5 - Lý lịch bản thân rõ ràng [H6.06.03.01]. Ứng viên phải trải qua phần thi giảng và trả lời phỏng vấn trực tiếp của Hội đồng tuyển dụng. Kết quả thi tuyển được thông báo công khai trên website của Nhà trường và niêm yết trên bản tin của Phòng Tổ chức - Cán bộ [H6.06.03.02]. Sau khi trúng tuyển, các GV đều phải thực hiện biên soạn đề cương bài

giảng, thông qua bài giảng của Bộ môn và giảng thử tại Bộ môn rồi mới được lên lớp chính thức. Trong 1 năm thử việc, Nhà trường và Lãnh đạo Khoa sẽ cử một GV hướng dẫn trực tiếp cho GV mới được tuyển dụng [H6.06.03.01], [H6.06.03.02], [H6.06.03.03]. Trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GV Chính, GV Cao cấp, PGS, GS) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH [H6.06.03.04], [H6.06.03.05], [H6.06.03.06]. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm Lãnh đạo Khoa tuân theo các quy định đã được ban hành của Nhà trường và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý của Nhà trường [H6.06.03.07].

## *2. Điểm mạnh*

Khoa tuyển được đội ngũ GV đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, trình độ ngoại ngữ, tin học, khả năng NCKH và nghiệp vụ sư phạm. Nhiều GV được tuyển dụng làm việc tại Khoa được đào tạo ở các trường đại học có uy tín của nước ngoài (Bỉ, Thụy Sĩ, Hà Lan, Pháp, Hàn Quốc, ...). Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong NCKH và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, đạo đức nhà giáo.

## *3. Điểm tồn tại*

Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm có yêu cầu rất cao nhưng chế độ ưu đãi, điều kiện làm việc chưa thật sự tốt nên chưa thu hút được nguồn giảng có trình độ cao về giảng dạy tại khoa. Đồng thời một số tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển chưa được phổ biến công khai.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, công khai các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để công tác bổ nhiệm, điều chuyển được minh bạch. Cần đề xuất nhà trường cơ chế đặc biệt để thu hút nguồn GV có trình độ cao và có năng lực trong NCKH.

## *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

## ***Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá***

### ***1. Mô tả***

Hoạt động đánh giá năng lực giảng dạy của GV là việc làm có ý nghĩa rất quan trọng. Hoạt động này được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc và chất lượng sẽ góp phần nâng cao năng lực và sức sáng tạo trong giảng dạy và NCKH của GV.

GV là nguồn lực rất quan trọng trong việc nâng cao CLĐT. Trong định hướng phát triển của Khoa, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Mặc dù, ứng viên được tuyển làm GV của Trường ĐHQN nói chung và tại Khoa Hóa nói riêng đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và nghiệp vụ sư phạm, nhưng sau khi trúng tuyển, họ đều được cử đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm do Nhà trường tổ chức [H6.06.04.01]. Đội ngũ GV cũng rất tích cực tham gia NCKH và có nhiều công trình chất lượng [H6.06.04.02], [H6.06.04.03]. Như vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc.

Nhà trường có quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của GV, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV [H6.06.04.04]. Trên cơ sở đó, và cuối mỗi năm học, các GV đều thông kê bài báo, đề tài NCKN đã thực hiện và việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh nhiệm vụ được giao quy trình đánh giá [H6.06.04.05], [H6.06.04.06]. Hằng năm, Nhà trường đều triển khai tổng kết năm học nhằm đánh giá, xếp loại viên chức theo quy định. GV tự đánh giá năng lực giảng dạy và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao... Sau đó, Bộ môn và Lãnh đạo Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua [H6.06.04.07], [H6.06.04.08]. Công tác bình xét thi đua – khen thưởng hằng năm giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, giúp cho các cấp quản lý ghi nhận thành tích đóng góp của cán bộ và có tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu trong toàn Khoa, từ đó có định hướng chiến lược phát triển phù hợp [H6.06.04.09], [H6.06.04.10], [H6.06.04.11]. Ngoài ra, GV cơ hữu của Khoa phải thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá, theo 4 tiêu chí đánh giá: nhiệm vụ giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ quản lý đào tạo, quản lý NCKH công nghệ và nhiệm vụ học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Dữ liệu GV tự đánh giá sẽ làm căn cứ để điều chỉnh các chính sách, xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ đào tạo của Khoa. Như vậy, năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

## *2. Điểm mạnh*

Tỉ lệ GV của Khoa có học hàm và học vị cao, đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nhiều GV được tuyển dụng làm việc tại Khoa được đào tạo hoặc hợp tác nghiên cứu ở các trường Đại học có uy tín của nước ngoài (Bỉ, Thụy Sĩ, Hà Lan, Pháp, Hàn Quốc, ...) nên có trình độ tiếng Anh tốt có thể đáp ứng yêu cầu giảng dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh.

## *3. Điểm tồn tại*

Trình độ tiếng Anh của một số GV chưa đạt trình độ giao tiếp và hợp tác quốc tế, nên sẽ gặp khó khăn khi giảng dạy môn chuyên ngành bằng tiếng anh và hợp tác quốc tế.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Trường ĐHQN hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và đánh giá năng lực GV theo Đề án vị trí việc làm. Thông tin chi tiết hơn về tiêu chí và phương pháp đánh giá để tất cả các GV đều biết và tham gia.

## *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 4/7.

***Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

### *1. Mô tả*

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên được Trường ĐHQN xác định rõ, thể hiện qua: Đề án nâng cao CLĐT và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT giai đoạn 2015 - 2020 [H6.06.05.01]; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và



làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2020 [H6.06.05.02]; Thông báo công khai thông tin về đội ngũ GV cơ hữu của Trường ĐHQN, năm học 2015 – 2020 [H6.06.05.03]; Thống kê trình độ ngoại ngữ của đội ngũ Cán bộ quản lý và GV [H6.06.05.04], trình độ tin học của đội ngũ CBQL và GV [H6.06.05.05], số lượng cán bộ GV học cao học và NCS của Khoa Hóa giai đoạn 2011 – 2018 [H6.06.05.06]. Đồng thời, Khoa Hóa cũng đã tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV, chuyên viên, lập kế hoạch phát triển đội ngũ GV cụ thể theo nhu cầu thực tế [H6.06.05.07]. Nhà trường cũng chú trọng lấy YKPH của người học về hoạt động giảng dạy để rút kinh nghiệm trong quá trình đào tạo SV [H6.06.05.08], [H6.06.05.09].

Trường ĐHQN đã triển khai nhiều hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên. Hằng năm, Nhà trường đều triển khai các thông báo về chương trình tuyển sinh đào tạo trong nước và nước ngoài của Bộ GD&ĐT đến tất cả các đơn vị trong Trường và Khoa đã phổ biến đến toàn thể GV của Khoa. Các GV có nhu cầu học tập, nghiên cứu nếu đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tuyển sinh đều được Khoa và Nhà trường khuyến khích, tạo điều kiện và cử đi đào tạo. Nhiều GV được đào tạo ngắn hạn và dài hạn trong nước và tại các nước phát triển trong khuôn khổ hợp tác quốc tế [H6.06.05.10], tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm [H6.06.05.11], tham gia học nâng cao trình độ từ đại học lên thạc sĩ, tiến sĩ [H6.06.05.12], [H6.06.05.13]. Nhiều GV tham gia các lớp bồi dưỡng cho cán bộ viên chức tại Trường, tham gia hội nghị, hội thảo ở trong và ngoài nước do Nhà trường hỗ trợ kinh phí hằng năm và được cử đi hợp tác NCKH [H6.06.05.14], [H6.06.05.15], [H6.06.05.16]. Đồng thời, Nhà trường cũng đã tổ chức các Hội nghị, hội thảo cấp Quốc gia về các lĩnh vực liên quan đến khoa học hóa học [H6.06.05.17].

Việc tuyển GV của Trường được thực hiện theo nhu cầu nguồn nhân lực thực tế và được thực hiện công khai, minh bạch nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao về công tác tại trường [H6.06.05.18]. Đồng thời, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên, Nhà trường đã có những chính sách đãi ngộ cụ thể quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và Quy định thời gian làm việc, giờ chuẩn của GV [H6.06.05.19].

## *2. Điểm mạnh*

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên được

Trường ĐHQN đã được xác định rõ và đã triển khai nhiều hoạt động để đáp ứng nhu cầu đó. Nhà trường có chế độ đãi ngộ cụ thể về kinh phí và thời gian để khuyến khích GV, chuyên viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Nhà trường tăng cường quản lý thời khóa biểu lên lớp của giảng viên, thời gian học của sinh viên nhằm đảm bảo GV dạy đúng giờ, đủ giờ, qua đó nâng cao chất lượng chuyên môn và sự nghiêm túc trong hoạt động dạy học. Nhà trường khuyến khích các Khoa duy trì dự giờ dạy để góp ý chuyên môn lẫn nhau.

Nhà trường lên kế hoạch đăng ký seminar bộ môn cho GV từ đầu năm và có tính giờ nghiên cứu khoa học cho hoạt động này. Thông qua các hoạt động này, Nhà trường từng bước phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.

### *3. Điểm tồn tại*

Có nhiều chương trình hợp tác đào tạo, NCKH với các trường đại học ở nước ngoài tuy nhiên trình độ ngoại ngữ của GV còn hạn chế nên chưa đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển sinh nên số lượng GV đi học tập, NC ở nước ngoài còn ít. Việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV, chuyên viên chưa được phân tích đầy đủ toàn diện.

Mức hỗ trợ kinh phí cho GV học ngoại ngữ, học tập nâng cao chuyên môn, tham dự các hội nghị hội thảo, nghiên cứu khoa học,... còn hạn chế do nguồn kinh phí phúc lợi của Nhà trường không nhiều, dẫn đến GV khi đi học nâng cao nghiệp vụ còn gặp nhiều khó khăn. Việc bố trí thời gian tổ chức một số khóa đào tạo, khóa học ngoại ngữ chưa phù hợp. Một số khóa đào tạo theo nhu cầu của GV đưa ra còn chưa được triển khai.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Hóa sẽ thường xuyên khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên, đồng thời có kế hoạch cụ thể để triển khai định kỳ hằng năm. Có cơ chế chính sách tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, công việc được giao để GV, chuyên viên có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về ngoại ngữ và nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời, Khoa sẽ tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV, chuyên viên đầy đủ và toàn diện. Nhà trường sẽ thay đổi hình thức tổ chức một số khóa đào tạo, các khóa học ngoại ngữ chưa đáp ứng được nhu cầu và mong đợi của một số GV về thời gian giảng dạy.

## 5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

***Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

### 1. Mô tả

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên được Trường ĐHQN triển khai sâu rộng để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã có những quy định cụ thể về khối lượng công việc cho từng cho đối tượng cán bộ (GV, chuyên viên). Đối với GV phải đảm bảo giờ chuẩn theo quy định, bao gồm: số giờ chuẩn giảng dạy và NCKH trong một năm học [H6.06.06.01], [H6.06.06.02], [H6.06.06.03]. Trên cơ sở đó, định kỳ hằng năm Khoa tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo hướng dẫn và các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Các hoạt động thi đua, khen thưởng (bằng khen, giấy khen, tiền mặt,...) được tổ chức nghiêm túc và đạt hiệu quả, thể hiện qua Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN [H6.06.06.04]; Các Quyết định về công nhận, khen thưởng các danh hiệu thi đua của cán bộ quản lý hằng năm [H6.06.06.05]; Các Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng [H6.06.06.06]; Kết quả xếp loại viên chức hằng năm [H6.06.06.07].

Nhiều GV của Khoa là chủ nhiệm các đề tài NCKH trọng điểm cấp Nhà nước, cấp Bộ, Ngành được nghiệm thu và đánh giá tốt đem lại hiệu quả kinh tế cao [H6.06.06.07].

Để đẩy mạnh công tác NCKH, Nhà trường đã có Quy định khen thưởng đối với các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế [H6.06.06.08]. Các bài báo và các đề tài sau khi nghiệm thu được quy đổi điểm cho GV là chủ nhiệm đề tài, thành viên tham gia nghiên cứu làm cơ sở bình xét thi đua. Trong những năm gần đây, nhiều GV được khen thưởng về thành tích NCKH. Nhiều công trình, bài báo của GV trong Khoa được xuất bản trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế có chỉ số trích dẫn cao [H6.06.06.09], [H6.06.06.10], [H6.06.06.11], [H6.06.06.12], [H6.06.06.13], [H6.06.06.14].

Nhà trường cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho GV là chủ nhiệm đề tài/dự án, thành viên tham gia nghiên cứu trong việc triển khai các hoạt động trong khuôn khổ đề tài/dự án để tạo động lực hỗ trợ các hoạt động phục vụ cộng đồng như Dự án triển khai ở Khu Thực nghiệm Nhơn Tân, một số vùng nuôi tôm ở Bình Định **[H6.06.06.15]**.

Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác, luôn nhận được những danh hiệu xứng đáng: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng,... Mức độ hoàn thành công việc sẽ là căn cứ bình xét thi đua – khen thưởng cấp Trường và các cấp cao hơn. Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn **[H6.06.02.16]**.

Ngoài ra, căn cứ trên kết quả bình xét thi đua – khen thưởng định kỳ hàng năm, Nhà trường sẽ tổ chức họp bình xét, xếp loại lao động đối với cán bộ viên chức. Kết quả xếp loại lao động của cán bộ sẽ là cơ sở để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ theo từng quý. Thu nhập tăng thêm sẽ là nguồn động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao **[H6.06.06.17]**.

### *2. Điểm mạnh*

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên được Trường ĐHQN triển khai sâu rộng để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhiều GV đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen cấp Tỉnh, được khen thưởng về thành tích NCKH, được nâng lương trước hạn.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên về NCKH chưa được định lượng. Do vậy, việc khen thưởng chưa có sự khác biệt đối với GV là tác giả chính, tác giả liên hệ của các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế.

Có GV chưa thật sự hài lòng với chế độ chính sách hỗ trợ của Nhà trường cho các công trình NCKH, bài báo đăng tải trên các tạp chí quốc tế, nên số lượng bài công bố còn hạn chế so với các trường đại học khác.

Nhà trường chưa có chế độ đãi ngộ đối với các GV có dư giờ NCKH so với quy định, dẫn đến GV thiếu động lực cho công tác NCKH.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Nhà trường tiếp tục thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Thực hiện các chính sách khen thưởng kịp thời, đúng đối tượng, công bằng và công khai.

Nhà trường định lượng cụ thể hơn việc quản trị kết quả công việc của GV về việc khen thưởng các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế và có chính sách thỏa đáng cho những công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế để khuyến khích GV nghiên cứu.

#### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

### ***Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

#### *1. Mô tả*

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được xác lập rõ ràng nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao CLĐT và hợp tác quốc tế. NCKH đã trở thành hoạt động vô cùng quan trọng đối với đội ngũ GV trong Khoa. Trong bảng kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia thực hiện đề tài/dự án các cấp; hướng dẫn SV làm NCKH, đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hướng dẫn cao học làm luận văn thạc sĩ và NCS làm luận án tiến sĩ) đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định. Kết thúc năm học, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá nhằm đảm bảo về chất lượng và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV. Điều này thể hiện qua các tài liệu quy định về việc tuyển chọn, thực hiện đề tài NCKH các cấp [H6.06.07.01]; Quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN [H6.06.07.02]; Thống kê các đề tài NCKH của đội ngũ chuyên viên [H6.06.07.03]; Thống kê và các báo cáo sáng kiến kinh nghiệm của đội ngũ chuyên viên [H6.06.07.04]; Thống kê số lượng đề tài NCKH các cấp đã thực hiện giai đoạn 2014-2018 [H6.06.07.05]; Thống kê công bố trong nước 2014-2018 [H6.06.07.06]; Thống kê công bố quốc tế 2014-2018 [H6.06.07.07]. Để từ đó tiến hành đánh giá, phân loại công chức, viên chức định kỳ hằng năm [H6.06.07.08].

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi

Hội đồng khoa, Hội đồng khoa học và đào tạo trường, Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia [H6.06.07.09], [H6.06.07.10]. Các công trình nghiên cứu của các GV trong Khoa được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng [H6.06.07.06], [H6.06.07.07]. Khoa Hóa và Nhà trường luôn khuyến khích cán bộ GV phối hợp, liên kết thực hiện NCKH với các GV từ các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước để nâng cao trình độ NCKH và giảng dạy để phục vụ cho công tác đào tạo tại Khoa [H6.06.07.11].

### *2. Điểm mạnh*

Đội ngũ GV Khoa Hóa tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp nhà nước, xuất bản các bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế, xuất bản sách chuyên khảo. Các bài báo của đội ngũ GV được đăng tải trong các tạp chí chuyên ngành, hội thảo trong nước và quốc tế (trong đó có các tạp chí thuộc danh mục SCI, SCIE và scopus), có chất lượng cao.

### *3. Điểm tồn tại*

Số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài còn chưa nhiều. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các Khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú.

### *4. Kế hoạch hành động*

Khoa Hóa sẽ tiếp tục thực hiện nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp nhà nước, xuất bản các bài báo khoa học trong các hội thảo trong nước và quốc tế, xuất bản sách chuyên khảo, đặc biệt là công bố kết quả NCKH trên các tạp chí quốc tế có chất lượng cao.

Khoa Hóa sẽ kết nối sự hợp tác giữa các GV của Khoa với các đối tác nước ngoài và ưu tiên đề xuất với Nhà trường những công trình nghiên cứu có tính liên ngành và ứng dụng của GV.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 6/7.

## ***Kết luận về Tiêu chuẩn 6***

Trường ĐHQN đã hoàn thành tốt việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) qua đó đáp ứng

yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát thường xuyên làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, chuyên viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ GV, chuyên viên được đánh giá một cách chính xác, khách quan. Thêm nữa, những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên được Trường ĐHQN xác định rõ bằng các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng, nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và chuyên viên đã được trường xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

**Tiêu chuẩn 6 có 1 tiêu chí đạt mức 4/7, có 5 tiêu chí đạt mức 5/7 và 1 tiêu chí đạt mức 6/7.**

## **Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên**

### ***Mở đầu***

Trong trường đại học, bên cạnh đội ngũ GV, một bộ phận khác đóng vai trò quan trọng không thể thiếu đó là đội ngũ nhân viên, những người làm công tác tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đội ngũ nhân viên có nhiệm vụ hỗ trợ, cùng với đội ngũ GV hoàn thành nhiệm vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác. Do vậy, Trường ĐHQN và Khoa Hóa rất coi trọng công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên. Để tuyển dụng và sử dụng đội ngũ nhân viên một cách có hiệu quả, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm được xác định và phổ biến công khai. Bên cạnh việc chú trọng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, công tác kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên và các dịch vụ hỗ trợ cũng được triển khai nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ.

***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

#### ***1. Mô tả***

Trên cơ sở phân tích dự báo nhu cầu và đánh giá về thực trạng nhân sự, Nhà trường xác định mục tiêu và chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01], từ đó thực hiện việc quy hoạch đội ngũ này dựa trên chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng thể hiện qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN [H7.07.01.02]. Bên cạnh đó, Trường cũng có các chính sách đãi ngộ, thu hút đội ngũ nhân viên được xác định thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ như: thu nhập tăng thêm; hỗ trợ tiền phục vụ đào tạo; chế độ tham quan, du lịch trong và ngoài nước; học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; ... [H7.07.01.03].

Đội ngũ nhân viên của Trung tâm TTTL được quy hoạch trên cơ sở Đề án đổi mới hoạt động Trung tâm TTTL theo hướng hiện đại [H7.07.01.04]. Hiện nay, Thư viện có 15 viên chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ



đáp ứng tốt yêu cầu khai thác tài liệu, sách, báo, giáo trình phục vụ công tác đào tạo, NCKH của CB, GV, HV và SV trong toàn trường nói chung và Khoa Hóa nói riêng [H7.07.01.05], [H7.07.01.06]. Bên cạnh việc phục vụ yêu cầu cho công tác đào tạo và NCKH, đội ngũ nhân viên của Thư viện còn tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: Ngày Hội sách (dành cho bạn đọc trên địa bàn tỉnh Bình Định),... [H7.07.01.07].

Khoa Hóa hiện có 21 phòng TN-TH, được giao cho một số GV và chuyên viên có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên quản lý nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH của cán bộ, GV và SV Khoa Hóa [H7.07.01.08].

Ngoài ra, Khoa Hóa có đội ngũ nhân viên hỗ trợ gồm 01 thư ký và 01 trợ lý giáo vụ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, giúp giải quyết kịp thời các vấn đề về giảng dạy, học tập cho GV và người học như: quản lý điểm thi; đăng ký học; xét học bổng, ngừng học, thôi học, cảnh cáo học vụ, xét tốt nghiệp, phát giấy chứng nhận kết quả học tập; quản lý công tác NCKH SV; đánh giá điểm rèn luyện SV, giải đáp thắc mắc của SV,... [H7.07.01.09].

Bên cạnh đó, nhằm đáp ứng mục tiêu đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông với đội ngũ nhân viên của Trung tâm có trình độ từ đại học trở lên đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, hỗ trợ và phát triển hệ thống công nghệ thông tin, truyền thông theo xu hướng hiện đại [H7.07.01.10], [H7.07.01.11].

Căn cứ các dự báo về nhu cầu phát triển, bên cạnh việc đảm bảo đủ số lượng, Nhà trường còn chú trọng việc bồi dưỡng, phát triển năng lực công tác cho đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng chức năng trong Trường [H7.07.01.12], [H7.07.01.13]. Kết quả khảo sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên định kỳ cho thấy người học hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ nhân viên của Nhà trường trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.14].

## *2. Điểm mạnh*

Hầu hết đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

### *3. Điểm tồn tại*

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ.

Việc lấy YKPH của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường rà soát lại đề án vị trí việc làm và trên cơ sở đó thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ nhân viên hợp lý hơn.

Thường xuyên khảo sát YKPH của các bên liên quan về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên theo Quy định nhằm có những biện pháp cải tiến kịp thời, hiệu quả.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 4/7.

## ***Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai***

### *1. Mô tả*

Nhà trường và Khoa Hóa rất chú trọng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN và Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN [H7.07.02.01]. Các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học theo quy định. Mặt khác, việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào các vị trí Trưởng/Phó các đơn vị cũng cần đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ, năng lực và kinh nghiệm công tác,... Các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi trước khi chính thức ban hành và phổ biến trên website của Nhà trường [H7.07.02.02].

Hàng năm, trên cơ sở chiến lược phát triển nhân sự của Nhà trường, xét nhu cầu

tuyển dụng đội ngũ nhân viên của các Phòng, Khoa, Viện, Trung tâm [H7.07.02.03], Nhà trường xây dựng và thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng đội ngũ này với các chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, cụ thể và minh bạch trên trang thông tin điện tử, cũng như bảng tin của Nhà trường và Khoa [H7.07.02.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường thành lập các Hội đồng tuyển dụng viên chức để đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng. Kết quả tuyển dụng được Nhà trường công bố công khai, rõ ràng và minh bạch [H7.07.02.05], [H7.07.02.06].

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai. Kế hoạch, thông báo và kết quả tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch.

### *3. Điểm tồn tại*

Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng và sử dụng đội ngũ này hợp lý hơn.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm 2020 - 2021, Nhà trường chú trọng việc thực hiện khảo sát nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 4/7.

## ***Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá***

### *1. Mô tả*

Hằng năm, căn cứ Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHQN và các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc đánh giá, xếp loại viên chức, các đơn vị trong Trường tổ chức thực hiện việc xác định và đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên trong đơn vị theo quy trình, phương pháp và các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, cụ thể [H7.07.03.01], [H7.07.03.02]. Trong mỗi năm học, trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể được lãnh đạo đơn vị phân công và cá nhân đăng ký, việc đánh giá năng lực của nhân viên được thực hiện theo các bước: nhân viên tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá và ban lãnh đạo Khoa hoặc Phòng ban đánh giá [H7.07.03.03]. Ngoài ra, trong quá trình đánh

giá năng lực của đội ngũ nhân viên còn được đơn vị xem xét thông qua kết quả khảo sát sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ, phục vụ đào tạo. Bên cạnh đó, YKPH của người học là cơ sở để các đơn vị và đội ngũ nhân viên có những biện pháp cải tiến thiết thực, nâng cao hiệu quả công tác nhằm phục vụ các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng tốt hơn [H7.07.03.04]. Kết quả đánh giá viên chức các đơn vị được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường tổ chức họp bình xét và thông qua [H7.07.03.05].

Hiện nay Khoa Hóa có 01 chuyên viên phòng TN-TH và 02 chuyên viên hỗ trợ, phục vụ đào tạo: 01 thư ký và 01 trợ lý, đều có trình độ từ đại học trở lên. Trong 5 năm qua, đội ngũ nhân viên của Khoa Hóa hằng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, hoàn thành tốt nhiệm vụ của Khoa Hóa và Nhà trường giao cho [H7.07.03.06].

## *2. Điểm mạnh*

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên của Trường nói chung và của Khoa Hóa nói riêng được thực hiện thường xuyên hằng năm.

Các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể. Kết quả đánh giá đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

## *3. Điểm tồn tại*

Tuy hằng năm Nhà trường có đánh giá, xếp loại viên chức, có xét tặng các danh hiệu thi đua nghiêm túc nhưng vẫn chưa phát huy hết năng lực của đội ngũ nhân viên. Nguyên nhân việc này do Nhà trường chỉ thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng nhưng vấn đề phê bình và tự phê bình chưa được thực hiện thường xuyên. Chẳng hạn chưa có những khảo sát thường xuyên về sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên và chưa được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc đánh giá, phân loại nhân viên.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực của viên chức chi tiết hơn để công tác đánh giá, xét thi đua khen thưởng đạt kết quả cao hơn, phù hợp với từng đối tượng, đồng thời có tác dụng động viên, khuyến khích đội ngũ này hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

## *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

***Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

***1. Mô tả***

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động rất quan trọng trong duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên. Vì vậy công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được Nhà trường và Khoa xác định và có kế hoạch thực hiện nghiêm túc. Thông qua việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức hành chính của các đơn vị, Nhà trường đã triển khai các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu của đội ngũ nhân viên [H7.07.04.01], [H7.07.04.02].

Trong 5 năm qua, các viên chức của Nhà trường nói chung và Khoa Hóa nói riêng thường xuyên được Nhà trường và Khoa cử tham gia các đợt học tập, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ tại các tỉnh, thành phố như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng... đồng thời một số lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ được mở trực tiếp tại Trường ĐHQN tạo điều kiện thuận lợi để viên chức của Nhà trường được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, từ đó nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác [H7.07.04.03].

Giai đoạn 2014-2019, Nhà trường có phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên [H7.07.04.04], có các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H7.07.04.05]. Điều này góp phần thúc đẩy, tạo động lực học tập cho đội ngũ nhân viên, từ đó nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

***2. Điểm mạnh***

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên các đơn vị trong Trường được xác định.

Nhà trường có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng

chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

### *3. Điểm tồn tại*

Tuy Nhà trường đã tổ chức nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên nhưng các hoạt động này chưa phong phú và thường xuyên.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Hóa tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Khoa và đề nghị Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo và NCKH của Khoa và của Trường.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

***Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

#### *1. Mô tả*

Chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ nhân sự nói chung, của viên chức hành chính nói riêng đóng vai trò rất quan trọng đối với CLĐT và sự phát triển của Nhà trường. Nhằm đảm bảo và góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của đội ngũ viên chức, Nhà trường có Quy định về công tác thi đua, khen thưởng, trong đó xác định các nguyên tắc bình xét thi đua, khen thưởng; nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân cũng như các tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn riêng đối với từng Danh hiệu thi đua của cá nhân như: Danh hiệu Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc,... [H7.07.05.01].

Hằng năm, dựa trên khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên đã được xác định và phân công phù hợp, Trưởng khoa chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc cụ thể của từng nhân viên theo kế hoạch công tác [H7.07.05.02]. Trên cơ sở đó, hằng tháng Khoa tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác và báo cáo Nhà trường bằng văn bản hoặc qua các cuộc họp giao ban [H7.07.05.03].

Bên cạnh đó, cuối mỗi năm học, căn cứ các Quy định về công tác thi đua, khen thưởng; các văn bản hướng dẫn, triển khai việc bình xét các danh hiệu thi đua, khen

thưởng của Nhà trường, mỗi nhân viên thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, sau đó Khoa tổ chức họp lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp và của cấp trên đối với từng viên chức; thống nhất kết quả đánh giá và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng đối với từng cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Kết quả này được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường họp xét duyệt và thông qua [H7.07.05.04], [H7.07.05.05], [H7.07.05.06].

Ngoài việc công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng, Nhà trường còn có quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với các nhân viên đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, các viên chức được nhận bằng khen cấp Bộ, cấp Tỉnh,... nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ nhân viên phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H7.07.05.07].

Nhằm đạt được sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ viên chức trong Nhà trường về các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác, trước khi ban hành các văn bản quy định chính thức, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý của toàn thể viên chức trong toàn trường cho các bản Dự thảo quy định hoặc tiếp thu ý kiến của các cán bộ viên chức về công tác thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn trong quá trình thực hiện thông qua các Hội nghị Công chức – Viên chức hằng năm hoặc các kiến nghị từ Công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp [H7.07.05.08], [H7.07.05.09].

## *2. Điểm mạnh*

Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng và công khai, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên chưa thực sự hiệu quả.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc theo từng vị trí việc làm (KPIs) để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

## 5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí: Chưa đạt, mức 3/7.

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 7***

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN và của Khoa Hóa đảm bảo về chất và lượng, được tuyển dụng đúng quy trình của Nhà trường, được công bố công khai. Trường ĐH Quy Nhơn và Khoa Hóa có cơ chế tạo điều kiện và khuyến khích đội ngũ nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng và nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa Hóa hiện nay đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Khoa và Trường. Trong năm học tới, Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

**Tiêu chuẩn 7 có 2 tiêu chí đạt mức 4/7, 2 tiêu chí đạt mức 5/7 và 1 tiêu chí chỉ đạt mức 3/7.**



## **Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

### ***Mở đầu***

Trong 5 năm qua, Nhà Trường và Khoa Hóa đã xây dựng một chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai; phương pháp xét tuyển được công bố công khai và được đánh giá; hệ thống giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học minh bạch; các hoạt động hỗ trợ người học như hoạt động tư vấn, hoạt động ngoại khóa, hoạt động dịch vụ,... luôn được chú trọng và thực hiện một cách kịp thời và thường xuyên; môi trường tâm lý, xã hội theo hướng tích cực; cảnh quan Nhà trường xanh, sạch, đẹp tạo nên sự thoải mái cho người học. Điều này đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành Sư phạm Hóa học nói riêng và các ngành đào tạo của Nhà trường nói chung.

### ***Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật***

#### ***1. Mô tả***

SV ngành Sư phạm Hóa học Trường ĐHQN được tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và kế hoạch tuyển sinh của Trường ĐHQN. Hằng năm, Nhà trường đều ban hành các quy định về chính sách tuyển sinh rất rõ ràng, đầy đủ, chi tiết và thường xuyên được cập nhật trong đề án tuyển sinh [H8.08.01.01]. Thông tin về tuyển sinh được cập nhật và công bố trên website của Nhà trường, của Khoa, tại các bảng tin, brochure của Trường và Khoa [H8.08.01.02], [H8.08.01.03]. Nhà trường đã thành lập Ban tư vấn tuyển sinh đại học hệ chính quy và lập kế hoạch tư vấn để giới thiệu cho học sinh trong các buổi tư vấn tuyển sinh tổ chức tại Trường ĐHQN và các trường THPT ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên [H8.08.01.04], [H8.08.01.05]. Nhà trường cũng có những thông báo về việc hướng dẫn xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển vào hệ đại học hệ chính quy [H8.08.01.06]. Chính sách tuyển sinh được xây dựng theo đúng các quy định hiện hành có sự góp ý của các GV dựa trên nhu cầu nhân lực thực tế [H8.08.01.07], [H8.08.01.08].

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 5 năm qua, ngành Sư phạm Hóa học của Khoa Hóa đã có số lượng thí sinh được tuyển và số lượng SV theo học được thể hiện trong Bảng 8.1.1 và Bảng 8.1.2.

**Bảng 8.1.1. Thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất**

| Năm học   | Ứng viên                  |                                   |                     |
|-----------|---------------------------|-----------------------------------|---------------------|
|           | Số lượng nộp đơn dự tuyển | Số lượng được chấp nhận thi tuyển | Số lượng được tuyển |
| 2015-2016 | 171                       | 92                                | 75                  |
| 2016-2017 | 180                       | 96                                | 76                  |
| 2017-2018 | 172                       | 52                                | 45                  |
| 2018-2019 | 135                       | 40                                | 32                  |

Số liệu ở Bảng 8.1.1 cho thấy sự chênh lệch về số lượng tuyển sinh giữa các năm. Điều này là do chỉ tiêu tuyển sinh các ngành Sư phạm nói chung và ngành Sư phạm Hóa học nói riêng theo chỉ tiêu phân bổ của Bộ GD&ĐT.

Vì vậy, trong 5 năm qua số lượng SV đang theo học chương trình Sư phạm Hóa tại Khoa cũng có sự giảm sút (Bảng 8.1.2).

**Bảng 8.1.2. Thống kê số người đang học chương trình Sư phạm Hóa học**

| Năm học   | Người học    |             |            |            |         |
|-----------|--------------|-------------|------------|------------|---------|
|           | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Năm thứ tư | Tổng số |
| 2014-2015 | 58           | 80          | 65         | 86         | 289     |
| 2015-2016 | 72           | 58          | 80         | 65         | 275     |
| 2016-2017 | 76           | 71          | 58         | 80         | 285     |
| 2017-2018 | 44           | 75          | 70         | 58         | 247     |
| 2018-2019 | 32           | 40          | 71         | 70         | 213     |

### 2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công khai và cập nhật thường xuyên trên các kênh truyền thông của Khoa Hóa và Nhà trường nên học sinh được tiếp cận, nắm bắt đầy đủ thông tin khi đăng ký xét tuyển vào Trường.

### 3. Điểm tồn tại

Số lượng học sinh đăng ký và trúng tuyển ngành Sư phạm Hóa học giảm do quy chế tuyển sinh và sự phân bổ về chỉ tiêu đối với các ngành sư phạm của Bộ GD&ĐT.

Mặc khác, thí sinh khi đăng ký có thể đăng ký nhiều nguyện vọng nhưng khi trúng tuyển có thể không chọn ngành Sư phạm Hóa học.

Hình thức quảng bá tuyển sinh Khoa chưa thu hút được những thí sinh giỏi vào học tại Khoa.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Ban tư vấn tuyển sinh của Khoa thay đổi, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết hơn về chính sách tuyển sinh, về ngành học tạo ra sự hấp dẫn và lôi cuốn đối với các thí sinh; tăng cường công tác quảng bá qua các buổi tư vấn cho học sinh.

Trong các giờ ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề, GV có trách nhiệm giới thiệu chi tiết hơn về ngành học để SV có ấn tượng tốt về ngành đào tạo của Khoa và chính SV sẽ quảng bá hình ảnh Khoa, ngành đào tạo tới học sinh THPT cũng như phụ huynh học sinh.

Lãnh đạo Khoa phối hợp chặt chẽ với ban tuyển sinh của Nhà trường để có chiến lược, cách thức tuyển sinh phù hợp hơn nhằm tuyển đủ chỉ tiêu cho các năm học tiếp theo.

Từ năm học 2019 - 2020, CVHT thông tin đầy đủ hơn về chương trình học tập cho tân SV để tạo ra tâm thế học tập cho SV ngay từ năm thứ nhất.

#### *5. Tự đánh giá:*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 4/7.

### ***Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá***

#### *1. Mô tả*

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Nhà trường và Khoa Hóa xác định rõ ràng trong chính sách tuyển sinh thông qua các đề án tuyển sinh. Từ năm học 2015 - 2016 trở về trước, người học được tuyển chọn theo hình thức cũ, thí sinh được tuyển dựa vào kết quả thi tuyển. Từ năm học 2016 - 2017 đến nay, công tác tuyển sinh được thực hiện theo chính sách tuyển sinh mới của Nhà trường là vừa dựa vào điểm thi THPT Quốc gia vừa dựa vào điểm xét tuyển học bạ. Tuy nhiên đối với các ngành Sư phạm, Nhà trường vẫn tuyển sinh dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia và xét tuyển thẳng đối với học sinh giỏi cấp Quốc gia và cấp Tỉnh **[H8.08.02.01]**, **[H8.08.02.02]**.

Hàng năm, dữ liệu tuyển sinh luôn được lưu trữ để phân tích tình hình tuyển sinh [H8.08.02.03]. Việc thực hiện được Nhà trường dựa trên các quy định về quy trình xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học do Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định [H8.08.02.04].

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường ĐHQN đánh giá, rút kinh nghiệm, bổ sung kịp thời theo từng năm dựa vào ý kiến đóng góp của các GV trong Khoa [H8.08.02.05].

### *2. Điểm mạnh*

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công khai, cập nhật và được đánh giá dựa trên thực tế.

### *3. Điểm tồn tại*

Nhà trường chưa có chính sách phù hợp để thu hút học sinh giỏi Quốc gia vào ngành sư phạm.

Số thí sinh được công nhận trúng tuyển và số thí sinh đăng ký nhập học không khớp với nhau, tỉ lệ thí sinh đăng ký nhập học thấp, chất lượng đầu vào chưa cao.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Ban tư vấn tuyển sinh của Trường và Khoa tiếp tục thông tin chi tiết hơn về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học đến học sinh.

Khoa sẽ phối hợp với Nhà trường đưa ra các hình thức thu hút học sinh giỏi thi vào Khoa với những chính sách hỗ trợ về học bổng và cam kết về vị trí việc làm sau tốt nghiệp.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 4/7.

***Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học***

#### *1. Mô tả*

Trên cơ sở các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT, hệ thống giám sát cấp Trường và cấp Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được trình bày một cách cụ thể, chi tiết trong CTĐT do Trường ĐHQN ban hành và trong ĐCCT của từng học phần [H8.08.03.01], [H8.08.03.02]. Sự chuyên cần trong học tập của người học được theo dõi chặt chẽ qua từng tiết học và

được đánh giá bằng trọng số 10% kết quả học tập của từng học phần. Công tác tổ chức thi và đánh giá kết quả học tập của người học được tiến hành khoa học và nghiêm túc theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN ban hành giúp hình thành thói quen học tập chăm chỉ và trung thực **[H8.08.03.03]**, **[H8.08.03.04]**.

Kết quả rèn luyện của người học được đánh giá thông qua kết quả học tập và các hoạt động phong trào của Đoàn thanh niên và Hội SV và được xếp loại cụ thể trong bảng xếp loại rèn luyện cuối mỗi học kỳ và cũng như cuối khóa học theo đúng quy định hiện hành **[H8.08.03.05]**. Để kịp thời hỗ trợ, nhắc nhở người học trong học tập và rèn luyện, công tác cố vấn được Khoa Hóa phân công thực hiện theo quy định của Nhà trường. Sinh hoạt lớp được thực hiện định kỳ 1 lần/tháng có sự tham dự của CVHT. Bên cạnh đó, để giúp người học biết và điều chỉnh kịp thời thái độ học tập nhằm cải thiện kết quả học tập, Trường ĐHQN, Khoa Hóa kết hợp với CVHT luôn có những cảnh báo kịp thời đến người học sau mỗi đợt thi kết thúc học phần **[H8.08.03.06]**.

Hệ thống giám sát này thường xuyên được cải tiến, bổ sung, cập nhật và đổi mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn thu được thông qua việc khảo sát nhà sử dụng lao động và cựu SV cũng như quy định của Bộ GD&ĐT về khối lượng kiến thức tối thiểu, tỉ lệ giữa các khối kiến thức và yêu cầu năng lực mà người học đạt được đối với trình độ đào tạo ngành Sư phạm Hóa học **[H8.08.03.07]**, **[H8.08.03.08]**, **[H8.08.03.09]**, **[H8.08.03.10]**.

## *2. Điểm mạnh*

CTĐT có tỉ lệ phù hợp giữa các khối kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kiến thức đào tạo và rèn luyện NVSP. Phân bố thời gian giảng dạy học tập các học phần hợp lý. Khối kiến thức chuyên ngành được xếp thành các khối kiến thức chuyên ngành hẹp bao gồm các môn bắt buộc và có các môn tự chọn giúp người học có nhiều cơ hội lựa chọn các môn học phù hợp với khả năng và nhu cầu định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Việc giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, CVHT kịp thời nắm bắt được tình trạng học tập và rèn luyện của người học để có thể nhắc nhở, động viên giúp người học cải thiện kết quả trong học tập và rèn luyện.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu

cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống TC.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Hàng năm, Khoa Hóa tiếp tục phổ biến rộng rãi CTĐT, quy chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện đến người học.

Năm học 2020 - 2021, Khoa Hóa đề nghị Nhà trường cải thiện phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống TC để người học, GV, CVHT, người quản lý cập nhật thông tin được kịp thời phục vụ cho việc học tập và giám sát.

#### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

***Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học***

##### *1. Mô tả*

Hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp được tiến hành xuyên suốt, liên tục trong suốt quá trình học tập của SV ở Trường ĐHQN. Công tác đón tiếp SV nhập học được Nhà trường phân công cho các phòng chức năng và các khoa liên quan thực hiện. SV nhập học được hướng dẫn chu đáo và cụ thể các thủ tục nhập học. Ngay sau khi SV nhập học, Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân SV để phổ biến quy chế, quy định đào tạo, chế độ khen thưởng, kỉ luật cũng như các vấn đề liên quan đến quyền lợi học tập, rèn luyện và sức khỏe cho người học [H8.08.04.01]. Nhà trường đã ban hành Quy định về CVHT, trong đó quy định rõ chức năng nhiệm vụ của CVHT và ra quyết định phân công GV làm công tác CVHT trên cơ sở đề nghị của khoa [H8.08.04.02], [H8.08.04.03]. CVHT là những GV có kinh nghiệm sẽ hỗ trợ, tư vấn cho SV các vấn đề cần thiết liên quan đến học tập như việc lựa chọn đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập, ... và các hoạt động khác thông qua kế hoạch cụ thể [H8.08.04.04]. Định kì 1 lần/tháng, Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn nội dung sinh hoạt lớp, trong đó thông tin cụ thể đến SV tình hình hoạt động của Nhà trường, phương hướng và các hoạt động trong tháng tới cũng như một số vấn đề liên quan đến việc giải quyết quyền lợi của người học để SV biết và thuận tiện tham gia. Qua đó, CVHT tham dự

các buổi sinh hoạt lớp để phổ biến, nhắc nhở, đôn đốc việc học tập và rèn luyện của SV [H8.08.04.05].

Trong quá trình học tập ở Trường, các SV ngành Sư phạm Hóa học được tham gia Thực tập sư phạm 1 và Thực tập sư phạm 2 ở các trường THPT dưới sự hướng dẫn của các GV phương pháp giàu kinh nghiệm [H8.08.04.06]. Đây là cơ hội để SV được trải nghiệm cũng như rút kinh nghiệm từ thực tế dự giờ và thao giảng. Thực tập cũng là cơ hội để các em trải nghiệm, tích lũy kinh nghiệm, định hướng nghề nghiệp thông qua các hoạt động chuyên môn và giao lưu với học sinh THPT [H8.08.04.07].

SV ngành Sư phạm Hóa học được tham gia rất nhiều các hoạt động thi đua, phong trào do Câu lạc bộ, tổ chức Đoàn, Hội các cấp trong Nhà trường tổ chức nhằm hỗ trợ kiến thức học tập, hoàn thiện các kỹ năng nghề nghiệp, tăng cơ hội có việc làm sau khi tốt nghiệp [H8.08.04.08], [H8.08.04.09], [H8.08.04.10].

Nhà trường đã thành lập Trung tâm hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp làm cầu nối giữa SV và doanh nghiệp, tạo cơ hội tiếp cận việc làm cho SV sau tốt nghiệp [H8.08.04.11], [H8.08.04.12]. Từ khi được thành lập, với sự kết hợp hoạt động của Trung tâm, Đoàn thanh niên và Hội SV nhiều ngày hội việc làm, tuyển dụng đã được thực hiện tại Trường ĐHQN. Bên cạnh đó, thông tin tuyển dụng của các cơ sở giáo dục luôn được cập nhật và thông báo kịp thời đến người học [H8.08.04.13]. Các hoạt động này đã nâng cao cơ hội tiếp xúc, định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp cho người học [H8.08.04.14].

## *2. Điểm mạnh*

Đội ngũ CVHT có kinh nghiệm, trách nhiệm sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho SV trong việc lựa chọn học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế.

Môi trường sinh hoạt lành mạnh, năng động và sáng tạo giúp người học hình thành những kỹ năng tốt trong học tập và trong cuộc sống.

Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp được thực hiện bằng nhiều hình thức giúp người học có cơ hội tiếp cận việc làm sau khi ra trường.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc lấy YKPH, đánh giá của người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của CVHT, trợ lý đào tạo, GV phụ trách thực tập, thực tế chưa được thực hiện.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Hàng năm, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp liên kết với các nhà sử dụng lao động, xây dựng chương trình phù hợp với nhu cầu tuyển dụng thực tế cho SV ngành sư phạm.

Năm học 2020 - 2021, Nhà trường và Khoa triển khai lấy YKPH từ người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của CVHT, trợ lý đào tạo, GV phụ trách thực tập, thực tế để kịp thời có những điều chỉnh cần thiết.

#### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

### ***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học***

#### *1. Mô tả*

Nhà trường đã xây dựng khu nhà Hiệu bộ 15 tầng ở khu vực trung tâm, đây cũng là nơi tập trung tất cả các phòng ban, các khoa,... Các khu giảng đường, thư viện, phòng TN-TH và KTX được phân bố hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc học tập cũng như liên hệ giải quyết những vấn đề cần thiết [H8.08.05.01].

Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Nhà trường luôn được quan tâm cải tạo và xây dựng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho cán bộ, GV và SV toàn trường. Nhà trường ban hành những quy định về nội quy sử dụng giảng đường, thư viện, nội quy KTX,... [H8.08.05.02], cũng như những quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong SV [H8.08.05.03], nhằm tạo ra trật tự, kỉ cương và môi trường văn hóa lành mạnh, thân thiện và thoải mái trong khuôn viên Nhà Trường. Các quy định, nội quy phòng TN-TH cũng được ban hành nhằm đảm bảo an toàn cho người học và tạo môi trường làm việc nghiêm túc, tăng hiệu quả của những giờ thực hành thí nghiệm và NCKH [H8.08.05.02].

Khuôn viên Nhà trường được trồng nhiều cây xanh, hoa, cỏ tạo cảnh quan xanh sạch đẹp. Đồng thời, để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thi đua của các tổ chức đoàn thể cũng như nhu cầu văn hóa, thể thao cho cán bộ GV và SV, tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong trường, Nhà trường đã xây dựng khu nhà thi đấu đa năng, các hội trường (A và B), các sân bóng đá, bóng chuyền với sức chứa lớn [H8.08.05.04]. KTX



được xây mới, rộng rãi trang bị hiện đại, có phòng tự học cho SV, đảm bảo an ninh tạo tâm lý yên tâm, thoải mái cho người học [H8.08.05.05].

Vấn đề chăm sóc sức khỏe của người học cũng được quan tâm. SV được phổ biến, trang bị những kiến thức cơ bản để phòng chống những căn bệnh xã hội, đặc biệt là chia sẻ, tư vấn kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho nữ SV [H8.08.05.06]. Nhà trường tiến hành kí hợp đồng với các cơ sở y tế có uy tín để khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho SV vào mỗi đầu năm học [H8.08.05.07]. Trạm y tế của trường tư vấn hỗ trợ SV những vấn đề liên quan đến bảo hiểm y tế và luôn có những cơ thuốc cần thiết để sẵn sàng hỗ trợ người học trong những trường hợp cần thiết [H8.08.05.08].

Căn tin Nhà trường được đấu thầu và chọn những nhà thầu uy tín, các món ăn phục vụ đa dạng, giá cả hợp lý và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H8.08.05.09]. Người học được phổ biến các kiến thức về PCCC. Đồng thời, các khu vực làm việc, giảng đường, PTN, thực hành và các khu KTX đều được trang bị thiết bị PCCC và được kiểm tra định kỳ thường xuyên [H8.08.05.10].

Nhà trường đã tiến hành thực hiện lấy ý kiến khảo sát của SV về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong nhà trường thông qua Phiếu Khảo sát YKPH của SV năm cuối về CLĐT ngành Sư phạm Hóa học [H8.08.05.11], trên cơ sở đó có sự quan tâm, điều chỉnh kịp thời để có thể tạo môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan phù hợp, thuận lợi và thoải mái cho người học.

## *2. Điểm mạnh*

Môi trường học tập có cảnh quan xanh sạch đẹp, rộng rãi, bố trí hợp lý, an toàn, lành mạnh tạo điều kiện sinh hoạt thuận lợi và tâm lý thoải mái cho người học.

Vấn đề y tế học đường và an toàn người học được đảm bảo.

## *3. Điểm tồn tại*

Không gian làm việc của Khoa Hóa chật hẹp, cả Khoa chỉ có 1 văn phòng Khoa là nơi làm việc, gặp gỡ GV, SV và học viên cao học, ...

## *4. Kế hoạch hành động*

Đoàn thanh niên, Hội SV và CVHT phổ biến thường xuyên nếp sống văn minh trong SV, giữ gìn và cải thiện cảnh quan trong các buổi ngoại khóa, sinh hoạt lớp.

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Hóa đề nghị Nhà trường bố trí thêm phòng làm việc cho Khoa, tạo điều kiện môi trường thuận lợi để nâng cao hiệu quả làm việc của GV trong hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho người học

trong việc liên hệ giải quyết những vấn đề cần thiết liên quan đến học tập và các hoạt động khác.

#### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 8***

Chất lượng người học và các hoạt động hỗ trợ người học được Nhà trường và Khoa Hóa xác định là một khâu then chốt trong hoạt động đào tạo. Chính sách tuyển sinh được công bố công khai, cập nhật và thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Quy trình đào tạo, các quy chế, quy định, các chế độ chính sách, nghĩa vụ và quyền lợi của người học được phổ biến rộng rãi, công khai. Trong suốt quá trình học tập, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện đã được xây dựng; khối lượng học tập của SV ngành Sư phạm Hóa được phân bổ hợp lý, kết hợp với việc thực tập, thực tế tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc học tập và rèn luyện những kỹ năng cần thiết. Trường ĐHQN đã có sự đầu tư thích đáng CSVC phục vụ đào tạo, giảng đường, thư viện, hội trường, nhà luyện tập thể dục thể thao, KTX... được xây dựng và đổi mới nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập, sinh hoạt, các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của SV. Cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp tạo tâm lý thoải mái, an toàn cho người học. Nhiều hoạt động ngoại khóa được tổ chức, qua đó góp phần giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống lành mạnh và hình thành những kỹ năng mềm cần thiết cho SV Trường ĐHQN nói chung và SV ngành Sư phạm Hóa nói riêng. Trong những năm gần đây, do sự thay đổi về chỉ tiêu tuyển sinh cũng như nhu cầu thực tế của xã hội khiến cho số lượng thí sinh đăng ký vào ngành Sư phạm Hóa có xu hướng giảm mạnh. Do vậy, Trường ĐHQN và Khoa Hóa cần có chiến lược cụ thể, phát huy thế mạnh, giải quyết những tồn đọng, nâng cao chất lượng người học và các hoạt động hỗ trợ người học để có thể duy trì và phát triển ngành Sư phạm Hóa một cách tốt nhất.

**Tiêu chuẩn 8 có 2 tiêu chí đạt mức 4/7 và 3 tiêu chí đạt mức 5/7.**

## **Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

### ***Mở đầu***

Trường ĐHQN có diện tích 240.112 m<sup>2</sup>, trong đó có 130.610m<sup>2</sup> tại trung tâm thành phố Quy Nhơn, nằm bên bờ biển, có môi trường thoáng mát, sạch sẽ, giao thông thuận lợi, an ninh trật tự, an toàn xã hội tốt, là điều kiện rất thuận lợi cho việc học tập và NCKH. Trong những năm gần đây, Nhà trường đã tập trung đầu tư cải tạo, sửa chữa và nâng cấp khu làm việc, giảng đường, mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH cho cán bộ, GV và SV. Phần lớn, các phòng học được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu, đáp ứng được nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập. Thư viện có đủ giáo trình, sách tham khảo cần thiết cho CTĐT ngành Sư phạm Hóa học. Các phòng thí nghiệm, thực hành hóa học được trang bị các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hệ thống CNTT đã kết nối trong toàn trường. Với yêu cầu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường luôn chú trọng đầu tư nâng cấp CSVC và trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, học tập và NCKH.

***Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

#### ***1. Mô tả***

Trường ĐHQN có đủ hệ thống phòng làm việc và các phòng chức năng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo. Nhà trường bố trí 01 phòng lớn chung cho Lãnh đạo Khoa và Văn phòng Khoa Hóa tại phòng 93, nhà 15 tầng [H9.09.01.01]. Các bộ môn của Khoa ngoài việc sử dụng chung văn phòng Khoa còn được bố trí các phòng làm việc chung với các phòng TN-TH ở nhà A6, A7 [H9.09.01.02]. Văn phòng Khoa và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ CSVC, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, mạng wifi, ... [H9.09.01.03], [H9.09.01.04]. Các trang thiết bị này sẽ giúp cho GV, cán bộ và chuyên viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Ngoài ra, để phục vụ công tác đào tạo theo hệ thống TC, Phòng Đào tạo đại học còn được trang bị phần mềm đăng ký TC giúp SV có thể đăng ký các học phần học tập theo lịch trình và thời gian đã thuộc thông báo [H9.09.01.05].

Trường ĐHQN có các giảng đường A1, A2, A3, A5, A8 với 144 phòng học, trong đó có 69 phòng học lớn với trên 100 chỗ ngồi; 03 phòng học, 03 hội trường với trên 300 chỗ ngồi [H9.09.01.06]. Các phòng học được trang bị máy chiếu, lắp đặt thiết

bị âm thanh, hệ thống đèn chiếu sáng, quạt,... góp phần đáp ứng tốt cho công tác đào tạo [H9.09.01.07]. Sinh viên Khoa Hóa được bố trí phòng học phù hợp với kế hoạch học tập. Ở các giảng đường đều có sổ theo dõi tần suất sử dụng các trang thiết bị trong phòng [H9.09.01.08]. Hằng năm, Nhà trường có phân bổ kinh phí để sửa chữa, nâng cấp các phòng học và mua sắm các trang thiết bị phù hợp với nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu [H9.09.01.09].

Nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát lấy YKPH của cán bộ, GV, SV về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng và các trang thiết bị nhằm sắp xếp, bố trí một cách hợp lý, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng [H9.09.01.10].

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường thường xuyên cải tạo, nâng cấp các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng và các trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu.

### *3. Điểm tồn tại*

Một số ít phòng học ở giảng đường A2, A5 đã được cải tạo, sửa chữa nhưng vẫn chưa đáp ứng được tiêu chuẩn của phòng học hiện đại.

### *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Hóa đề nghị Nhà trường tiếp tục nâng cấp các phòng học chưa đủ tiêu chuẩn.

Định kỳ, Nhà trường tiến hành rà soát chất lượng các trang thiết bị ở các giảng đường, phòng làm việc, phòng chức năng để thay thế kịp thời những thiết bị đã hỏng, hết thời hạn sử dụng.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

***Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### *1. Mô tả*

Trung tâm TTTL tọa lạc trên khuôn viên phía Đông Bắc của Trường với diện tích sàn xây dựng là 3.339 m<sup>2</sup>, bao gồm: tòa nhà Thư viện trung tâm 3 tầng, được xây

dựng theo kiến trúc Pháp cổ và dãy nhà trệt liền kề. Cấu trúc của Trung tâm TTTL bao gồm: 1 phòng giáo trình, 2 phòng đọc mở, 1 phòng mượn, 1 phòng seminar toán học, 2 phòng truy cập Internet (với 60 máy tính được nối mạng tốc độ cao), 1 phòng đọc thân thiện, 7 phòng tự học. Tất cả các phòng có kết nối với nhau và có sơ đồ bố trí cụ thể để phục vụ một cách hiệu quả [H9.09.02.01]. Nhằm định hướng cho bạn đọc, Trung tâm TTTL đã gắn các bảng hướng dẫn tra cứu tài liệu tại lối đi hành lang, bên trong các phòng đọc, phòng truy cập Internet, trên website của đơn vị, đồng thời đã ban hành Nội quy sử dụng TTTL [H9.09.02.02], cung cấp đầy đủ các văn bản, thông báo công khai trên website của Trung tâm TTTL (<http://lib.qnu.edu.vn/thu-vien>) như quy định thời gian phục vụ, quy định đèn sách... Trong các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa, Trung tâm có báo cáo hướng dẫn SV khai thác, sử dụng nguồn TTTL của Nhà trường [H9.09.02.02]. Số SV đến phòng truy cập Internet cũng như các phòng đọc, phòng mượn của Trung tâm đều được thống kê, quản lý [H9.09.02.03]. Trong những năm gần đây, Trung tâm TTTL thường xuyên đề xuất, lập kế hoạch dự toán mua, bổ sung, cập nhật và đa dạng hóa các loại sách, giáo trình, báo, tạp chí, tài liệu nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH cho GV, học viên và SV [H9.09.02.04]. Hiện nay, Trung tâm đang phục vụ gần 30.000 đầu sách (gồm sách Việt văn và Ngoại văn), hơn 2.500 luận văn, luận án, đồ án các loại, gần 100 đầu báo và tạp chí trong nước và nước ngoài, hơn 500 tài liệu giảng dạy các học phần...

Nguồn tài liệu điện tử cũng được Trung tâm chú trọng phát triển. Hiện tại, Trung tâm đã đạt được thỏa thuận hợp tác với Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ về quyền khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử. Trung tâm đã tham gia hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam và mua dùng chung 3 cơ sở dữ liệu, gồm: Cơ sở dữ liệu ProQuest Central, Cơ sở dữ liệu STD (Tài liệu KH & CN Việt Nam), Cơ sở dữ liệu KQNC (Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu). Ngoài ra, Trung tâm cũng được quyền khai thác Cơ sở dữ liệu MathSciNet (do American Mathematical Society phát hành), mua quyền khai thác tài liệu tại Thư viện pháp luật trực tuyến [H9.09.02.06], [H9.09.02.07], [H9.09.02.08]. Trung tâm TTTL cũng đã tiếp nhận các ĐCCTHP của các Khoa trong Nhà trường, trong đó có ĐCCTHP ngành Sư phạm Hóa học [H9.09.02.09].

Trung tâm tiến hành khảo sát ý kiến nhằm đánh giá mức độ hài lòng của bạn đọc. Nội dung khảo sát tập trung vào việc đánh giá mức độ đầy đủ, phong phú của nguồn

sách báo, tài liệu; về thái độ, tinh thần phục vụ của các nhân viên; về mức độ đáp ứng CSVN, trang thiết bị tại Trung tâm. Kết quả khảo sát giúp Trung tâm khắc phục những hạn chế, tồn tại, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ [H9.09.02.10].

### *2. Điểm mạnh*

Nguồn tài liệu được cập nhật, bổ sung thường xuyên, hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo và NCKH của GV, học viên và SV.

Trung tâm TTTL đã tham gia vào hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử.

### *3. Điểm tồn tại*

Trung tâm chưa có hệ thống mượn - trả tài liệu tự động nên chưa thống kê chính xác được lượng độc giả hằng năm của thư viện là CB, GV, người học thuộc chuyên ngành đào tạo nào; các tạp chí chuyên ngành còn hạn chế.

### *4. Kế hoạch hành động*

Thường xuyên bổ sung nguồn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, báo, tạp chí để đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường nói chung và Khoa Hóa nói riêng.

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề nghị Nhà trường triển khai dự án xây dựng thư viện điện tử, phát triển kho tài nguyên số.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 4/7.

***Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

#### *1. Mô tả*

Trường ĐHQN có 56 phòng TN-TH (Nhà A6 và A7) phục vụ đào tạo các học phần phòng TN-TH và NCKH. Khoa Hóa có 21 phòng với tổng diện tích là 939,72 m<sup>2</sup>. Trong đó có 1 phòng thí nghiệm Hóa học tính toán, 1 phòng máy quang phổ. Các phòng TN-TH, thực hành của Khoa Hóa được bố trí tập trung tại nhà A6, tạo điều kiện thuận lợi cho GV, SV trong việc sử dụng kết hợp các trang thiết bị giữa các phòng [H9.09.03.01].

Các phòng TN-TH của Khoa được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết phục vụ công tác giảng dạy, học tập và NCKH [H9.09.03.02]. Ngoài ra, Khoa cũng có phòng NVSP được trang bị các phương tiện dạy học hiện đại như bảng tương tác điện tử, hệ

thông các máy chiếu, các phần mềm chuyên dụng trong dạy học Hóa học giúp SV sử dụng thành thạo các phương tiện trực quan trong dạy học, rèn luyện NVSP. Đặc biệt, Khoa Hóa có Phòng thí nghiệm Hóa học tính toán và Mô phỏng được trang bị các hệ thống siêu máy tính phục vụ cho công tác NCKH của GV và SV [H9.09.03.03].

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cũng như công tác quản lý trang thiết bị thí nghiệm, Khoa đã ban hành Nội quy phòng thí nghiệm, thực hành [H9.09.03.04]. Mỗi phòng TN-TH đều có tài liệu hướng dẫn sử dụng các thiết bị và tài liệu hướng dẫn các học phần thí nghiệm, thực hành [H9.09.03.05].

Nhà trường luôn quan tâm đến công năng sử dụng của các thiết bị tại các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và có những điều chỉnh thích hợp phục vụ công tác giảng dạy, học tập và NCKH của GV và SV đạt hiệu quả cao nhất. Để làm được điều này, tại các phòng TN-TH của Khoa luôn có sổ nhật ký phòng TN-TH nhằm ghi lại việc sử dụng các trang thiết bị [H9.09.03.06]. Các danh mục trang thiết bị tại phòng thí nghiệm, thực hành cũng được kiểm kê cụ thể [H9.09.03.07] và sửa chữa kịp thời phục vụ đào tạo và NCKH [H9.09.03.08].

Hằng năm, Khoa có đề xuất Nhà trường trang bị các thiết bị, dụng cụ và hóa chất phục vụ cho hoạt động TN-TH và NCKH [H9.09.03.09]. Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các phòng TN-TH, Nhà trường tiến hành lấy YKPH của GV và SV về trang thiết bị phòng thí nghiệm [H9.09.03.10]. Năm 2018, Nhà trường triển khai sắp xếp lại hệ thống các phòng TN-TH, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy học và NCKH của GV và SV khoa Hóa [H9.09.03.11].

Ngoài các phòng TN-TH ở Nhà A6 và A7 tại trụ sở chính Trường ĐHQN, GV của Khoa còn triển khai NCKH ở Trại thực nghiệm [H9.09.03.12]. Trại thực nghiệm có diện tích 109,502 m<sup>2</sup> ở xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định [H9.09.03.13].

## *2. Điểm mạnh*

Khoa Hóa có đủ số lượng các phòng TN-TH để phục vụ đào tạo và NCKH và ngoài ra còn có khu đất ở Trại thực nghiệm tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định để thực hiện đề tài NCKH.

Các phòng TN-TH được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

### *3. Điểm tồn tại*

Một số phòng TN-TH còn có các thiết bị cũ chưa được thay thế kịp thời. Thiết bị thí nghiệm, thực hành chưa được thường xuyên bảo dưỡng.

### *4. Kế hoạch hành động*

Khoa Hóa đề nghị Nhà trường tiếp tục đầu tư, nâng cấp các phòng TN-TH; hiện đại hóa các trang thiết bị phục vụ nhu cầu đào tạo và NCKH của GV và SV.

Từ học kỳ 2 năm học 2018 - 2019, Nhà trường thành lập Tổ bảo trì, sửa chữa để đảm bảo công việc bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các thiết bị phục vụ giảng dạy và NCKH.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

#### *1. Mô tả*

Trường ĐHQN có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng khá tốt cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường hiện có 16 phòng máy với 775 máy tính. Trường bố trí 14 phòng máy tính tại nhà 4 tầng và nhà A7 phục vụ cho các học phần thực hành tin học đại cương và tin học chuyên ngành, 02 phòng máy tính được bố trí tại Trung tâm TTTL phục vụ cho việc tra cứu tài liệu [H9.09.04.01]. Mặt khác, Nhà trường cũng trang bị 308 máy tính tại các Khoa và Phòng ban [H9.09.04.02]. Ngoài ra, các phòng học cũng được trang bị hệ thống máy chiếu, để phục vụ công tác giảng dạy [H9.09.04.03].

Nhà trường hiện sử dụng 2 đường FTTH cáp quang tốc độ cao để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng tra cứu thông tin tại Trung tâm TTTL, phòng lab, nhà 15 tầng, nhà 4 tầng, hội trường; 01 đường kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website [H9.09.04.04]. Toàn trường đã được phủ sóng wifi [H9.09.04.04]. Nhà trường còn trang bị các phần mềm chuyên dụng có bản quyền phục vụ yêu cầu công tác quản lý, hoạt động dạy học và NCKH [H9.09.04.05]. Cán bộ, GV và SV đều được sử dụng internet miễn phí. SV được sử dụng máy tính và wifi miễn phí để đăng ký môn học qua mạng internet, tìm kiếm tài liệu,...



Nhà trường rất chú trọng đến việc đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin. Năm học 2017 - 2018 vừa qua, Nhà trường đã triển khai lắp đặt hệ thống wifi KTX [H9.09.04.06]. Nhằm nâng cao chất lượng hệ thống công nghệ thông tin, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến thống kê kết quả khảo sát mức độ hài lòng của GV và SV về mức độ đáp ứng các thiết bị tin học cho hoạt động dạy và học [H9.09.04.07].

## *2. Điểm mạnh*

Toàn trường đã được phủ sóng wifi, hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư, nâng cấp, cập nhật hỗ trợ tốt cho việc học tập và nghiên cứu.

## *3. Điểm tồn tại*

Chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực còn yếu; Nhà trường đã triển khai đề án dạy học trực tuyến nhưng chưa hoàn thành.

## *4. Kế hoạch hành động*

Năm học 2018 - 2019, Nhà trường tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, phủ sóng wifi đủ mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho GV, SV khai thác và chia sẻ thông tin.

Nhà trường tiếp tục triển khai đề án dạy học trực tuyến.

## *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

## ***Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật***

### *1. Mô tả*

Quan tâm đến môi trường, sức khỏe, an toàn, Thủ tướng chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành các Nghị định và Thông tư hướng dẫn quy định đề án bảo vệ môi trường [H9.09.05.01], [H9.09.05.02]. Trường ĐHQN luôn quan tâm xây dựng chính sách bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường; nội quy an ninh bảo vệ trật tự; phương án PCCC; phương án cải tạo cảnh quan; phương án đầu tư trang thiết bị, dụng cụ y tế tại các khu làm việc, KTX SV. Môi trường giảng dạy, học tập và NCKH của CB, GV, học viên và SV luôn được đảm bảo an toàn, xanh - sạch - đẹp.

Nhà trường chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo không gian thoáng mát cho người học, thực hiện đúng các quy định về vệ sinh trường học, nước sạch, vệ sinh môi trường theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết [H9.09.05.03]. Xây dựng hệ thống nước

thải sinh hoạt đảm bảo các chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra môi trường. Các hóa chất độc hại ở khu thí nghiệm được Nhà trường quản lý nghiêm ngặt và thường xuyên đánh giá quan trắc môi trường [H9.09.05.04].

Nhà trường tổ chức định kì khám sức khỏe cho toàn thể cán bộ, GV và SV, thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm [H9.09.05.05], tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học. Đặc biệt, những SV khuyết tật được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện ở KTX tầng 1, khám sức khỏe theo nhu cầu... [H9.09.05.06].

Để đảm bảo an toàn tài sản, tính mạng của con người, Nhà trường ban hành nội quy, quy chế ở giảng đường, KTX, Quy định về an toàn trong phòng thực hành thí nghiệm, nội quy phòng cháy và chữa cháy, cung cấp các thiết bị PCCC tại KTX, giảng đường, khu thí nghiệm... [H9.09.05.07] và tạo điều kiện cho cán bộ và nhân viên tập huấn nghiệp vụ PCCC, tổ chức các buổi diễn tập PCCC nhằm ứng phó khẩn cấp với các tai nạn cháy nổ [H9.09.05.08], [H9.09.05.09]. Ngoài ra, Nhà trường còn kết hợp với Công an phường Nguyễn Văn Cừ, Phòng PA03 - Công an tỉnh Bình Định trong công tác bảo đảm an ninh, vì vậy khi có sự việc xảy ra đều có sự tham gia khẩn trương của các lực lượng chức năng của Phường, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Trường [H9.09.05.10].

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và SV; khuôn viên Nhà trường luôn xanh - sạch - đẹp.

Định kỳ Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, GV và SV.

## *3. Điểm tồn tại*

Chưa thường xuyên khảo sát thu thập các thông tin phản hồi về chất lượng công tác bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường của cán bộ và GV.

Chính sách quan tâm đến người khuyết tật mới chỉ dừng lại ở sự bố trí KTX tầng 1 mà chưa được mở rộng.

## *4. Kế hoạch hành động*

Tiếp tục thực hiện theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết, gìn giữ và phát triển môi trường xanh - sạch - đẹp thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, tạo điều kiện cho cán bộ và nhân viên tập huấn nghiệp vụ PCCC, đảm bảo an ninh, an toàn trong toàn trường.

Năm học 2019 - 2020, Nhà trường triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật và tăng cường giáo dục ý thức xây dựng, bảo vệ môi trường tự nhiên, môi trường văn hóa.

*5. Tự đánh giá:*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

***Kết luận về Tiêu chuẩn 9***

Trường ĐHQN nói chung và Khoa Hóa nói riêng có hệ thống CSVC và trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu của hoạt động đào tạo và NCKH. Nhà trường luôn quan tâm đến công tác đầu tư, nâng cấp các khu làm việc, giảng đường, thư viện, khu thí nghiệm, thực hành, trung tâm luyện tập thể dục, thể thao, KTX theo hướng ngày càng hiện đại.

Công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được Nhà trường quan tâm. CB, GV, SV được làm việc, nghiên cứu, học tập trong không gian xanh, sạch, đẹp, trật tự và an toàn. Hiệu quả của công tác quản lý và khai thác, sử dụng CSVC và các trang thiết bị ngày càng cao. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại về CSVC và trang thiết bị mà Nhà trường và Khoa cần khắc phục trong những năm học tới.

**Tiêu chuẩn 9 có 1 tiêu chí đạt mức 4/7 và 4 tiêu chí đạt mức 5/7.**

## **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

### ***Mở đầu***

Việc nâng cao chất lượng trong GDDH là yếu tố quan trọng giúp đảm bảo MTĐT, cải tiến và nâng cao CLĐT. Vì vậy, Khoa Hóa đã thường xuyên rà soát, cập nhật và phát triển CTĐT dựa trên các quy định do Bộ GD&ĐT và Trường ban hành, sử dụng kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học. CTĐT được bổ sung cập nhật định kỳ, chuyển đổi phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống TC; được đánh giá và cải tiến dựa trên các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan. Việc đánh giá kết quả học tập của người học trong quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR và nâng cao CLĐT.

***Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học***

#### ***1. Mô tả***

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà sử dụng lao động là các sở GD&ĐT, các trường THPT, sinh viên đang học, cựu sinh viên, giảng viên, chuyên gia cùng chuyên ngành và cán bộ quản lý được Khoa sử dụng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTĐT ngành Sư phạm Hóa học trình độ đại học.

CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được thiết kế và liên tục cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao CLĐT và đáp ứng nhu cầu xã hội. Việc thiết kế và điều chỉnh chương trình dựa trên các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H10.10.01.01], [H10.10.01.02] và các quy định của Trường [H10.10.01.03], [H10.10.01.04]. Khoa Hóa đã dựa trên kết quả khảo sát YKPH của SV năm cuối về CLĐT ngành Sư phạm Hóa học [H10.10.01.05], kết quả khảo sát nhà sử dụng lao động và cựu SV khối ngành sư phạm năm 2016 thuộc 10 tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Gia Lai, KonTum, Đắk Lắk, Đắk Nông [H10.10.01.06], ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV trong Hội thảo góp ý về CTĐT ngành Sư phạm Hóa học [H10.10.01.07], YKPH của GV từ cuộc khảo sát xây dựng CDR CTGDDH ngành Sư phạm Hóa học (online) [H10.10.01.08] để làm căn cứ thiết kế và điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học. Ngoài ra, Khoa Hóa đã tiến hành xây dựng CTĐT, ĐCCTHP dựa trên ý kiến các GV có kinh nghiệm của Khoa để Hội đồng khoa thông qua [H10.10.01.09], [H10.10.01.10].

Khoa Hóa cũng xây dựng mạng lưới liên kết cựu sinh viên thông qua nhiều hình

thức: internet (website, facebook, ...), các buổi lễ kỷ niệm thành lập Khoa và Trường, hay các mối quan hệ xã hội khác nhằm nắm bắt thông tin và nhu cầu của các bên liên quan về chương trình dạy học [H10.10.01.11].

## *2. Điểm mạnh*

Việc thiết kế và phát triển CTDH của Khoa được dựa trên cơ sở thu thập thông tin phản hồi từ phía cán bộ quản lý, GV, SV thông qua các phiếu điều tra khảo sát để đáp ứng với CĐR.

Khoa nhận được nhiều ý kiến, góp ý quý báu của các chuyên gia trong các lần điều chỉnh CTĐT.

Khoa thường xuyên liên kết chặt chẽ với các sở GD&ĐT, các trường THPT nhờ có mạng lưới cựu sinh viên rộng khắp các tỉnh miền Trung và Tây nguyên.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc thu thập và phân tích các thông tin phản hồi từ cựu SV và nhà sử dụng lao động để điều chỉnh CTDH, cải tiến nâng cao CLĐT còn chưa thường xuyên. Hơn nữa, kế hoạch lấy YKPH từ cựu SV và nhà sử dụng lao động về CTDH còn bị động vì phụ thuộc vào sự thay đổi chương trình sách giáo khoa của Bộ GD&ĐT.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa Hóa tổ chức lấy YKPH của SV đã tốt nghiệp và nhà sử dụng lao động một cách bài bản, khoa học và thường xuyên hơn để có đầy đủ thông tin cần thiết về việc đánh giá chất lượng SV tốt nghiệp và nhu cầu của cơ sở giáo dục về giáo viên để có hướng cải tiến CTDH phù hợp. Trên cơ sở phản hồi từ phía cán bộ quản lý, GV, SV và cựu SV, Khoa Hóa sẽ có sự điều chỉnh thích hợp trong việc thiết kế và phát triển CTDH.

## *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

***Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến***

### *1. Mô tả*

CTDH ngành Sư phạm Hóa học được định kỳ cập nhật, bổ sung dựa trên các quy định, quy trình và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN [H10.10.02.01], [H10.10.02.02], [H10.10.02.03], [H10.10.02.04]. Đặc biệt năm 2018, theo hướng dẫn

của Nhà trường, CTDH được thiết kế và phát triển theo hướng tiếp cận năng lực [H10.10.02.04]. Xu hướng và cách tiếp cận phát triển giáo dục hướng đến CDR - Outcomes-based Education (OBE) với nguyên lý nhấn mạnh vai trò trung tâm của CDR và mối liên kết giữa các thành phần của CTDH. Theo đó, Khoa đã thiết kế và phát triển CTDH theo phương pháp tiếp cận định hướng phát triển năng lực hướng đến CDR hay phương pháp tiếp cận CDIO (viết tắt của cụm từ tiếng Anh Conceive – Design – Implement – Operate) nghĩa là: Hình thành ý tưởng, thiết kế ý tưởng, thực hiện và vận hành. Phát triển năng lực đầu ra đang là xu hướng tất yếu của GDĐH. Dạy học tiếp cận phát triển năng lực đầu ra là hướng vào hình thành ở người học hệ thống năng lực đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí việc làm và xã hội thông qua CDR. Đây là một giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội trên cơ sở xác định CDR để thiết kế chương trình và phương pháp đào tạo theo một quy trình khoa học.

CTDH ngành Sư phạm Hóa học đã được ban hành, sửa đổi và bổ sung nhiều lần trong những năm qua. Theo kế hoạch của Trường năm 2015, Khoa Hóa đã thực hiện rà soát, đánh giá và xây dựng lại CTĐT theo hệ thống TC [H10.10.02.03], [H10.10.02.05], [H10.10.02.06], [H10.10.02.07]. Năm 2018, Khoa Hóa lại tiến hành tổ chức đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT ngành Sư phạm Hóa học hệ chính quy [H10.10.02.04], [H10.10.02.08], [H10.10.02.09] và CTDH này được áp dụng cho khóa tuyển sinh năm học 2019-2020.

Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Sư phạm Hóa học được thực hiện theo kế hoạch chung của Nhà trường [H10.10.02.03] và các bước thiết kế được thực hiện theo Quy định của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.01], [H10.10.02.02]. Trước tiên, Khoa tiến hành thành lập Tổ sửa chữa, bổ sung CTĐT [H10.10.02.10]. Tổ này thực hiện các công việc cập nhật và bổ sung CTĐT bao gồm các bước: thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến những thay đổi trong quy định của Chính phủ, của Bộ GD&ĐT về CTĐT như: Khung trình độ quốc gia Việt Nam, Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông [H10.10.02.11], [H10.10.02.12], Chương trình giáo dục phổ thông môn Hóa học [H10.10.02.13], những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; kết quả YKPH của các bên liên quan [H10.10.02.14], [H10.10.02.15]; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...đổi

với CTĐT hiện hành; bước tiếp theo, đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); so sánh yêu cầu phát triển CTĐT, CTĐT của các trường và mức độ đáp ứng yêu cầu của CTĐT đang thực hiện [H10.10.02.16]; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật CTĐT; bước tiếp đến, dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTĐT và lấy ý kiến góp ý của Hội đồng Khoa và giảng viên trực tiếp giảng dạy để chỉnh sửa [H10.10.02.17], [H10.10.02.18]; sau đó Hội đồng khoa và Khoa họp góp ý, thông qua [H10.10.02.19], [H10.10.02.20]. Trước khi Hội đồng Khoa học và đào tạo Trường xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTĐT và Hiệu trưởng ký ban hành CTĐT sửa đổi, bổ sung, CTĐT ngành Hóa học còn được thẩm định thông qua Hội đồng chuyên môn độc lập do Hiệu trưởng quyết định thành lập để đánh giá và góp ý chỉnh sửa thêm [H10.10.02.08], [H10.10.02.09], [H10.10.02.21], [H10.10.02.22], [H10.10.02.23].

## *2. Điểm mạnh*

Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Sư phạm Hóa học được thực hiện đúng quy trình, quy định có sự rà soát, đánh giá và thường xuyên cải tiến theo định kỳ.

Nhiều giảng viên, cựu sinh viên của Khoa đã có thời gian học tập theo các chương trình tiên tiến của nước ngoài và/hoặc có kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy các CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Hóa học của các trường đại học khác đã tham gia vào quá trình phản hồi ý kiến xây dựng CTDH.

## *3. Điểm tồn tại*

Một số môn học chưa biên soạn giáo trình kịp thời để đáp ứng nhu cầu của người học. Hệ thống giáo trình, học liệu tham khảo sử dụng chủ yếu của các trường đại học trong nước.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa tiếp tục đánh giá và thu nhập thông tin liên quan phục vụ cho việc cập nhật, điều chỉnh CTĐT theo định kỳ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Đồng thời, Khoa tăng cường đăng ký viết, xuất bản các giáo trình để phục vụ nhu cầu của người học và xây dựng kế hoạch biên dịch tài liệu nước ngoài sang tiếng Việt nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho người học.

## 5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 4/7.

***Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra***

### *1. Mô tả*

Để đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT, hoạt động dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên ở cấp Trường, cấp Khoa. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường có bảng Kế hoạch năm học chung cho cả trường giúp các khoa chủ động trong công tác giảng dạy cả năm học. Vào đầu mỗi học kỳ, Khoa kết hợp với Phòng Đào tạo Đại học tiến hành thông báo mở lớp học phần để sinh viên đăng ký tín chỉ và các tổ chuyên môn của Khoa tiến hành đăng ký giảng viên phụ trách các học phần [H10.10.03.01]. Vào cuối mỗi học kỳ, Khoa phối hợp với Phòng KT&ĐBCL tổ chức nghiêm túc các kỳ thi kết thúc học phần theo đúng qui chế, quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Đặc biệt từ năm học 2018-2019, để cải tiến qui trình thi, Nhà trường đã có quyết định thành lập Ban tổ chức kỳ thi kết thúc học phần cho mỗi học kì và có văn bản báo cáo tổng kết công tác tổ chức thi. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá sinh viên nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kết quả học tập của sinh viên [H10.10.03.02].

Căn cứ vào Kế hoạch đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy, không chính quy, Sau đại học, Phòng Thanh tra – Pháp chế xây dựng kế hoạch thanh tra nề nếp giảng dạy – học tập, làm việc của các đơn vị trong Nhà trường và có báo cáo công tác thanh tra cuối mỗi năm học [H10.10.03.03]. Trong trường hợp GV nghỉ dạy thì phải có giải trình cụ thể [H10.10.03.04]. Kết quả theo dõi là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy của các GV. Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra công tác giảng dạy của GV và nề nếp học tập của SV, Phòng Thanh tra – Pháp chế của Nhà trường định kỳ tiến hành thanh tra việc vào điểm và quản lý điểm của trợ lý Khoa để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan và chính xác [H10.10.03.05]. Việc đánh giá quá trình dạy và kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá hằng năm để đảm bảo thực hiện được CĐR đã công bố [H10.10.03.06].

Trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, việc tự học của SV giữ vai trò rất quan trọng,



nó là nhân tố trực tiếp nâng cao CLĐT. Để đáp ứng nhu cầu tự học của SV, GV thường xuyên thay đổi phương pháp giảng dạy và sử dụng nhiều hình thức khác nhau để đánh giá kết quả học tập của SV như làm bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, thi tự luận, vấn đáp ... Đối với thi cuối kỳ, nội dung đề thi được kiểm tra, rà soát và giám sát bởi Trưởng bộ môn [H10.10.03.07]. Cuối mỗi kì thi, điểm thi được công bố công khai đến sinh viên thông qua nhiều hình thức khác nhau. Để đánh giá việc hoàn thành học phần, GV căn cứ vào điểm chuyên cần, điểm giữa kì và điểm thi hết học phần (thường là thi viết hoặc vấn đáp) [H10.10.03.07]. Hiện nay, CTĐT cử nhân Sư phạm Hóa học sử dụng hình thức làm khóa luận tốt nghiệp để kết thúc khóa học cho 20% SV có kết quả học tập tốt [H10.10.03.08].

Việc giám sát, đánh giá quá trình học thông qua phiếu theo dõi chuyên cần; số sinh hoạt lớp, kết quả lấy YKPH từ Phòng KT&ĐBCL... về các phiếu trả lời của SV, góp ý của các bên liên quan [H10.10.03.09]. Việc giám sát đánh giá kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học thực hiện thông qua Quy chế đào tạo theo hệ thống TC của Trường và Bộ GD&ĐT [H10.10.03.07], [H10.10.03.10]. Đa số YKPH của người học hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV [H10.10.03.11].

## *2. Điểm mạnh*

Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc và được tiến hành định kì hằng năm

Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường ĐHQN.

## *3. Điểm tồn tại*

Việc tiến hành kiểm tra thường xuyên bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận, thi vấn đáp chưa được thực hiện ở tất cả các học phần.

Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi.

Nhà trường chưa xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường và Khoa Hóa tiếp tục rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy học và việc đánh giá kết quả học tập của người học để kiểm tra sự tương thích với CDR; tiến hành đánh giá mức độ phù hợp của đề thi; thiết kế và

xây dựng ngân hàng đề thi nhằm đạt được CDR của học phần cho một số môn chung.

#### 5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 4/7.

### ***Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy học***

#### *1. Mô tả*

Giảng dạy và NCKH có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, NCKH tạo cơ sở cho việc thực hiện tốt hơn hoạt động dạy và học. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Nhà Trường đã xây dựng Đề án nâng cao CLĐT và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo 2015 - 2020 [H10.10.04.01], xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H10.10.04.02] và đã ban hành văn bản Quy định “Thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN” [H10.10.04.03]. Cụ thể, Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho GV đặc biệt là GV trẻ chủ trì đề tài các cấp, tham gia hợp tác NCKH. Nhiều GV là chủ nhiệm đề tài cấp Tỉnh, cấp Bộ, đề tài NAFOSTED... [H10.10.04.04], [H10.10.04.05]. Trong đó, hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ của Khoa luôn gắn kết với nhiệm vụ đào tạo. Phần lớn các đề tài KH&CN cấp Trường được triển khai nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo của Nhà trường. Nội dung các đề tài nghiên cứu đều bám sát với CTĐT của ngành và được sử dụng làm tài liệu học tập, giảng dạy, tài liệu tham khảo cho GV và SV trong Khoa [H10.10.04.04]. Các đề tài cấp Bộ đều gắn liền với sản phẩm đào tạo, mỗi đề tài ít nhất đào tạo 01 ThS hoặc 01 NCS [H10.10.04.04].

Dưới sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà trường, GV và SV ngành Sư phạm Hóa học rất chủ động trong hoạt động NCKH. Khoa Hóa là một trong những khoa có phong trào NCKH mạnh của Trường. GV Khoa Hóa thường xuyên công bố các kết quả nghiên cứu trên tạp chí chuyên ngành uy tín trong và ngoài nước, số lượng bài báo khoa học liên tục tăng cao trong những năm gần đây [H10.10.04.06]. Khoa Hóa rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH cho SV, cụ thể 20% SV học CTĐT ngành Sư phạm Hóa học tham gia hoạt động NCKH thông qua việc làm khóa luận tốt nghiệp [H10.10.04.07], [H10.10.04.08], [H10.10.04.09].

Bên cạnh hoạt động NCKH của mình, GV của Khoa Hóa còn tích cực khuyến

khích, tạo điều kiện để người học tham gia hoạt động NCKH thông qua việc hướng dẫn SV tham gia NCKH SV các cấp [H10.10.04.10], [H10.10.04.11]. Số lượng SV đăng kí tham gia hoạt động NCKH ngày càng tăng và bước đầu đã đạt được các giải thưởng trong các cuộc thi NCKH SV cấp Trường hay cấp Bộ [H10.10.04.12]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết NCKH SV nhằm biểu dương thành tích đạt được của SV trong NCKH [H10.10.04.13], có các công bố trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong và ngoài nước. Từ năm 2014 đến nay, SV học CTĐT ngành Sư phạm Hóa học đã thực hiện 37 đề tài NCKH cấp trường [H10.10.04.10] kết quả thể hiện trong Bảng 10.4.1 và Bảng 10.4.2.

**Bảng 10.4.1. Thống kê kết quả NCKH của SV ngành Sư phạm Hóa học**

| Năm học   | Số đề tài | Kết quả  |      |
|-----------|-----------|----------|------|
|           |           | Xuất sắc | Giỏi |
| 2014-2015 | 7         | 7        |      |
| 2015-2016 | 9         | 9        |      |
| 2016-2017 | 12        | 10       | 2    |
| 2017-2018 | 9         | 7        | 2    |

**Bảng 10.4.2. Thống kê đề tài NCKH của SV đạt giải các cấp**

|           | Cấp Khoa |     |    | Cấp Trường |     |    | Cấp bộ |     |    |
|-----------|----------|-----|----|------------|-----|----|--------|-----|----|
|           | Nhất     | Nhì | Ba | Nhất       | Nhì | Ba | Nhất   | Nhì | Ba |
| 2014-2015 | 1        | 1   | 1  | 1          | 2   |    |        |     |    |
| 2015-2016 | 1        | 1   | 1  | 1          | 1   |    |        |     |    |
| 2016-2017 | 1        | 1   | 1  | 1          | 1   |    |        |     |    |
| 2017-2018 | 1        | 1   | 2  | 1          | 3   |    |        |     | 1  |

Ngoài ra, Khoa cũng có các hoạt động hợp tác với các viện nghiên cứu nhằm phát triển hoạt động NCKH và đào tạo cho GV và SV. Trong giai đoạn 2011 - 2018, thông qua Nhà trường, Khoa Hóa đã ký kết hợp tác với Trường Đại học KU. Leuven Vương quốc Bỉ, đã và đang triển khai thực hiện 02 dự án: Dự án South Initiative (2012 - 2014) xây dựng chương trình thạc sĩ cho Khoa Hóa và Dự án TEAM (2016 - 2018) tăng cường năng lực của Trường ĐHQN trong việc giải quyết các vấn đề của địa phương bằng cách xây dựng 01 CTĐT tiến sĩ cho Khoa Hóa. Kinh phí của 02 dự án

này do Tổ chức VLIR tài trợ [H10.10.04.14], [H10.10.04.15]. Thông qua các dự án hợp tác này, trình độ, năng lực chuyên môn của cán bộ, GV Khoa Hóa ngày được nâng cao, các công bố quốc tế ngày càng tăng [H10.10.04.16], CSVC phục vụ cho công tác NCKH được trang bị ngày càng hiện đại điển hình như Phòng Thí nghiệm tính toán, mô phỏng [H10.10.04.17]. Ngoài ra, Khoa, Bộ môn cũng tổ chức các buổi seminar để áp dụng kết quả nghiên cứu đề tài NCKH vào cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV [H10.10.04.18].

## *2. Điểm mạnh*

Số lượng bài báo khoa học của GV Khoa Hóa công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành uy tín trong và ngoài nước ngày càng tăng về số lượng và chất lượng.

Hoạt động NCKH được Nhà trường và Khoa chú trọng, gắn kết và phục vụ cho công tác đào tạo của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học.

Có các hoạt động hợp tác với các tổ chức, trường đại học nước ngoài tạo điều kiện cho GV, SV học tập và nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nâng cao CSVC phục vụ cho công tác NCKH.

## *3. Điểm tồn tại*

Thiếu một số trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác NCKH thực nghiệm chuyên sâu của GV và SV như: máy nhiễu xạ tinh thể tia X, kính hiển vi điện tử quét, kính hiển vi điện tử truyền qua,... Thời gian dành cho NCKH theo thiết kế chương trình còn ít, chỉ có 20% SV học CTĐT ngành Sư phạm Hóa học tham gia làm khóa luận tốt nghiệp. Các hướng nghiên cứu mang tính chất liên môn, liên khoa còn ít.

Các GV Khoa Hóa chưa có nhiều bài tham luận ở các Hội thảo quốc tế có sự tham gia của SV (do hạn chế kinh phí).

Kinh phí dành cho NCKH SV còn hạn chế.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường và Khoa Hóa tiếp tục phát huy thế mạnh NCKH của GV và SV toàn khoa, đặc biệt ưu tiên cho các đề tài NCKH mang tính chất liên môn, tăng cường các hướng nghiên cứu hỗ trợ cho việc cải tiến việc dạy và học.

## *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

***Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.***

***1. Mô tả***

Để đảm bảo mục tiêu đào tạo của Nhà trường, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập được Nhà trường đánh giá định kì và cải tiến chất lượng. Nội dung của công tác này được Nhà trường xác định rõ trong Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục cấp trường hằng năm và quy định cụ thể trong văn bản Quy định lấy YKPH của các bên liên quan tại Trường ĐHQN [H10.10.05.01], [H10.10.05.02].

Trong đó, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được Nhà trường giám sát, đánh giá thông qua các đợt khảo sát ý kiến của SV năm cuối về chất lượng CTĐT [H10.10.05.03]. Việc lấy YKPH của SV năm cuối là cơ sở thiết thực và quan trọng đối với sự cải tiến chất lượng các hoạt động của Nhà trường. Kết quả khảo sát SV năm cuối năm học 2017 - 2018 cho thấy đa số SV đồng ý với chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường [H10.10.05.03]. Kết quả khảo sát cùng với các ý kiến đóng góp của SV năm cuối là cơ sở để Nhà trường và Khoa có những biện pháp cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của SV.

Ngoài ra, Nhà trường cũng thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của GV và SV các khóa về hoạt động hỗ trợ đào tạo định kỳ trong các đợt tự đánh giá cấp Trường để có được thông tin toàn diện hơn [H10.10.05.04].

Bên cạnh đó, hằng tháng Nhà trường duy trì thường xuyên chế độ sinh hoạt lớp. Trong các buổi sinh hoạt lớp, các YKPH của SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích sẽ được ghi vào biên bản sinh hoạt lớp. Phòng CTSV sẽ tập hợp các YKPH của SV [H10.10.05.05]. Ngoài ra, thông qua các buổi làm việc giữa Lãnh đạo Khoa với các lớp trưởng, bí thư, chi hội trưởng các lớp, Khoa cũng tập hợp các YKPH của SV và phản ánh trong các cuộc họp giao ban của Nhà trường [H10.10.05.06].

Về hoạt động của thư viện, Trung tâm TTTL của Nhà trường cũng đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến bạn đọc về mức độ hài lòng đối với các hoạt động của thư viện [H10.10.05.07]. Thông qua đó, thư viện đã có những cải tiến để phục vụ người đọc

được tốt hơn. Cụ thể các tài liệu và học liệu của thư viện luôn được cập nhật và mua bổ sung hằng năm [H10.10.05.08]. Cán bộ, GV và SV được phép truy cập cơ sở dữ liệu điện tử của Trung tâm Học liệu - Đại học Cần Thơ, cơ sở dữ liệu ProQuest Central [H10.10.05.09].

Về hoạt động của phòng TN-TH, hằng năm Nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản cố định tại các phòng TN-TH, đánh giá chất lượng của trang thiết bị. Những thiết bị hư hỏng nhiều sẽ được thanh lý và được mua thay thế thiết bị mới [H10.10.05.10]. Bên cạnh đó, Khoa cũng đã tiến hành rà soát các trang thiết bị của các phòng TN-TH và kiến nghị Nhà trường sửa chữa, nâng cấp [H10.10.05.11]. Mặt khác, hằng năm Nhà trường luôn ưu tiên phân bổ kinh phí để mua sắm thiết bị, dụng cụ và hóa chất đáp ứng việc đào tạo SV ngành Sư phạm Hóa học. Ngoài ra, trong năm học 2017 - 2018 Nhà trường cũng đã triển khai thực hiện sắp xếp lại các Phòng TN-TH giúp cho GV và SV Khoa Hóa thuận lợi hơn trong hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH [H10.10.05.12].

Về hệ thống công nghệ thông tin, Nhà trường luôn có kế hoạch trang bị và nâng cấp thiết bị tin học cho hệ thống phòng học, phòng thực hành [H10.10.05.13]. Trong năm học 2017 - 2018, Nhà trường đã triển khai lắp đặt hệ thống wifi cho KTX [H10.10.05.14]; ký hợp đồng với công ty PSC nâng cấp và hoàn thiện phần mềm Cổng thông tin điện tử, phần mềm đồng bộ dữ liệu E-Learning, phần mềm Tạp chí Khoa học online, phần mềm quản trị nhân sự và phần mềm kế toán thù lao giảng dạy [H10.10.05.15].

Mặt khác, Nhà trường luôn có những cải tiến để nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ hỗ trợ và tiện ích khác. Cụ thể, năm học 2018 - 2019, Nhà trường triển khai việc lắp đặt thêm máy lọc nước sạch tại các giảng đường, Nhà luyện tập thể dục thể thao, Trạm y tế, Trung tâm TTTL [H10.10.05.16]. Bộ phận giữ xe của Nhà trường cũng đã ứng dụng công nghệ thông tin trong việc theo dõi xe ra vào Trường [H10.10.05.17].

## *2. Điểm mạnh*

Nguồn tài liệu tham khảo ở Trung tâm TTTL thường xuyên được bổ sung.

Nhà trường quan tâm đầu tư các thiết bị tin học, hệ thống mạng.

Các phòng TN-TH được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết.

Hệ thống KTX của Trường được bố trí ở nơi yên tĩnh, an ninh tốt, đáp ứng tốt nhu cầu ăn ở, sinh hoạt và học tập của SV.

### *3. Điểm tồn tại*

Các tạp chí chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài còn hạn chế.

Chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực trong Nhà trường còn yếu.

Phòng TN-TH còn có một số thiết bị cũ chưa được thay thế.

Thiết bị thí nghiệm, thực hành chưa được thường xuyên bảo dưỡng.

### *4. Kế hoạch hành động*

Năm học 2018 - 2019, Nhà trường tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, phủ sóng wifi đủ mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho GV, SV khai thác và chia sẻ thông tin.

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường mua một số cơ sở dữ liệu tạo điều kiện cho GV và SV cập nhật tài liệu trên thế giới.

Khoa Hóa đề nghị Nhà trường tiếp tục đầu tư, nâng cấp các phòng TN-TH, hiện đại hóa các trang thiết bị phục vụ nhu cầu đào tạo và NCKH của GV và SV.

Năm học 2018 - 2019, Nhà trường thành lập Tổ bảo trì, sửa chữa để đảm bảo công việc bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các thiết bị phục vụ giảng dạy và NCKH.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

## ***Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến***

### *1. Mô tả*

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác đảm bảo chất lượng đối với sự phát triển của Nhà trường, từ năm 2009 Nhà trường đã thành lập Phòng KT&ĐBCL trên cơ sở tách bộ phận Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục ra từ Phòng Đào tạo đại học và sau đại học. Phòng KT&ĐBCL có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác KT&ĐBCL giáo dục của Nhà trường. Hiện nay, Phòng KT&ĐBCL là đầu mối xây dựng các quy định về việc lấy YKPH của các bên liên quan về CTĐT, CDR; chất lượng hoạt động giảng dạy của GV; hoạt động phục vụ và hỗ trợ đào tạo của đội ngũ chuyên viên và nhân viên; tình hình việc làm của SV tốt nghiệp,... [H10.10.06.01].

Giai đoạn 2010 - 2012, việc lấy YKPH của các bên liên quan chủ yếu được thực hiện dựa trên yêu cầu của Bộ GD&ĐT hoặc Nhà trường theo các nội dung như khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV, khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp sau một năm ra trường, khảo sát ý kiến của các đơn vị tuyển dụng SV khối ngành sư phạm trong quá trình tự đánh giá các CTĐT,... [H10.10.06.02] và việc khảo sát chủ yếu được các đơn vị chức năng thực hiện thông qua hình thức phát phiếu hỏi, nhập số liệu, tổng hợp kết quả khảo sát và báo cáo Bộ GD&ĐT hằng năm.

Đến năm 2013, nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin phản hồi từ người học về quá trình dạy-học mang tính hệ thống, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của đào tạo, Nhà trường đã ban hành Quy định về việc lấy YKPH từ người học về hoạt động giảng dạy của GV, các nội dung của quy định đã xác định rõ ý nghĩa, mục đích, đối tượng của khảo sát cũng như nội dung, công cụ, phương pháp, quy trình thu thập, sử dụng thông tin phản hồi và trách nhiệm của các bên liên quan [H10.10.06.03].

Trong quá trình thực hiện các khảo sát ý kiến SV, Phòng KT&ĐBCL đã thực hiện việc cải tiến công tác này thông qua thực hiện đề tài NCKH cấp Trường: “Xây dựng hệ thống khảo sát trực tuyến YKPH từ người học về hoạt động giảng dạy của GV và về chất lượng ngành học tại Trường Đại học Quy Nhơn” - năm 2013. Kết quả của đề tài đã xây dựng được phần mềm thu thập YKPH của SV về hoạt động giảng dạy của GV và về chất lượng ngành đào tạo. Phương thức khảo sát được tiến hành có hệ thống, khoa học với hình thức online trên trang web của Phòng KT&ĐBCL [H10.10.06.04]. Tuy nhiên, bên cạnh những tính năng hiệu quả, phương pháp khảo sát hoạt động giảng dạy online qua phần mềm cũng bộc lộ những mặt tồn tại như tỉ lệ SV tự nguyện tham gia khảo sát thấp, hệ thống máy chủ chưa đáp ứng được truy cập đồng thời với vài trăm SV khảo sát,... Hằng năm, Phòng KT&ĐBCL đều có văn bản báo cáo đánh giá về công tác khảo sát cùng với các đề xuất, kiến nghị Nhà trường cải tiến công tác này trong thời gian tới [H10.10.06.05].

Năm học 2017 - 2018, Nhà trường đã trang bị phần mềm khảo sát YKPH E-survey tích hợp cùng với phần mềm Quản lý đào tạo. Vì vậy, công tác thu thập thông tin phản hồi đã được cải tiến tốt, có tính hệ thống và đạt hiệu quả cao hơn [H10.10.06.06]. Bên cạnh đó, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường đánh giá và cải tiến thông qua việc ban hành “Quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHQN”. Quy định này nhằm đảm bảo việc thu thập, lựa



chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học; phương pháp đa dạng; công cụ khảo sát có độ tin cậy cao, nội dung được cập nhật; có thể đối sánh được ý kiến của các bên liên quan trong nhiều năm. Văn bản này cũng quy định mục đích, yêu cầu, quy trình tổ chức thực hiện và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong công tác lấy YKPH của các bên liên quan tại Trường ĐHQN về chất lượng hoạt động giảng dạy; CTĐT, CDR; tình hình việc làm; các hoạt động dịch vụ hỗ trợ đào tạo một cách rõ ràng, cụ thể và công khai minh bạch [H10.10.06.07]. Đồng thời, Nhà trường còn tiếp nhận YKPH của SV thông qua các buổi sinh hoạt lớp hằng tháng, các buổi đối thoại giữa SV với Lãnh đạo Trường, Lãnh đạo Khoa, ... [H10.10.06.08].

Trong quá trình điều chỉnh, cập nhật CTĐT trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học, Khoa đã tiến hành lấy YKPH của các bên liên quan thông qua nhiều hoạt động khác nhau như các hội thảo, các đợt thực tập tốt nghiệp, các chương trình ngày hội việc làm, tuyển dụng, .....Hệ thống bảng hỏi luôn có sự điều chỉnh phù hợp nhằm thu thập được các thông tin chuẩn xác và phù hợp nhất [H10.10.06.09], [H10.10.06.10], [H10.10.06.11].

Kết quả phản hồi của các bên liên quan [H10.10.06.09], [H10.10.06.10], [H10.10.06.11] được sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh chương trình đào tạo [H10.10.06.12], [H10.10.06.13]; cải tiến các hoạt động hỗ trợ và tiện ích khác [H10.10.06.14], [H10.10.06.15], [H10.10.06.16], [H10.10.06.17] nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Sư phạm Hóa học.

## *2. Điểm mạnh*

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường quy định bằng văn bản, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến thường xuyên.

Hệ thống phần mềm hỗ trợ việc lấy YKPH của các bên liên quan đảm bảo tính hệ thống và khoa học.

Nội dung các Phiếu khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV, về CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật.

Kết quả phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và có sự điều chỉnh, cải tiến.

## *3. Điểm tồn tại*

Tỉ lệ SV tham gia khảo sát của Nhà trường còn chưa cao dẫn đến kết quả khảo

sát về hoạt động giảng dạy và CTĐT chưa đạt được hiệu quả như mong đợi.

Khoa chưa thường xuyên tổ chức hội thảo với các nhà sử dụng lao động để kịp thời nắm bắt nhu cầu của thị trường lao động.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Năm học 2018 - 2019, Nhà trường có kế hoạch thực hiện việc cải tiến điều chỉnh nội dung phiếu khảo sát đảm bảo tính ngắn gọn, dễ hiểu hơn và tăng cường các biện pháp nâng cao ý thức của SV trong việc thực hiện các khảo sát của Nhà trường.

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa thường xuyên tổ chức hội thảo với các nhà sử dụng lao động qua đó thu thập các YKPH làm cơ sở để điều chỉnh CTĐT nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của thị trường lao động.

#### *5. Tự đánh giá:*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 4/7.

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 10***

Để đảm bảo và nâng cao CLĐT ngành Sư phạm Hóa học, việc thiết kế và phát triển CTDH của Khoa được dựa trên cơ sở thu thập thông tin phản hồi từ phía cán bộ quản lý, GV và SV thông qua các phiếu điều tra khảo sát để đáp ứng với CĐR. Quy trình thiết kế và phát triển chương trình học đã được thiết lập, có sự rà soát đánh giá và cải tiến theo định kỳ. GV đã thực hiện nghiêm túc đề cương môn học, luôn bám sát mục tiêu của môn học và mục tiêu CTĐT hướng tới đạt CĐR. Kết quả học tập của SV được đánh giá nghiêm túc, hình thức đánh giá đa dạng thông qua điểm giữa kỳ, điểm chuyên cần và bài thi cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp và thực tập sư phạm hướng tới đạt CĐR. Hoạt động NCKH của người học được Nhà Trường và Khoa chú trọng, gắn chặt và phục vụ cho công tác đào tạo của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thường xuyên được rà soát và nâng cao để đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt chất lượng tốt.

Để không ngừng đảm bảo và nâng cao chất lượng CTĐT, Nhà Trường và Khoa Hóa sẽ có quy định rõ trách nhiệm của các bộ phận và các cá nhân trong quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Hằng năm, Nhà Trường và Khoa định kì thu thập và phân tích các thông tin phản hồi từ cựu SV và nhà sử dụng lao động để điều chỉnh CTDH, cải tiến nâng cao CLĐT.

**Tiêu chuẩn 10 có 3 tiêu chí đạt mức 4/7 và 3 tiêu chí đạt mức 5/7.**

## **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra**

### ***Mở đầu***

Việc đánh giá kết quả đầu ra của người học được thực hiện dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN. Việc đánh giá bắt đầu ngay từ khi tuyển sinh đầu vào, trong suốt quá trình học tập của SV cho tới khi tốt nghiệp và sau khi tốt nghiệp thông qua tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó, Khoa Hóa cũng căn cứ vào các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học để đánh giá chất lượng đầu ra. Trong việc đổi mới căn bản, toàn diện của giáo dục nói chung và GDĐH nói riêng hiện nay, nhân tố quyết định cho sự tồn tại và phát triển CTĐT chính là sự hài lòng của các bên liên quan. Công tác lấy YKPH về hoạt động giảng dạy của GV, về CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học, về CSVC, trang thiết bị,... được triển khai đối với các bên liên quan để làm cơ sở cải tiến CLĐT.

***Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

#### ***1. Mô tả***

Với chức năng tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát toàn bộ công tác giảng dạy, học tập các hệ đào tạo chính quy bậc đại học của Trường, Phòng Đào tạo đại học và Phòng KT&ĐBCL là các đơn vị theo dõi tỉ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp [H11.11.01.01]. Kết quả theo dõi tỉ lệ SV thôi học, SV tốt nghiệp là cơ sở để Trường và Khoa đối sánh nhằm cải tiến CLĐT. Việc theo dõi, cập nhật danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học được Nhà trường thực hiện đúng Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống TC [H11.11.01.02].

Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo với đầy đủ các tiện ích để giám sát toàn bộ hoạt động đào tạo của Nhà trường [H11.11.01.03]. Do đó, các số liệu dễ dàng được trích xuất, đối chiếu với các điều kiện theo quy chế, tạo thuận lợi cho việc theo dõi tình hình tốt nghiệp và thôi học của SV. Dựa trên kết quả tốt nghiệp và kết quả cảnh báo học tập, Nhà trường sẽ xác định, đánh giá và đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp, tỉ lệ SV thôi học.

Việc xét tốt nghiệp của người học được thực hiện khi người học hoàn thành CTĐT. Khoa Hóa, Phòng Đào tạo đại học, Phòng KT&ĐBCL, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Thanh tra – Pháp chế sẽ trích xuất số liệu, đối chiếu giữa các bộ phận để

kiểm tra và trình kết quả lên Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường để xem xét ra quyết định tốt nghiệp cho SV [H11.11.01.04]. Công tác xét cảnh báo học tập, thôi học cũng được tiến hành theo cách thức tương tự, phối hợp đối chiếu giữa các bộ phận để giảm thiểu sai sót và thông qua Hội đồng xét kết quả học tập của SV [H11.11.01.05].

Kết quả xét cảnh báo học tập và thôi học được thông báo đến SV thông qua tài khoản cá nhân; quyết định cảnh báo, thôi học (bản scan) cũng được gửi đến SV thông qua CVHT và lớp trưởng. Những SV bị buộc thôi học do kết quả học tập yếu sẽ được xem xét mức độ, nguyện vọng của SV đối với ngành học để có quyết định cho SV đó tiếp tục theo học hay không [H11.11.01.06]. Điều này cho thấy sự quan tâm của Nhà trường đến việc học cũng như sự tiến bộ của SV. Đối với các SV thôi học do nguyện vọng cá nhân, Nhà trường, Khoa và CVHT đều có sự trao đổi, tư vấn để có thể hỗ trợ kịp thời theo nguyện vọng của SV.

Số liệu SV tốt nghiệp, số liệu SV thôi học của ngành Cử nhân Sư phạm Hóa học sẽ được Khoa đối chiếu với các học kỳ trước, để tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục.

**Bảng 11.1.1. Số lượng SV tốt nghiệp, thôi học  
từ khóa học 2010-2014 đến khóa học 2014-2018**

| Khóa học  | Số lượng SV tuyển sinh | Số lượng SV tốt nghiệp |       |         |      | Số lượng SV thôi học |        |        |          |      |
|-----------|------------------------|------------------------|-------|---------|------|----------------------|--------|--------|----------|------|
|           |                        | < 4 năm                | 4 năm | > 4 năm | Tổng | Năm 01               | Năm 02 | Năm 03 | > năm 03 | Tổng |
| 2010-2014 | 87                     |                        | 71    | 12      | 83   | 1                    | 3      | 0      | 0        | 4    |
| 2011-2015 | 94                     |                        | 77    | 11      | 84   | 5                    | 0      | 2      | 0        | 5    |
| 2012-2016 | 72                     |                        | 58    | 6       | 64   | 0                    | 7      | 0      | 0        | 7    |
| 2013-2017 | 87                     |                        | 74    | 4       | 78   | 1                    | 2      | 0      | 0        | 3    |
| 2014-2018 | 64                     |                        | 55    | 1       | 56   | 3                    | 0      | 0      | 0        | 3    |

Dữ liệu ở Bảng 11.1.1. cho thấy, tỉ lệ SV thôi học thấp, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn khá cao. Tỉ lệ SV thôi học chủ yếu là ở năm thứ nhất và thứ hai. Nguyên nhân thôi học là do một số ít SV vì không trúng tuyển NV1 theo sở thích nên đăng ký NV2 vào ngành Sư phạm Hóa học và sau 1 năm học, SV đăng ký thi lại. Vì vậy, trong quá trình học SV dành nhiều thời gian ôn thi cho kỳ thi THPT Quốc gia hơn là cho việc học ở

lớp trong CTĐT ngành Sư phạm Hóa học. Ngoài ra, việc SV thôi học còn do một số SV không đáp được các yêu cầu tích lũy tối thiểu của CTĐT [H11.11.01.05]. Đối với những SV tốt nghiệp trễ hạn là do chưa hoàn thành CTĐT hoặc thiếu các chứng chỉ cần thiết như tin học, ngoại ngữ nên không được xét tốt nghiệp [H11.11.01.07].

Để gia tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỉ lệ SV bỏ học Nhà trường đã có các biện pháp tư vấn, cung cấp thông tin rất cụ thể về triển vọng nghề nghiệp và CTĐT ngay từ đầu các đợt tuyển sinh, để đáp ứng nhu cầu của người học. Thông tin này được công bố rộng rãi trên website của Nhà trường, thông qua hệ thống tư vấn trực tuyến trên website, hoặc các đợt tư vấn tuyển sinh trực tiếp của Nhà trường tại các địa phương [H11.11.01.08]. Nhờ vậy, tỉ lệ thôi học 2 năm đầu của ngành Sư phạm Hóa học đã có sự giảm dần qua các năm.

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hiện đại giúp việc theo dõi, cập nhật danh sách SV, SV thôi học, SV tốt nghiệp được kịp thời và chính xác.

Việc thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học được thực hiện thường xuyên và có nhiều biện pháp hạn chế người học bị buộc thôi học, giúp người học tốt nghiệp đúng thời hạn.

Các CVHT, trợ lý đào tạo của Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua CVHT từ những buổi sinh hoạt lớp, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Lãnh đạo Khoa và Nhà trường để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh.

### *3. Điểm tồn tại*

Đội ngũ CVHT của Khoa chưa phát huy hết khả năng tư vấn cho người học trong việc đăng ký học phân, học lại hoặc các điều kiện đủ chuẩn để xét tốt nghiệp.

SV chưa chủ động với kế hoạch học tập để hoàn thành các điều kiện CDR về ngoại ngữ và tin học.

### *4. Kế hoạch hành động*

Năm học 2020 - 2021, Khoa tiếp tục theo dõi sát tình hình SV thôi học, tốt nghiệp để có biện pháp hỗ trợ người học kịp thời. Phát huy hơn nữa vai trò của CVHT trong việc tư vấn, tìm hiểu năng lực người học để hướng dẫn người học đăng ký học phân phù hợp, bố trí thời gian hợp lý để hoàn thành chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học. Phối hợp kịp thời với gia đình SV để tăng cường sự quản lý, giáo dục ý thức cho SV.

## 5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

### **Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh có chất lượng**

#### 1. Mô tả

Phòng Đào tạo đại học và Phòng KT&ĐBCL là các đơn vị theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV [H11.11.02.01]. Thời gian tốt nghiệp là thời gian của một khóa đào tạo, là thời gian cần thiết cho những SV hoàn thành CTĐT của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Từ năm 2010, Khoa Hóa, Trường ĐHQN bắt đầu thực hiện quy định đào tạo theo hệ thống TC [H11.11.02.02], [H11.11.02.03]. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm, thời gian tối đa là 6 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm [H11.11.02.02], [H11.11.02.03]. Trong 5 năm học gần đây, có khoảng 95 - 97% SV hoàn thành chương trình và được cấp bằng Cử nhân Sư phạm Hóa học.

**Bảng 11.2.1. Số lượng và tỉ lệ SV tốt nghiệp  
từ năm học 2013-2014 đến năm học 2017-2018**

| <b>Năm học</b> | <b>Số lượng SV<br/>toàn khóa</b> | <b>Số lượng SV hoàn<br/>thành CTĐT</b> | <b>Tỉ lệ SV tốt<br/>nghiệp (%)</b> |
|----------------|----------------------------------|--|------------------------------------|
| 2013 - 2014    | 84                               | 81                                     | 96,43                              |
| 2014 - 2015    | 86                               | 84                                     | 97,67                              |
| 2015 - 2016    | 65                               | 64                                     | 98,46                              |
| 2016 - 2017    | 80                               | 76                                     | 95,00                              |
| 2017 - 2018    | 58                               | 56                                     | 96,55                              |

Dữ liệu ở Bảng 11.2.1. cho thấy, tỉ lệ phần trăm SV Khoa Hóa hoàn thành CTĐT qua từng năm học thấp nhất là 95% và cao nhất 98,46%. Đối với năm học 2016 - 2017, tỉ lệ hoàn thành CTĐT có thấp hơn so với các năm trước. Điều này được lý giải do có một tỉ lệ nhỏ (khoảng 5%) SV chưa hoàn thành các yêu cầu CDR như: CTĐT, chứng chỉ giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất [H11.11.02.04]. Trên thực tế, Nhà trường và Khoa đã có những kế hoạch thông báo cho SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để tốt nghiệp đúng tiến độ [H11.11.02.05], [H11.11.02.06].

## *2. Điểm mạnh*

SV có ý thức với tiến độ học tập của mình, Lãnh đạo Khoa luôn nắm được tiến độ học tập của SV thông qua Trợ lý đào tạo, CVHT để hỗ trợ SV, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (với những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT.

## *3. Điểm tồn tại*

Trong quá trình đào tạo, một số SV bảo lưu kết quả học tập nên khi tiếp tục học lại đã bị lệch một số học phần do sự thay đổi CTĐT (CTĐT năm 2010 với CTĐT năm 2015 và 2018). Vì vậy, SV khó khăn trong việc tìm học phần thay thế phù hợp để đảm bảo đủ số lượng TC yêu cầu trong CTĐT ngành Sư phạm Hóa học.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ đề xuất các học phần thay thế cho các học phần không còn trong CTĐT hiện hành hoặc các học phần bị thay đổi số TC để cho SV bảo lưu được việc học thay thế khi quay trở lại tiếp tục học tập.

## *5. Tự đánh giá:*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

### ***Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

#### *1. Mô tả*

Tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp là một trong các khâu quan trọng đánh giá chất lượng của CTĐT. Vì vậy, từ năm học 2010 - 2011, Nhà trường đã ra quyết định thành lập Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp [H11.11.03.01]. Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp có sự điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ theo nhu cầu thực tiễn [H11.11.03.02]. Trung tâm có chức năng tổ chức các hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV về học tập, định hướng nghề nghiệp, hỗ trợ tìm kiếm việc làm; lưu trữ thông tin người học tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm,... [H11.11.03.03].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều thực hiện kế hoạch khảo sát việc làm của SV sau 01 năm tốt nghiệp. Việc khảo sát việc làm của SV được tiến hành bằng nhiều hình thức khảo sát khác nhau như: phát phiếu khảo sát trực tiếp, khảo sát trực tiếp, thư điện tử, gọi điện,... Từ năm 2015 đến nay, các dữ liệu về SV tốt nghiệp, dữ liệu về

người học có việc làm đều được lưu trữ tại Khoa và Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, đồng thời đăng tải lên website của Nhà trường, báo cáo, cập nhật vào hệ thống dữ liệu của Bộ GD&ĐT theo đúng quy định [H11.11.03.04], [H11.11.03.05]. Sau mỗi đợt khảo sát, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đều tổng hợp kết quả gửi về các khoa. Kết quả cho thấy, SV theo học hệ cử nhân Sư phạm Hóa học sau khi ra trường có việc làm chiếm 98% (năm 2015), 98,39 % (năm 2016) và 80,26 % (năm 2017)[H11.11.03.06]. Nhìn chung, các SV tốt nghiệp CTĐT Sư phạm Hóa học hầu hết đều có kiến thức và kỹ năng sư phạm tốt. Chính vì vậy, cơ hội tìm việc làm thuận lợi, hầu hết các em đều có công việc thích hợp.

Năm 2016, Nhà trường đã lập kế hoạch khảo sát, ký hợp đồng khảo sát việc làm của cựu SV với 10 Sở GD&ĐT trong khu vực [H11.11.03.07], [H11.11.03.08]. Tổ chức lấy ý kiến của đơn vị sử dụng lao động (Hiệu trưởng các trường phổ thông) về chất lượng đào tạo, về kiến thức, kỹ năng của SV Nhà trường sau khi tốt nghiệp, cũng như khảo sát cựu SV tốt nghiệp về CTĐT. Kết quả cho thấy, phần lớn các cơ sở giáo dục đánh giá cao về năng lực sư phạm của cựu SV [H11.11.03.09].

Từ những kết quả nhận được, Khoa đã tiến hành đánh giá, so sánh tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp. Đây là cơ sở để Nhà trường và Khoa điều chỉnh CTĐT theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, nhằm gắn kết các đơn vị sử dụng lao động với CSGD.

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có đơn vị chuyên trách hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Công tác khảo sát việc làm của SV được tiến hành nghiêm túc, kết quả thu được chính xác, tin cậy góp phần điều chỉnh, cập nhật CTĐT phù hợp với nhu cầu xã hội.

Phần lớn SV ngành Sư phạm Hóa học đều có công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

## *3. Điểm tồn tại*

Tỉ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp có xu hướng giảm trong thời gian gần đây. Việc phân tích nhu cầu của thị trường lao động thực hiện chưa thường xuyên.

Khoa chưa thành lập được Ban liên lạc cựu SV để tạo mối liên hệ thường xuyên giữa cựu SV với Khoa.

## *4. Kế hoạch hành động*

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường đa dạng hóa các hình thức khảo sát tình



hành việc làm của SV; tiến hành điều tra khảo sát nhu cầu của thị trường lao động (lấy ý kiến của các nhà sử dụng lao động, ý kiến của cựu SV) thường xuyên hơn từ đó phân tích nguyên nhân nhằm cải tiến, chỉnh sửa CTĐT cho phù hợp với thực tiễn.

Khoa thành lập Ban liên lạc cựu SV để nắm bắt thông tin phản hồi của SV nhằm cải tiến CTĐT.

#### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

### ***Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

#### *1. Mô tả*

Nhận thức được tầm quan trọng của NCKH trong việc nâng cao chất lượng dạy và học, GV Khoa Hóa không chỉ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo mà còn tích cực tham gia hướng dẫn SV NCKH các cấp với những công trình đạt kết quả cao.

Ngay khi có kế hoạch triển khai của Nhà trường, các GV trong khoa đã khuyến khích, tạo mọi điều kiện thuận lợi để người học tham gia hoạt động NCKH ngay từ năm thứ nhất [H11.11.04.01]. Bên cạnh việc hướng dẫn tận tình của GV, Nhà trường còn hỗ trợ kinh phí để tạo điều kiện cho SV thực hiện đề tài [H11.11.04.02]. Trong quá trình triển khai, tiến độ thực hiện và sản phẩm của đề tài luôn được theo dõi, giám sát và báo cáo về Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế [H11.11.04.03]. Hằng năm, Khoa tổ chức nghiệm thu đề tài NCKH SV và dữ liệu về hoạt động NCKH của SV luôn được lưu trữ để làm cơ sở cho việc đánh giá chất lượng NCKH. Số lượng SV tham gia NCKH ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Nhiều đề tài đạt giải cao trong các cuộc thi NCKH SV cấp Trường và cấp Bộ [H11.11.04.04].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết công tác NCKH SV để tổng kết, đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những mặt tồn tại từ đó có biện pháp nâng cao chất lượng NCKH SV [H11.11.04.05]. Nhà trường đã tiến hành khen thưởng các SV có thành tích cao và GV hướng dẫn đạt giải thưởng SV NCKH các cấp nhằm tạo động lực và duy trì hiệu quả phong trào NCKH SV trong khoa.

#### *2. Điểm mạnh*

Các GV trong Khoa là các nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu, giảng dạy, có nhiều công trình NCKH đăng trên các

tạp chí chuyên ngành có uy tín trong nước và quốc tế... Do đó, đây là một trong những điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn SV nghiên cứu, thực hành.

SV trong Khoa có truyền thống NCKH, các dữ liệu về NCKH SV được lưu trữ, kế thừa giúp SV các khóa sau dễ dàng tiếp cận, nghiên cứu.

### *3. Điểm tồn tại*

Nguồn kinh phí hỗ trợ NCKH SV chưa nhiều, thời gian nghiên cứu hạn chế do SV phải thực hành nhiều.

Một bộ phận SV chưa nhận thức được tầm quan trọng của NCKH đối với nghề nghiệp tương lai.

### *4. Kế hoạch hành động*

Năm học 2020 - 2021, Khoa Hóa tiếp tục đề xuất với Nhà trường về việc tăng cường hỗ trợ kinh phí và tìm các nguồn hỗ trợ khác từ các doanh nghiệp, cơ quan cho hoạt động NCKH SV. Đồng thời, có kế hoạch hướng dẫn các nhóm SV tham gia NCKH sử dụng nguồn kinh phí được hỗ trợ hợp lý trong quá trình thực hiện đề tài.

Tuyên truyền và định hướng ngay từ đầu khóa học cho SV về tầm quan trọng của NCKH và phát huy sự ảnh hưởng của các nhà giáo trong Khoa có các công trình NCKH giá trị, tạo động lực cho SV trong Khoa đam mê NCKH.

### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

## ***Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

### *1. Mô tả*

Sự hài lòng của các bên liên quan là căn cứ quan trọng để duy trì, cải tiến chất lượng CTĐT. Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chuyên trách được giao nhiệm vụ thường xuyên khảo sát, đánh giá sự hài lòng của các đối tượng liên quan đến CTĐT [H11.11.05.01], [H11.11.05.02]. Việc đánh giá dựa trên Quy định lấy YKPH của các bên liên quan tại trường ĐHQN [H11.11.05.03]. Nhà trường sử dụng phần mềm E-survey tích hợp cùng với phần mềm quản lý đào tạo nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan có hệ thống, khách quan, khoa học và tin cậy. Mỗi SV có một tài khoản cá nhân để đăng nhập và trả lời khảo sát. Việc khảo sát được tiến hành với nhiều nội dung khác nhau.

Nhà trường đã ban hành Quy định lấy YKPH từ người học về hoạt động giảng dạy của GV [H11.11.05.04], thường xuyên xây dựng kế hoạch, các văn bản triển khai việc khảo sát, lấy YKPH của người học về nhiều nội dung liên quan đến hoạt động giảng dạy của GV, chất lượng ngành đào tạo từ phía SV và từ cơ sở có SV thực tập, sự hài lòng của GV và SV về CSVC, thiết bị phục vụ học tập [H11.11.05.05], [H11.11.05.06], [H11.11.05.07].

Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng và cựu SV liên quan đến CTĐT và về CLĐT ngành Sư phạm Hóa học [H11.11.05.08]. Thực hiện 01 đề tài NCKH cấp Trường thu thập YKPH của các tổ chức giáo dục, các nhà tuyển dụng lao động, người học đã tốt nghiệp trên địa bàn các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên để phân tích đánh giá một cách khoa học khả năng đáp ứng yêu cầu công tác của SV đã tốt nghiệp khỏi ngành Sư phạm [H11.11.05.09]. Bên cạnh đó, hoạt động giảng dạy và NCKH của GV cũng được đánh giá bởi đồng nghiệp và cán bộ quản lý. Kết quả đánh giá là cơ sở để đánh giá, xếp loại viên chức hằng năm và được trình bày trong báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học [H11.11.05.10].

Từ kết quả nhận được qua việc khảo sát, lấy ý kiến từ các bên liên quan về mọi mặt của hoạt động đào tạo, Nhà trường và Khoa đã có sự tổng hợp, phân tích và so sánh so sánh. Đây là căn cứ quan trọng để Khoa, Nhà trường cải tiến CTĐT [H11.11.05.11], [H11.11.05.12]. Nhà trường đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động dạy, học và NCKH đáp ứng các yêu cầu của ngành đào tạo, đáp ứng sự hài lòng của người học, nhà sử dụng lao động, và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho sự phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội của khu vực và cả nước [H11.11.05.13], [H11.11.05.14], [H11.11.05.15].

## *2. Điểm mạnh*

Đã có kế hoạch cụ thể và triển khai với nhiều hình thức lấy YKPH từ các bên liên quan đến CTĐT, CLĐT, hoạt động của GV, CSVC, năng lực của SV ngành Sư phạm Hóa học.

CTĐT ngành Sư phạm Hóa học định kỳ được cải tiến, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế trên cơ sở phản hồi từ các bên liên quan.

## *3. Điểm tồn tại*

Mức độ hài lòng của các bên liên quan chưa được đối sánh để có thêm cơ sở cải tiến chất lượng CTĐT.

#### *4. Kế hoạch hành động*

Năm học 2020 - 2021, Nhà trường tiếp tục duy trì việc lấy YKPH của SV đối với động giảng dạy của GV, đối với CTĐT; thiết lập được thông tin 2 chiều giữa lãnh đạo Nhà trường với các GV; thường xuyên nâng cao chất lượng và hình thức lấy YKPH nhất là đối với SV.

Nhà trường và Khoa sẽ thiết lập mối quan hệ chặt chẽ hơn, thường xuyên hơn giữa GV - SV - nhà sử dụng lao động để đảm bảo sự tương tác, phản hồi thường xuyên, tin cậy và chất lượng.

#### *5. Tự đánh giá*

Tự đánh giá tiêu chí: Đạt, mức 5/7.

### ***Kết luận về Tiêu chuẩn 11***

Xác định được tầm quan trọng của kết quả đầu ra, Nhà trường đã có hệ thống quản lý quá trình học tập của người học và thông tin người học tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm một cách có hiệu quả. Từ dữ liệu lưu trữ, Khoa đã đối chiếu để tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các biện pháp khắc phục cũng như có những hỗ trợ, tư vấn kịp thời cho SV. Trong quá trình đào tạo, Khoa cũng đẩy mạnh các hoạt động NCKH của người học và hoạt động này được giám sát chặt chẽ. Đồng thời, YKPH của GV, SV, cựu SV và nhà sử dụng lao động luôn được xác lập, giám sát và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng CTĐT.

Từ năm học 2019 - 2020, Khoa Hóa sẽ đẩy mạnh phong trào NCKH trong toàn thể SV trong Khoa, phát triển các Câu lạc bộ chuyên môn, đào tạo kỹ năng mềm, ... nhằm trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp các em đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau tốt nghiệp.

**Tiêu chuẩn 11 có 5 tiêu chí đạt mức 5/7.**

### **PHẦN III: KẾT LUẬN**

Khoa Hóa, Trường ĐHQN đã tiến hành tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Sư phạm Hóa học một cách nghiêm túc, đầy đủ, đảm bảo tính chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT của ngành Sư phạm Hóa học dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT.

Qua việc tự đánh giá, Khoa Hóa đã nhận diện được những điểm mạnh và những điểm tồn tại trong công tác quản lý, đào tạo, trong các hoạt động chuyên môn của đơn vị...; trên cơ sở đó đề ra kế hoạch hành động nhằm phát huy những ưu điểm, những mặt đã làm được, khắc phục những mặt còn hạn chế, tiếp tục duy trì và cải tiến chất lượng trong quá trình hoạt động của mình.

#### **1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học**

##### ***1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

Mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHQN, phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật giáo dục đại học hiện hành và phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động. Mục tiêu này được chi tiết hóa bằng các mục tiêu cụ thể về: Kiến thức và lập luận ngành; kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường nhà trường và xã hội.

CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu riêng về năng lực sư phạm. Đồng thời, CĐR cũng thể hiện các mức năng lực theo thang đánh giá nhận thức Bloom mà người học phải đạt được để hoàn thành CTĐT. Từ đó, người học có thể hình dung sau khi tốt nghiệp sẽ làm được việc gì và nhà sử dụng lao động cũng biết được năng lực về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và khả năng nhận thức khoa học và công nghệ của người học. CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được định kì bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Nhà trường và tham khảo các CTĐT ngành Sư phạm Hóa học của các trường uy tín trong nước và ý kiến từ các bên liên quan. CĐR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được công bố công khai dưới nhiều hình thức như tuần sinh hoạt chính trị đầu năm, đầu khóa của SV; qua website của Khoa và Trường.

## ***1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo***

CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được xây dựng, thẩm định, ban hành theo đúng các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT; có tham khảo CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước; có sự tham gia góp ý của GV trực tiếp giảng dạy, SV, CB quản lý giáo dục, cựu SV và nhà sử dụng lao động.

Các nội dung và thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Hóa học đáp ứng cả chiều rộng và chiều sâu một cách hài hòa và hợp lý, trong đó chiều rộng của chương trình được đảm bảo bởi mối quan hệ ngang (mối quan hệ bổ sung) giữa các học phần kiến thức chung và chuyên ngành cụ thể và chiều sâu của chương trình được đảm bảo bởi mối quan hệ dọc (mối quan hệ ràng buộc) trong suốt khóa học. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật dựa trên phản hồi của các GV, SV, cựu SV, nhà sử dụng lao động nhằm cải tiến phương pháp giảng dạy và cập nhật nội dung chương trình đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình của Bộ GD&ĐT.

Tất cả ĐCCTHP của ngành Sư phạm Hóa học thể hiện đầy đủ các thông tin, được rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với CTĐT và CĐR của chương trình.

Việc công bố công khai Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP dưới nhiều hình thức khác nhau giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận như giúp SV, học sinh có nguyện vọng học tại Trường dễ dàng nắm bắt chương trình định hướng học tập, giúp các nhà sử dụng lao động nắm bắt thông tin về kiến thức mà người học được trang bị để dễ dàng góp ý, xây dựng chương trình phù hợp với thực tế, từ đó giúp Khoa có nhiều thông tin để rà soát, sửa đổi CTĐT cho phù hợp.

## ***1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học***

CTDH được thiết kế có tính khoa học, hợp lý về tỉ lệ giữa các khối kiến thức và dựa trên CĐR. Mỗi học phần trong CTDH được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT được thể hiện qua ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT.

Các học phần trong CTĐT được thiết kế linh hoạt, bổ trợ cho nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho SV tiếp cận, lĩnh hội kiến thức và các kỹ năng mềm. ĐCCTHP đều có yêu cầu kiến thức về điều kiện học phần học trước; thể hiện rõ ràng về mục tiêu cần đạt theo CĐR của học phần và CĐR của CTĐT; có nêu rõ phương pháp dạy học theo hướng tích cực, hình thức kiểm tra đánh giá đảm bảo tính khách quan, chính xác.

CTDH ngành Sư phạm Hóa học được cấu trúc theo hệ thống, bảo đảm trình tự

logic đi từ kiến thức cơ bản chung đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn của ngành. Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và đặc biệt, có tích hợp giữa lý thuyết với thực hành; có học phần thực hành trong phòng TN-TH và thực tập ở môi trường thực tế. Nội dung CTDH cũng luôn được cập nhật dựa trên YKPH của SV và cựu SV, của GV trực tiếp giảng dạy và các bên liên quan khác. Ngoài ra, CTDH được thiết kế hợp lý từ học phần học trước; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm thực hiện cho đến kế hoạch dạy học chi tiết và phương pháp kiểm tra, đánh giá người học một cách khoa học, khách quan, chính xác. Đồng thời, mỗi cán bộ giảng viên tham gia giảng dạy luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được CĐR của học phần và của CTĐT.

#### ***1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường ĐHQN cũng như mục tiêu của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến công khai đến cán bộ, giảng viên và người học trong toàn Trường:

Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp và thường xuyên được cải tiến, điều chỉnh để đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu thực tế. CTĐT có nhiều hoạt động thực tế sản xuất, thực tập sư phạm, kết hợp với hoạt động NCKH giúp SV đạt được CĐR.

CTĐT cũng chú ý lựa chọn, thiết kế các phương pháp, hoạt động dạy và học đa dạng, hiệu quả, thúc đẩy và tạo điều kiện để SV rèn luyện các khả năng tự khám phá, kiến tạo và vận dụng kiến thức, các kỹ năng tư duy phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm..., qua đó nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu suốt đời.

#### ***1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học***

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mục tiêu giáo dục của CTĐT, của các học phần môn học; bám sát các yêu cầu của CĐR và bảo đảm phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

Nhà trường đã ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quy định về việc đánh giá kết quả học tập của SV. Kế hoạch, những quy định và các phương thức, hình thức kiểm tra đánh giá đều được Phòng đào tạo đại học và trợ lý đào tạo của Khoa phổ biến rộng rãi, công khai đến tất cả SV từ đầu năm học, khi bắt đầu và kết thúc các học phần, bằng sổ tay SV và quy chế đào tạo. Các kỳ thi đều được tổ chức theo một quy trình chặt chẽ từ

khâu ra đề thi đến coi thi, chấm thi, nhập điểm, xét tốt nghiệp, cấp phát văn bằng, ... Bên cạnh đó, các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát luôn được chú trọng, tăng cường nhằm đảm bảo tính hiệu quả của các quy trình kiểm tra, đánh giá; vì vậy, kết quả kiểm tra đánh giá bảo đảm tính an toàn, khách quan, công bằng, hạn chế tối đa các sai sót.

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng về hình thức và phương pháp: kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập nhóm, cá nhân, kiểm tra giữa kì, cuối kì, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình các chủ đề của các học phần,... Đối với các học phần TN-TH còn có thêm sự đánh giá người học về các tiêu chí như thái độ nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, sự tuân thủ quy tắc an toàn khi tiến hành thí nghiệm, kỹ năng nghiên cứu,... Tất cả các đề thi, thang điểm chấm và đáp án của các học phần đều được Trường bộ môn phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng, vì vậy đảm bảo độ tin cậy, tránh nhầm lẫn, sai sót. Đa số YKPH của người học hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV.

Kết quả kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được phản hồi kịp thời, công bố đúng quy định. Mỗi SV đều được cấp 1 tài khoản riêng nên rất thuận lợi trong việc tra cứu kết quả học tập. Cuối mỗi học kỳ, SV được cấp bảng điểm để kiểm tra, đối chiếu kết quả học tập và kiến nghị điều chỉnh nếu phát hiện có sai sót. Sau khi có kết quả học tập ở mỗi học kỳ, Khoa đều triển khai cho CVHT tổ chức họp lớp để khuyến khích SV có kết quả học tập tốt và động viên, tư vấn cho SV thuộc diện cảnh báo học tập nhằm giúp các SV này cải thiện kết quả học tập.

Nhà trường và Khoa đều tạo điều kiện thuận lợi để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập. Ngay sau khi có kết quả kiểm tra đánh giá, SV được chủ động trao đổi, hỗ trợ trực tiếp từ CVHT, từ GV thông qua thư điện tử hoặc gặp gỡ trực tiếp. Khoa đã giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại Trường.

### ***1.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên***

Nhà trường và Khoa luôn quan tâm xây dựng và phát triển đội ngũ GV đủ về số lượng và nâng chuẩn chất lượng, bảo đảm tính kế thừa, đáp ứng tốt các yêu cầu hoạt động chuyên môn và quản lý. Kế hoạch tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng đúng quy định nên Khoa Hóa đã xây dựng được một đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn



cao, mạnh về năng lực và sẵn sàng thực hiện các hoạt động giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng; một số GV còn tham gia hợp tác nghiên cứu tại các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Tỉ lệ người học/GV và khối lượng công việc của từng GV trong Khoa được xác định rõ ràng và được giám sát bởi các đơn vị chức năng trong Nhà trường, góp phần để đảm bảo và nâng cao CLĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để đáp ứng tốt CTĐT ngành Sư phạm Hóa học, cũng như các ngành học khác.

Khoa tuyển được đội ngũ GV đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, trình độ ngoại ngữ, tin học, khả năng NCKH và nghiệp vụ sư phạm. Nhiều GV được tuyển dụng làm việc tại Khoa được đào tạo hoặc hợp tác nghiên cứu ở các trường Đại học có uy tín của nước ngoài (Bỉ, Thụy Sĩ, Hà Lan, Pháp, Hàn Quốc, ...) nên có trình độ tiếng Anh tốt có thể đáp ứng yêu cầu giảng dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh. Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong NCKH và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, đạo đức nhà giáo.

Năng lực của đội ngũ GV được xác định và đánh giá qua trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng giảng dạy, đạo đức nghề nghiệp và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Khoa hiện có nhiều GV có học hàm PGS, TS với tỉ lệ cao, đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên được Nhà trường và Khoa xác định rõ và đã triển khai nhiều hoạt động để đáp ứng nhu cầu đó. Nhà trường có chế độ đãi ngộ cụ thể về kinh phí và thời gian để khuyến khích GV, chuyên viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên được Nhà trường và Khoa triển khai nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã ban hành các văn bản Quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH. Trên cơ sở đó, hằng năm các cán bộ GV đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy tối thiểu và hoàn thành số giờ định mức về NCKH theo quy định. Hằng năm, Nhà trường và Khoa sẽ căn cứ vào kết quả công việc của GV để đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng.

Đội ngũ GV Khoa Hóa tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp nhà nước, xuất bản sách chuyên khảo, công bố các bài báo

khoa học có chất lượng cao trong các hội thảo, các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, trong đó có các tạp chí có chỉ số ISSN và SCOPUS.

### ***1.7. Đội ngũ nhân viên***

Hầu hết đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai. Các thông báo, kế hoạch, tiêu chuẩn, vị trí việc làm cũng như kết quả tuyển dụng đều được thực hiện nghiêm túc và công khai, minh bạch.

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên của Trường nói chung và của Khoa Hóa nói riêng được thực hiện thường xuyên hàng năm. Các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể. Kết quả đánh giá đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên các đơn vị trong Trường được xác định. Nhà trường có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

Nhà trường triển khai việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, dựa vào kết quả công việc để đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng đã góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### ***1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công khai và cập nhật thường xuyên trên các kênh truyền thông của Khoa Hóa và Nhà trường nên người học dễ tiếp cận, nắm bắt đầy đủ thông tin khi đăng ký xét tuyển vào Trường.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công khai, cập nhật và được đánh giá dựa trên thực tế.

Việc giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, CVHT kịp thời nắm bắt được tình trạng, sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học, theo dõi khối lượng và kết quả học tập để có thể nhắc nhở, động viên giúp người học cải thiện kết quả trong học tập và rèn luyện.

Đội ngũ GV, nhất là CVHT của Khoa có trách nhiệm và kinh nghiệm, sẵn sàng

hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho SV trong việc lựa chọn học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập, thực tế. Trường và Khoa thường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, các lớp học kỹ năng nhằm giúp SV cải thiện việc học tập, rèn luyện các kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp để có thêm cơ hội tìm kiếm việc làm cho người học.

Trường và Khoa tạo được môi trường tâm lý, xã hội, văn hóa nhà trường lành mạnh, dân chủ cởi mở, năng động và sáng tạo; cảnh quan, khuôn viên nhà trường xanh - sạch - đẹp; y tế học đường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự được đảm bảo, tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho người học.

### ***1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị***

Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng được trang bị các phương tiện, thiết bị hiện đại, phù hợp và thường xuyên được cải tạo, nâng cấp để hỗ trợ, đáp ứng yêu cầu các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Trung tâm TTTL của Trường đã tham gia vào hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử. Nguồn tài liệu được cập nhật, bổ sung thường xuyên, hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo và NCKH của GV, học viên và SV.

Khoa Hóa có đủ số lượng các phòng TN-TH được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết, phù hợp để phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Ngoài ra, Trường còn có Trại thực nghiệm Nhơn Tân tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định để thực hiện các đề tài NCKH.

Hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư, nâng cấp, cập nhật với hệ thống máy chủ, mạng internet, wifi, máy vi tính và các phần mềm chuyên dụng, ... đảm bảo hoạt động liên tục, hỗ trợ phục vụ hiệu quả các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. tốt cho việc học tập và nghiên cứu.

Công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự được đảm bảo; việc khám sức khỏe cho GV, người học được thực hiện theo định kỳ và bảo đảm các tiêu chuẩn quy định; một số giảng đường, khu luyện tập TDTT có lối đi riêng cho người khuyết tật.

### ***1.10. Nâng cao chất lượng***

Việc thiết kế và phát triển CTDH của Khoa được dựa trên cơ sở thu thập thông tin phản hồi từ phía cán bộ quản lý, GV, SV thông qua các phiếu điều tra khảo sát để

đáp ứng với CĐR. Khoa nhận được nhiều ý kiến, góp ý quý báu của các chuyên gia trong các lần điều chỉnh CTĐT.

Khoa thường xuyên liên kết chặt chẽ với các sở GD&ĐT, các trường THPT nhờ có mạng lưới cựu sinh viên rộng khắp các tỉnh miền Trung và Tây nguyên.

Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Sư phạm Hóa học được thực hiện đúng quy trình, quy định có sự rà soát, đánh giá và thường xuyên cải tiến theo định kỳ.

Rất nhiều giảng viên, cựu sinh viên của Khoa đã có thời gian học tập theo các chương trình tiên tiến của nước ngoài và có kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy các CTĐT cử nhân ngành Sư phạm Hóa học của các trường đại học khác đã tham gia vào quá trình phản hồi ý kiến xây dựng chương trình.

Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc và được tiến hành định kỳ hằng năm

Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường ĐHQN.

Số lượng bài báo khoa học của GV Khoa Hóa học công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành uy tín trong và ngoài nước ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Hoạt động NCKH được Nhà trường và Khoa chú trọng, gắn kết và phục vụ cho công tác đào tạo của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học. Có các hoạt động hợp tác với các tổ chức, trường đại học nước ngoài tạo điều kiện cho GV, SV học tập và nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nâng cao CSVC phục vụ cho công tác NCKH.

Các hoạt động hỗ trợ và dịch vụ tiện ích như: thư viện, nguồn học liệu, các phòng học, phòng TN-TH, hệ thống công nghệ thông tin, khu nhà ở KTX,... luôn được rà soát, đánh giá và đầu tư cải tiến, nâng cấp nhằm phục vụ hiệu quả, góp phần nâng cao CLĐT và NCKH.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường quy định bằng văn bản, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến thường xuyên. Trường có hệ thống phần mềm hỗ trợ việc lấy YKPH của các bên liên quan đảm bảo tính khách quan, khoa học và có độ tin cậy. Kết quả phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và có sự điều chỉnh, cải tiến.

### ***1.11. Kết quả đầu ra***

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hiện đại, đầy đủ các tiện ích

giúp việc theo dõi, cập nhật danh sách SV, tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp kịp thời và chính xác. Việc thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học được thực hiện thường xuyên và có nhiều biện pháp hạn chế người học bị buộc thôi học, giúp người học tốt nghiệp đúng thời hạn.

Nhà trường và Khoa đã thực hiện tốt việc quản lý và giám sát kế hoạch học tập, kết quả học tập và thời gian tốt nghiệp của SV thông qua các CVHT, duy trì sinh hoạt lớp hàng tháng để kịp thời nhắc nhở tình hình, kế hoạch, tiến độ học tập của SV, hỗ trợ SV, nhất là những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập, trong việc lựa chọn các môn học chuyển đổi, học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp để SV được hoàn thành CTĐT.

Nhà trường có đơn vị chuyên trách hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Công tác khảo sát việc làm của SV được tiến hành nghiêm túc, kết quả thu được chính xác, tin cậy, góp phần điều chỉnh, cập nhật CTĐT phù hợp với nhu cầu xã hội. Phần lớn SV ngành Sư phạm Hóa học sau khi tốt nghiệp ra trường đều có công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

Nhiều GV trong Khoa là các nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm nghiên cứu, nên có điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn SV nghiên cứu. SV trong Khoa có thể mạnh NCKH; các dữ liệu về NCKH của SV được lưu trữ, bảo quản tốt, giúp SV các khóa sau dễ dàng tiếp cận, kế thừa nghiên cứu.

Nhà trường và Khoa đã phối hợp triển khai nhiều hình thức lấy YKPH từ các bên liên quan đến CTĐT, CLĐT, hoạt động của GV, qua đó thấy được mức độ hài lòng của SV, cựu SV, nhà tuyển dụng; đồng thời để định kỳ rà soát, cập nhật, điều chỉnh, cải tiến chất lượng CTĐT ngành Sư phạm Hóa học cho phù hợp với nhu cầu thực tế và yêu cầu của các bên liên quan.

## **2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học**

### ***2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

Mục tiêu của CTĐT còn chậm được đổi mới để phù hợp với các quy định, yêu cầu mới về nội dung và phương pháp dạy học do một số văn bản, quy định còn đang dự thảo hoặc chưa có hiệu lực.

Khi xây dựng CDR của CTĐT ngành Sư phạm Hóa học, Khoa Hóa chưa lấy ý kiến rộng rãi SV sau khi tốt nghiệp, các giáo viên ở trường phổ thông và nhà sử dụng lao động góp ý cho CDR.

CĐR chưa công bố trực tiếp đến nhà sử dụng lao động thông qua các Sở GD&ĐT và trường THPT. Bên cạnh đó, hoạt động lấy YKPH của các bên liên quan về CĐR của CTĐT chưa được làm thường xuyên nên tính cập nhật còn chưa cao.

## **2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

Việc lấy YKPH của nhà sử dụng lao động, SV năm cuối và cựu SV khi xây dựng CTĐT chưa được thực hiện định kì. Chưa mở rộng quy mô tham khảo các CTĐT của các trường đại học trong khu vực và trên thế giới.

Trong ĐCCTHP, số tiết phân bổ chủ yếu cho hoạt động nghe giảng lý thuyết và làm bài tập trên lớp mà ít dành cho các hoạt động phát triển năng lực người học như thực hành, thực tập, hoạt động theo nhóm, seminar... Hơn nữa, cũng như CTĐT, việc lấy ý kiến từ các bên liên quan về nội dung và chất lượng của các học phần chưa được thực hiện định kỳ đối với cựu SV và nhà sử dụng lao động.

Việc công bố công khai trực tiếp Bản mô tả CTĐT và ĐCCTHP tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện quy mô rộng rãi.

## **2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động khi xây dựng CTDH chưa được thực hiện thường xuyên. Bên cạnh đó, việc kiểm tra, đánh giá định kì và kết thúc học phần chủ yếu bằng hình thức viết tự luận là chưa có tính đa dạng và hiện đại trong phương pháp kiểm tra, đánh giá. Một số câu hỏi chưa có tính sáng tạo, trùng lặp không thể hiện được quan điểm, thái độ riêng hay tính sáng tạo của từng SV. Hơn nữa, mỗi SV sẽ có những sở trường, điểm mạnh điểm yếu riêng nên với hình thức kiểm tra, đánh giá này SV ít có cơ hội thể hiện những kỹ năng khác, chưa đánh giá đúng năng lực thực của mình; chưa giúp SV hình thành và phát triển năng lực cần thiết phù hợp với công việc sẽ đảm nhận sau ra trường nên kết quả sẽ không công bằng, khách quan.

Việc tổ chức các hội thảo nhằm mục đích lấy YKPH của nhà sử dụng lao động về nội dung của các học phần trong việc đạt được CĐR chưa được tiến hành kịp thời.

## **2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường chưa được phổ biến rộng rãi, đa dạng trên nhiều kênh thông tin để nhà sử dụng lao động và cộng đồng, xã hội hiểu rõ.

Việc tổ chức thực hiện dự án, các hội thảo, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm hỗ trợ việc dạy và học chưa được tổ chức thường xuyên.

Hoạt động NCKH chưa thu hút được nhiều SV cùng tham gia do kinh phí còn hạn chế.

### **2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học đối với các học phần chung toàn trường, nhất là một số học phần thuộc khối kiến thức chung, được thiết kế còn ở mức độ thấp.

Văn bản về quy chế, quy định đánh giá kết quả học tập của SV còn chậm cập nhật, đổi mới. Vẫn còn có những SV chưa thực sự quan tâm đến ĐCCTHP và hình thức kiểm tra đánh giá.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV còn thiên về tiếp cận nội dung, kiến thức, chưa chú trọng tiếp cận năng lực. Số lượng các học phần sử dụng hình thức thi trắc nghiệm khách quan chưa nhiều. Nhà trường và Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi các học phần.

Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm, làm ảnh hưởng ít nhiều đến việc đăng ký cải thiện học phần của người học, nhất là đối với SV chuẩn bị tốt nghiệp.

Quy trình khiếu nại, việc tiếp nhận đơn thư của SV về kết quả học tập chưa được phân định rõ ràng giữa đơn vị chức năng và Khoa.

### **2.6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

Công tác quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên chưa được thực hiện thường xuyên. Nhà trường chưa có những chính sách ưu đãi, thu hút, giữ chân những người tài, những GV được đào tạo chính quy tại các trường đại học lớn, uy tín trên thế giới.

Nhiều GV còn đang thời gian đi học sau đại học nên chưa đảm bảo định mức, khối lượng công việc được giao, chưa tập trung vào hoạt động giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm có yêu cầu rất cao nhưng chế độ ưu đãi, điều kiện làm việc chưa thật sự tốt nên chưa thu hút được nguồn giảng có trình độ cao về giảng dạy tại khoa. Đồng thời một số tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, điều chuyển chưa được phổ biến công khai.

Trình độ tiếng Anh của một số GV chưa đạt trình độ giao tiếp và hợp tác quốc tế, nên sẽ gặp khó khăn khi giảng dạy môn chuyên ngành bằng tiếng anh và hợp tác quốc tế.

Mức hỗ trợ kinh phí cho GV học ngoại ngữ, học tập nâng cao chuyên môn, tham

dự các hội nghị hội thảo, tham gia nghiên cứu khoa học... còn hạn chế do nguồn kinh phí phúc lợi của Nhà trường không nhiều, dẫn đến GV khi đi học nâng cao nghiệp vụ còn gặp nhiều khó khăn.

Việc điều tra, phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV, chuyên viên chưa được thực hiện đầy đủ, toàn diện. Việc bố trí thời gian tổ chức một số khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, khóa học ngoại ngữ cho GV, chuyên viên chưa phù hợp; chưa triển khai một số khóa học theo nhu cầu của GV.

Việc quản trị theo kết quả NCKH của GV chưa được định lượng rõ ràng, dẫn đến việc khen thưởng đôi khi chưa được thỏa đáng đối với các GV có nhiều thành tích, đóng góp.

Số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với các đối tác nước ngoài chưa nhiều. Các đề tài nghiên cứu có tính liên ngành còn ít. Chế độ hỗ trợ của Nhà trường cho các đề tài nghiên cứu, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín còn hạn chế.

Có GV chưa thật sự hài lòng với chế độ chính sách hỗ trợ của Nhà trường cho các công trình NCKH, bài báo đăng tải trên các tạp chí quốc tế, nên số lượng bài đăng còn hạn chế so với các trường đại học khác.

Nhà trường chưa có chế độ đãi ngộ đối với các GV có dư giờ NCKH so với quy định, dẫn đến GV thiếu động lực cho công tác NCKH.

### **2.7. *Đội ngũ nhân viên***

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại các đơn vị hỗ trợ, phục vụ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ, cũng như chưa thực hiện thường xuyên việc lấy YKPH của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên.

Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng và sử dụng đội ngũ này hợp lý hơn.

Tuy hằng năm Nhà trường có đánh giá, xếp loại viên chức, có xét tặng các danh hiệu thi đua nghiêm túc nhưng vẫn chưa phát huy hết năng lực của đội ngũ nhân viên. Nguyên nhân việc này do Nhà trường chỉ thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng nhưng vấn đề phê bình và tự phê bình chưa được thực hiện thường xuyên. Chẳng hạn chưa có những khảo sát thường xuyên về sự hài lòng của giảng viên và sinh viên đối



với hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên và chưa được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc đánh giá, phân loại nhân viên.

Các khóa đào tạo, bồi dưỡng được Nhà trường tổ chức để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa phong phú và thường xuyên.

Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên chưa thực sự hiệu quả. Công tác đánh giá, xếp loại viên chức, xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng hằng năm được thực hiện nghiêm túc nhưng vẫn chưa tạo động lực, phát huy hết năng lực của đội ngũ nhân viên.

### ***2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Hình thức quảng bá tuyển sinh của Trường và Khoa chưa thu hút được nhiều học sinh giỏi vào học ngành Sư phạm Hóa học. Số lượng học sinh đăng ký và trúng tuyển ngành Sư phạm Hóa học giảm do quy chế tuyển sinh và sự phân bổ về chỉ tiêu đối với các ngành sư phạm của Bộ GD&ĐT.

Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống TC.

Việc lấy YKPH, đánh giá của người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của CVHT, trợ lý đào tạo, GV phụ trách thực tập, thực tế chưa được thực hiện.

Không gian làm việc của Khoa Hóa chật hẹp, cả Khoa chỉ có một văn phòng Khoa là nơi làm việc, gặp gỡ GV, SV và học viên cao học; Trường chưa có đủ điều kiện bố trí không gian tự học cho SV.

### ***2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị***

Một số giảng đường, phòng học trang bị bàn ghế, thiết bị dạy học chưa đáp ứng được tiêu chuẩn của phòng học hiện đại.

Trung tâm Thông tin tư liệu chưa có hệ thống mượn - trả tài liệu tự động; chưa thống kê chính xác được số lượng độc giả và người học thuộc các chuyên ngành đào tạo đến thư viện; các tạp chí chuyên ngành còn hạn chế.

Một số phòng TN-TH còn trang bị các thiết bị cũ chưa được thay thế các thiết bị hiện đại. Thiết bị thí nghiệm, thực hành chưa được bảo dưỡng thường xuyên và thay thế kịp thời khi hư hỏng.

Chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực còn yếu; Nhà trường đã triển khai đề

án dạy học trực tuyến nhưng chưa hoàn thành.

Chưa thường xuyên khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi về chất lượng công tác bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường của SV, GV và nhân viên. Chính sách quan tâm đến người khuyết tật mới chỉ dừng lại ở mức hỗ trợ học bổng, bố trí chỗ ở tầng trệt KTX; một số giảng đường, KTX xây dựng trước đây chưa được cải tạo lối đi riêng cho người khuyết tật.

### **2.10. Nâng cao chất lượng**

Việc thu thập và phân tích các thông tin phản hồi từ cựu SV và nhà sử dụng lao động để điều chỉnh CTDH, cải tiến nâng cao CLĐT còn chưa thường xuyên. Hơn nữa, kế hoạch lấy YKPH từ cựu SV và nhà sử dụng lao động về CTDH còn bị động vì phụ thuộc vào sự thay đổi chương trình sách giáo khoa của Bộ GD&ĐT.

Vai trò của nhà tuyển dụng chưa thể hiện rõ nét trong quá trình thiết kế CTĐT.

Việc thay đổi một số học phần trong CTĐT của ngành Sư phạm Hóa học đặt ra nhu cầu cần có những tài liệu cập nhật, hiện đại phù hợp với sự thay đổi SGK. Đa số các tài liệu này được soạn thảo bằng Tiếng Anh nên cần nhiều thời gian cho giảng viên đầu tư chuyên ngữ sang Tiếng Việt cho sinh viên. Do thời gian hạn chế nên một số tài liệu vẫn chưa được chuyển ngữ có thể gây khó khăn cho phần lớn sinh viên khi tiếp cận.

Việc tiến hành kiểm tra thường xuyên bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận, thi vấn đáp chưa được thực hiện ở tất cả các học phần.

Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được thực hiện; chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi. Trường và Khoa chưa xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần.

Một số trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác NCKH thực nghiệm chuyên sâu còn thiếu nên kết quả NCKH ở những mảng chuyên môn này còn hạn chế trong việc vận dụng vào dạy học. Số SV theo học CTĐT ngành Sư phạm Hóa học tham gia làm khóa luận tốt nghiệp chỉ chiếm 20% nên số SV vận dụng kiến thức vào NCKH chưa nhiều; chưa có nhiều bài tham luận ở các Hội thảo quốc tế có sự tham gia nghiên cứu của SV. Kinh phí dành cho NCKH SV còn hạn chế.

Thư viện còn hạn chế các tạp chí chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài. Chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực trong trường còn yếu. Một số phòng TN-TH thiết bị cũ kỹ chưa được thay thế, thường xuyên bảo dưỡng nên chưa đáp ứng nhu cầu

dạy học và NCKH.

Tỉ lệ SV tham gia khảo sát của Nhà trường còn chưa cao dẫn đến kết quả khảo sát về hoạt động giảng dạy và CTĐT chưa đạt được hiệu quả như mong đợi.

Khoa chưa thường xuyên tổ chức hội thảo với các nhà sử dụng lao động để kịp thời nắm bắt nhu cầu của thị trường lao động.

### ***2.11. Kết quả đầu ra***

Đội ngũ CVHT của Khoa chưa phát huy hết khả năng tư vấn cho SV trong việc đăng ký học phân, học lại hoặc các điều kiện đủ chuẩn để xét tốt nghiệp. SV chưa chủ động với kế hoạch học tập để hoàn thành các điều kiện CĐR về ngoại ngữ và tin học.

Một số SV bảo lưu kết quả học tập khi tiếp tục học lại đã gặp khó khăn trong việc tìm học phần thay thế phù hợp (vì một số học phần thay đổi do cải tiến CTĐT các năm 2010, 2015, 2018) để đảm bảo đủ số lượng TC yêu cầu trong CTĐT.

Trong thời gian gần đây, tỉ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp có xu hướng giảm. Việc dự báo, phân tích nhu cầu của thị trường lao động chưa được thực hiện thường xuyên. Khoa chưa thành lập được Ban liên lạc cựu SV để tạo mối liên hệ thường xuyên, tạo điều kiện cho SV tìm kiếm cơ hội việc làm khi ra trường.

Nguồn kinh phí hỗ trợ cho SV NCKH còn hạn chế. Một bộ phận SV chưa nhận thức được tầm quan trọng của NCKH đối với cải tiến chất lượng, kết quả học tập và nghề nghiệp tương lai.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan chưa được đối sánh để có thêm cơ sở cải tiến chất lượng CTĐT.

## **3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo**

Để khắc phục các tồn tại trên, Khoa Hóa và Trường ĐHQN lên kế hoạch cải tiến chương trình bắt đầu từ năm học 2020 - 2021 như sau:

***\* Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; bản mô tả chương trình đào tạo; cấu trúc và nội dung chương trình dạy học***

Khoa tiếp tục lấy YKPH của các bên liên quan, để cập nhật mục tiêu CTĐT; rà soát, điều chỉnh CĐR; trong đó chú trọng lấy YKPH của giáo viên phổ thông, nhà quản lý giáo dục về các hoạt động ngoại khóa và năng lực tổ chức hoạt động ngoại khóa của SV ra trường; công bố CĐR trực tiếp đến nhà sử dụng lao động.

Khoa tiến hành rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT và các ĐCCTHP dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT, tham khảo CTĐT tiên tiến, kết quả lấy YKPH của đông đảo các

bên liên quan và phổ biến rộng rãi Bản mô tả CTĐT đến các bên liên quan trên nhiều kênh thông tin.

Định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần rà soát, điều chỉnh, bổ sung CTDH và các ĐCCTPH dựa trên CDR đã được cập nhật và kết quả lấy YKPH của SV, cựu SV, nhà sử dụng lao động; tăng cường thời lượng thực hành, rèn luyện kỹ năng cho SV nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

***\* Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học; đánh giá kết quả học tập của người học***

Khoa tăng thêm nhiều kênh thông tin như facebook, zalo,... để phổ biến mục tiêu giáo dục của CTĐT tới các bên liên quan; tổ chức các hội thảo, thảo luận, trao đổi sáng kiến kinh nghiệm về giảng dạy và học tập, qua đó cải tiến hoạt động, phương pháp dạy và học giúp SV rèn luyện kỹ năng, nâng cao khả năng tự học để học tập suốt đời.

Tổ chức xây dựng ngân hàng câu hỏi cho mỗi học phần, mỗi câu hỏi được thiết kế đều chỉ rõ đánh giá theo yếu tố, theo mức độ phù hợp với CDR. Tăng số lượng học phần thi cuối kỳ theo trắc nghiệm khách quan; thực hiện đánh giá theo tiếp cận năng lực; ra đề thi theo hướng tăng cường tư duy, vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề; khảo sát, phân tích, đánh giá mức độ đề thi đáp ứng yêu cầu CDR; thúc đẩy và cam kết việc chấm thi kết thúc học phần và công bố điểm cuối kỳ đúng thời hạn; yêu cầu CVHT công khai, phổ biến đến tận SV quy trình khiếu nại về kết quả học tập để SV tiếp cận, nắm bắt dễ dàng hơn.

***\* Về đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; đội ngũ nhân viên***

Khoa tiến hành rà soát quy hoạch đội ngũ GV, nhân viên; tạo điều kiện thuận lợi để các GV, nhân viên được bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ theo nhu cầu; khuyến khích GV đăng ký thực hiện các đề tài nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng đồng, các đề tài gắn với hoạt động dạy và học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới; triển khai đánh giá GV, nhân viên theo vị trí việc làm, kết quả công việc để tăng cường động lực cho GV, nhân viên; định kỳ hằng năm khảo sát nhu cầu, xây dựng kế hoạch cụ thể, bố trí thời gian hợp lý để GV, nhân viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; đẩy mạnh sự kết nối, hợp tác trong NCKH giữa các GV trong Khoa và các đối tác nước ngoài.

### ***\* Về người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Khoa tăng cường công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp cho học sinh, giúp học sinh tiếp cận dễ dàng các thông tin về ngành học; các CVHT thông tin đầy đủ cho SV đầu khóa học về CTĐT, CDR, các quy chế về đào tạo, quy định về kiểm tra, đánh giá các học phần để SV chủ động lên kế hoạch học tập, nắm bắt đầy đủ các quy định, quy chế đào tạo, thi cử.

Tăng cường các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, rèn luyện nghiệp vụ để giúp SV nâng cao kết quả học tập và rèn luyện; kết nối, nắm bắt nhu cầu của các cơ quan, đơn vị tuyển dụng để giới thiệu cho SV tìm kiếm việc làm khi ra trường.

Đẩy mạnh xây dựng nếp sống văn hóa văn minh trong SV; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn nhà trường; thường xuyên tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao để SV vui chơi, giải trí; bảo đảm môi trường thuận lợi cho SV học tập và sinh hoạt.

### ***\* Về cơ sở vật chất và trang thiết bị***

Đề xuất với Nhà trường sớm cải tạo, nâng cấp các phòng học và trang thiết bị xuống cấp, hư hỏng; bố trí thêm phòng làm việc và các trang thiết bị cho Khoa và các Tổ bộ môn; đầu tư nâng cấp các phòng TN-TH, lắp đặt các trang thiết bị hiện đại, đồng bộ; sớm thành lập tổ bảo trì, bảo dưỡng để bảo trì, sửa chữa kịp thời các thiết bị hư hỏng, phục vụ tốt việc dạy và học; bổ sung các đầu sách nước ngoài, đặc biệt là các sách mới xuất bản để cập nhật các tri thức mới; phát triển kho tài nguyên số. Khoa có trách nhiệm tìm kiếm nguồn tài liệu mới thông qua các trang mạng học thuật, qua các GV nước ngoài; liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu, thư viện các tỉnh để truy cập, khai thác các học liệu, dữ liệu.

Nhà trường tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin; phủ sóng wifi toàn bộ khuôn viên trường; sớm hoàn thiện đề án dạy học trực tuyến. Nhà trường tiếp tục tạo tài khoản cho mỗi GV, SV được cập nhật nhiều nguồn tài liệu mở khác nhau.

Nhà trường có kế hoạch kiểm tra thường xuyên vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo đảm định kỳ khám sức khỏe cho GV, SV; tăng cường đảm bảo an ninh trật tự, an toàn nhà trường; tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC cho GV, nhân viên và SV; tăng cường kiểm tra việc thực hiện nề nếp văn hóa nhà trường; cải tạo lối đi riêng cho người khuyết tật tại các giảng đường, KTX chưa có.

### ***\* Về nâng cao chất lượng; kết quả đầu ra***

Trường ĐHQN và Khoa Hóa tổ chức lấy YKPH rộng rãi của các bên liên quan; dựa trên kết quả YKPH để cập nhật, cải tiến CTDH; định kỳ tổ chức các ngày hội Open Day để SV có cơ hội rèn luyện các kỹ năng mềm; tổ chức lấy YKPH của các bên liên quan về sự tương thích và mức độ phù hợp giữa CDR của CTĐT và yêu cầu nghề nghiệp thực tế. Tăng cường các đề tài NCKH gắn với CTĐT ngành Sư phạm Hóa học, chú trọng áp dụng các kết quả NCKH vào cải tiến dạy học. Khoa chủ động trong việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan để điều chỉnh, bổ sung CTĐT, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Khoa phát huy hơn nữa vai trò CVHT trong việc theo dõi, nắm bắt tình hình, tiến độ, kết quả học tập của SV để hỗ trợ SV có kế hoạch học tập hợp lý và cải thiện kết quả học tập. Khoa lập danh mục các học phần thay thế, phổ biến công khai để các SV bảo lưu kết quả học tập chủ động đăng ký học lại. Các đơn vị chức năng liên quan của Trường và Khoa có kế hoạch tiếp tục lấy YKPH của các bên liên quan để cải tiến CLĐT. Khoa thành lập Ban liên lạc cựu SV của Khoa và cùng các đơn vị chức năng liên quan trong trường để kết nối, tổ chức giao lưu, tư vấn để hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm sau khi ra trường.

### **4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo**

Căn cứ vào bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy 49 tiêu chí đạt và 01 tiêu chí chưa đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

## Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Hóa học

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Quy Nhơn

Mã trường: DQN

Tên CTĐT: Sư phạm Hóa học

Mã CTĐT: 7140212

**Bảng 4.1. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư 04/2016**

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí    | Thang đánh giá |   |   |     |   |   |   | Tổng hợp theo tiêu chuẩn |                    |                              |
|----------------------------|----------------|---|---|-----|---|---|---|--------------------------|--------------------|------------------------------|
|                            | Chưa đạt       |   |   | Đạt |   |   |   | Mức trung<br>bình        | Số tiêu chí<br>đạt | Tỉ lệ số tiêu<br>chí đạt (%) |
|                            | ①              | ② | ③ | ④   | ⑤ | ⑥ | ⑦ |                          |                    |                              |
| <b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b> |                |   |   |     |   |   |   | 4,67                     | 3                  | 100                          |
| Tiêu chí 1.1               |                |   |   | 4   |   |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 1.2               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 1.3               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| <b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b> |                |   |   |     |   |   |   | 5,00                     | 3                  | 100                          |
| Tiêu chí 2.1               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 2.2               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 2.3               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| <b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b> |                |   |   |     |   |   |   | 5,00                     | 3                  | 100                          |
| Tiêu chí 3.1               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 3.2               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 3.3               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| <b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b> |                |   |   |     |   |   |   | 4,33                     | 3                  | 100                          |
| Tiêu chí 4.1               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 4.2               |                |   |   |     | 4 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 4.3               |                |   |   |     | 4 |   |   |                          |                    |                              |
| <b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b> |                |   |   |     |   |   |   | 4,80                     | 5                  | 100                          |
| Tiêu chí 5.1               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 5.2               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 5.3               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 5.4               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 5.5               |                |   |   |     | 4 |   |   |                          |                    |                              |
| <b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b> |                |   |   |     |   |   |   | 5,00                     | 7                  | 100                          |
| Tiêu chí 6.1               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 6.2               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 6.3               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 6.4               |                |   |   |     | 4 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 6.5               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 6.6               |                |   |   |     | 5 |   |   |                          |                    |                              |
| Tiêu chí 6.7               |                |   |   |     |   | 6 |   |                          |                    |                              |

|                            |  |  |   |   |   |  |             |           |           |
|----------------------------|--|--|---|---|---|--|-------------|-----------|-----------|
| <b>Tiêu chuẩn 7</b>        |  |  |   |   |   |  |             |           |           |
| Tiêu chí 7.1               |  |  |   | 4 |   |  |             |           |           |
| Tiêu chí 7.2               |  |  |   | 4 |   |  |             |           |           |
| Tiêu chí 7.3               |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| Tiêu chí 7.4               |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| Tiêu chí 7.5               |  |  | 3 |   |   |  |             |           |           |
| <b>Tiêu chuẩn 8</b>        |  |  |   |   |   |  |             |           |           |
| Tiêu chí 8.1               |  |  |   | 4 |   |  |             |           |           |
| Tiêu chí 8.2               |  |  |   | 4 |   |  |             |           |           |
| Tiêu chí 8.3               |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| Tiêu chí 8.4               |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| Tiêu chí 8.5               |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| <b>Tiêu chuẩn 9</b>        |  |  |   |   |   |  |             |           |           |
| Tiêu chí 9.1               |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| Tiêu chí 9.2               |  |  |   | 4 |   |  |             |           |           |
| Tiêu chí 9.3               |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| Tiêu chí 9.4               |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| Tiêu chí 9.5               |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| <b>Tiêu chuẩn 10</b>       |  |  |   |   |   |  |             |           |           |
| Tiêu chí 10.1              |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| Tiêu chí 10.2              |  |  |   | 4 |   |  |             |           |           |
| Tiêu chí 10.3              |  |  |   | 4 |   |  |             |           |           |
| Tiêu chí 10.4              |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| Tiêu chí 10.5              |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| Tiêu chí 10.6              |  |  |   | 4 |   |  |             |           |           |
| <b>Tiêu chuẩn 11</b>       |  |  |   |   |   |  |             |           |           |
| Tiêu chí 11.1              |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| Tiêu chí 11.2              |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| Tiêu chí 11.3              |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| Tiêu chí 11.4              |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| Tiêu chí 11.5              |  |  |   |   | 5 |  |             |           |           |
| <b>Đánh giá chung CTĐT</b> |  |  |   |   |   |  | <b>4,72</b> | <b>49</b> | <b>98</b> |

Bình Định, ngày 08 tháng 3 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ